

# diễn đàn

số 2 / 1.11.1991

F O R U M



Việt Nam : quan hệ quốc tế

## ÁNH SÁNG CUỐI ĐƯỜNG HẦM : RỒI SAO NỮA ?

Nếu không có những thay đổi giờ chót, thì khi trang báo này tới tay bạn đọc, Hiệp định quốc tế về Campuchia (ký kết ngày 23.10 ở Paris) đã ráo mực, hoàng thân Sihanouk trở về Phnom Penh trong cương vị một nguyên thủ quốc gia, chuẩn bị đi thăm Hà Nội (cuối tháng 11) ngay sau khi tổng bí thư Đỗ Mười, và có lẽ cả thủ tướng Võ Văn Kiệt, chấm dứt cuộc viếng thăm chính thức ở Bắc Kinh, thể hiện sự cầu hoà của Việt Nam và đánh dấu sự làm hoà giữa nước ta và Trung Quốc.

(xem tiếp trang 7)

### mục lục

- 2 Bạn đọc và Diễn Đàn  
Từ chức trong Ban lãnh đạo Hội NVNTP
- 3 Về một buổi họp  
Tranh luận ý kiến (Ng. V.)
- thời sự**
- 1 Ánh sáng cuối đường hầm...? (Phong Quang)
- 4 Việt Nam... đã qua... sắp tới...
- 8 "Catastroïka" (Nguyễn Quang)
- 10 400 đôla / người vào năm 2000 ? (Vũ Quang)
- 12 Cây không thể che khuất rừng (Lâm Võ Hoàng)
- 13 Yếu tố bỏ học (M. Hiebert)

### cộng đồng

- 15 cộng đồng...đó đây...  
17 Emanuel (Megapolis Express)  
Paris tháng 11

### văn hóa văn nghệ

- 9 Sách ảnh " Vietnam... " của J.-C. Labbé
- 18 Giải Fémina cho Dương Thu Hương ? (K.V.)  
Phạm Thị Hoài sang Pháp (T.D. và K.V.)
- 20 Chuyện mắc... dịch (Tú Sun)
- 21 Tưởng niệm Lưu Trọng Lư và Hồ Dzênh (Đ.T.)
- 22 Quả táo (thơ, Hồ Dzênh)
- 23 Võ Phiến và *Truyện thật ngắn* (Đặng Tiến)
- 26 Cửa thiền đường chật hẹp  
(*truyện ngắn*, Đoàn Bích Hồng)
- 30 Yersin : một hành trình (Nguyễn Thắng)

# Bạn đọc

và



Trong khoảng thời gian ngắn ngủi (mươi ngày) từ khi Diễn Đàn số 1 (mà một bạn đã so sánh với “một cô gái nhà nghèo duyên dáng”) tới tay bạn đọc cho đến hôm lên khuôn số 2 này, chúng tôi đã nhận được thêm gần 200 thư và ngân phiếu ủng hộ, mua dài hạn Diễn Đàn. Không thể trả lời riêng từng người, chúng tôi xin tất cả nhận nơi đây lòng biết ơn tri ngộ đối với những khích lệ quý giá đó. Trong số này, do yêu cầu của một vài bạn, chúng tôi xin dành mục này để trả lại vấn đề **Diễn Đàn và bạn mua dài hạn Đoàn Kết cũ**.

Ở một đoạn trong bài Thay lời phi lô, trang đầu số 1, chúng tôi đã có lời thưa lại, nhưng chắc hẳn chưa được hoàn toàn rõ, nay chúng tôi xin trình bày thêm như sau :

1. Tờ Đoàn Kết trước nay là do Hội Người Việt Nam tại Pháp xuất bản, anh em trong ban biên tập làm báo hoàn toàn là làm một công việc tự nguyện và không ăn lương, làm thêm ở ngoài những giờ chúng tôi đi làm, kiếm ăn tự lập trong xã hội (chỉ có, trong một thời gian tương đối ngắn, Hội có tiền cho phép trả lương cho một hai người làm kỹ thuật để nhẹ bớt việc cho anh em làm báo). Đối với một số đồng trong chúng tôi, đây là một công tác hoạt động đóng góp của người hội viên. Với một số người khác, vừa vì tình bè bạn, vừa chia sẻ một số giá trị chung nên nhận làm. Cho tới tháng 5.1990, việc quản lý tờ báo là công việc của Hội. Từ tháng 6.1990, do tình hình đòi hỏi, chúng tôi nhận tự quản tờ báo, và Đoàn Kết từ báo **của** Hội NVNTP trở thành tờ báo **trong** Hội, như chúng tôi đã trình bày lúc đó. Việc đưa tên những người trách nhiệm (Hà Dương Tường, Trần Hải Hạc, Lê Kim Chi) cũng có ý nghĩa rằng chỉ từ số tháng 6.1990 đó, những người nói trên mới nhận trách nhiệm tờ báo với tư cách cá nhân. Trước ngày đó, là chúng tôi nhận làm cho tờ báo của Hội.

2. Đoàn Kết xưa nay vẫn sống nhờ độc giả và nhờ sự hỗ trợ của Hội cũng như của một số Công ty Việt kiều (qua tiền quảng cáo). Sự thiếu tiền trong quỹ báo là triền miên. Tình hình này càng trầm trọng trong những năm cuối, khi những máy móc được mua nhưng những món tiền hỗ trợ đã hứa không được đưa đúng như lời hẹn. Khi chúng tôi coi sổ sách hồi tháng 5.1990 thấy trong quỹ báo không phải là có tiền mà còn thiếu nợ nhà in quá nhiều; mặc dầu vậy, chúng tôi vẫn nhận quản lý tờ báo, nghĩ rằng với những cố gắng giảm chi tiêu tối đa, và với sự hỗ trợ của bạn đọc, tờ báo vẫn sẽ sống được. Hè 1990, chúng tôi quyết định muộn của một số thành hữu một ít tiền trả gấp một phần nợ nhà in để họ chịu in tiếp, và tháng 9, tăng giá báo.

Tình hình tài chính của tờ báo đầu năm 1991 vẫn là mối lo hàng đầu của những người trực tiếp chịu trách nhiệm tờ báo, và của toàn ê-kíp Đoàn Kết (biên tập, kỹ thuật). Chúng tôi quyết định giảm chi lần nữa và kêu gọi bạn đọc ủng hộ thêm (ĐK số 432, tháng 3.1991).

3. Tuy nhiên, tình hình *chính trị* trong nước và trong Hội NVNTP cuối cùng đã dẫn tới việc một số người đòi xoá bỏ sự thoả thuận mùa xuân năm 1990. Vì dứt khoát không muốn gây ra tranh chấp, nên một lần nữa, chúng tôi đã tỏ thiện chí bằng quyết định trả lại tờ báo cho Hội và thành lập báo Diễn

Đàn. Việc trao trả đã được thực hiện sau số báo 434 (đề tháng 5.1991, nhưng vì nhiều khó khăn tháng 8 mới in xong). Trước khi trao, chúng tôi đã làm sổ sách, và thấy rằng tiền trong quỹ cho phép trả hết món nợ muộn của bạn bè hè 1990 mà *kết quả một năm tự quản vẫn thăng bằng*. Điều này đã được thực hiện một phần nhờ bạn đọc đã nhiều người gửi tiền giúp đỡ, vì thế trước khi ra Diễn Đàn anh em chúng tôi đã tâm niệm sẽ gửi tặng Diễn Đàn ít nhất là một, nếu được thì hai số cho tất cả những bạn đọc của Đoàn Kết cũ. *Chúng tôi không mang đi của Đoàn Kết một xu nào, máy móc cũng không*. Việc Hội lấy lại tờ báo, **cũng như lúc giao cho chúng tôi**, là gồm cả phần tài sản có và phần nợ (actif và passif, theo danh từ kinh tế tiếng Pháp). Điều này đã được thể hiện cụ thể trong tờ chứng nhận hết trách nhiệm (*quitus*) mà ông Trần Đình Lan, đại diện của Hội về mặt pháp lý, đã ký và trao cho chúng tôi, theo đề nghị của Ban thường trực. Nó cũng có nghĩa là *đối với bạn đọc mua dài hạn Đoàn Kết còn chưa hết hạn* (chưa nhận đủ 11 số, hay hơn nữa, vì có bạn đã đóng hơn một năm, tuy nhiên đây là số rất ít), thì tờ Đoàn Kết mới sẽ phải tiếp tục gửi báo cho họ những số còn lại chứ không thể chuyển khoản sang cho báo Diễn Đàn. Theo chỗ chúng tôi biết, tờ Đoàn Kết sẽ tiếp tục ra (tất nhiên là với một ban biên tập khác), không có vấn đề khai phá sản. Chúng tôi buộc lòng phải nói rõ những điều này một lần chót, để chấm dứt những lời đồn, không mấy hay ho cho chính những người tung ra, song cũng có thể nhất thời làm một số bà con thắc mắc.

4. Đối với một số rất đông bạn đọc Đoàn Kết (cũ) đã ủng hộ sự đổi mới của tờ báo trong những năm sau này, chúng tôi biết rằng giải pháp thuận pháp lý như thế chưa ổn thỏa; có người đã nói thẳng với chúng tôi rằng “*tôi trả tiền để đọc báo các anh đưa tin trung thực, viết thẳng thắn, chứ không phải để đọc báo chính quyền*”. Nhưng chúng tôi cũng tin rằng, các bạn sẽ thông cảm những khó khăn của những kẻ suốt đời làm báo không công mà không trách cứ chúng tôi lâu hơn, và sẵn sàng chuyển sự ủng hộ đó sang Diễn Đàn, tờ báo do ê-kíp Đoàn Kết cũ **chủ trương** và thực hiện, không còn phụ thuộc vào bất kỳ tổ chức nào – cũng có nghĩa là không được sự hỗ trợ của ai khác ngoài bạn đọc, và một số ít ỏi quảng cáo không điều kiện chính trị mà chúng tôi sẽ cố gắng tìm kiếm.

## Từ chức trong ban lãnh đạo Hội người Việt Nam tại Pháp

Buổi họp ngày 5.10.1991 của Ban đại diện trung ương Hội người Việt Nam tại Pháp đã ghi nhận sự từ chức của hai trên năm ủy viên của Ban thường trực Hội. Đó là các ông Lê Văn Cường, thư ký phụ trách ngoại vụ, và Trần Hải Hạc, thư ký phụ trách văn hóa thông tin. Lý do trực tiếp đưa đến việc từ chức này là thái độ của ban lãnh đạo Hội trước quyết định của Ban Việt kiều Thành phố Hồ Chí Minh cắt nguồn báo Việt Nam đối với ban biên tập báo Diễn Đàn-Forum.

Quyết định của hai ủy viên Ban thường trực Hội người Việt Nam tại Pháp còn có những lý do cơ bản liên quan đến phương hướng chuẩn bị đại hội sắp tới của Hội. Trong bức thư từ chức, ông Lê Văn Cường cho biết “không chấp nhận là Hội

phải giữ quan hệ tốt với nhà nước Việt Nam với bất kỳ mọi giá, khi tinh tú "tốt" còn được định nghĩa theo chủ quan của từng người". Bức thư từ chức của ông Trần Hải Hạc nêu vấn đề về sự "im lặng" của Ban thường trực "trước những sức ép cực đoan, thái độ hẹp hòi, xu hướng loại trừ" đi ngược lại tinh thần đa nguyên của Hội. Ông cho rằng ban lãnh đạo Hội đã có "một thái độ từ nhiệm".

Được biết là Hội người Việt Nam tại Pháp sẽ họp đại hội tại Paris vào trung tuần tháng 11.

## Về một buổi họp

Đầu tháng 10.1991, một số anh chị em trong ban biên tập Diễn đàn nhận được một giấy mời đánh máy như sau :

"Trước tình hình khủng hoảng nghiêm trọng của đất nước, trước những biến cố đồn dập tại Đông Âu và ngay cả tại Liên Xô, trước xu hướng mong muốn một sự thay đổi của đồng bào quốc nội, một buổi họp được tổ chức ngày Chủ Nhật 6 tháng 10 năm 1991 lúc 15 giờ đúng tại Centre International de Séjour de Paris, 6 Avenue Maurice Ravel, 75012 Paris, để chúng ta được dịp cùng nhau thảo luận về tình hình đất nước. Ông Bùi Tín nhận lời tham dự buổi họp này.

Giấy mời này được gửi tới Anh (Chị)... cần mang theo để vào phòng họp".

Sự thảo luận giữa những người không nhất thiết phải cùng chính kiến là một điều bình thường, cần thiết. Nghĩ thế nên, tuy có ngần ngại vì giấy mời không ký tên, vài người trong chúng tôi, hôm ấy rành rẽ, đã tới buổi họp. Mỗi người đi hay không đi, đều hoàn toàn do quyết định riêng của mình. Không một ai đại diện cho tờ báo. Một buổi họp có những nhân tố tích cực như nhiều buổi họp khác, qua sự cọ xát ý kiến của những người rất khác nhau. Tuy nhiên, trong và sau buổi họp, có những điều không được hay đã diễn ra, buộc chúng tôi, dù hoàn toàn không có ý định để đưa tin về buổi họp, phải nói lại như sau :

\* Buổi họp đã được mời để "cùng nhau thảo luận về tình hình đất nước", đáng tiếc là những người chủ trì đã không giữ được một tinh thần thảo luận khách quan, nghiêm chỉnh, để có lúc biến thành sự hạch họé của một số người đối với một vài người khác, và sau cùng đã nhượng bộ trước những đòi hỏi quá khích, biến một buổi thảo luận thành một thứ mít-tinh, hoàn toàn giống kiểu "sách động quần chúng" đã lỗi thời. Phải chăng điều này xuất phát từ sự bất đồng ngay giữa những người chủ trương : người thì muốn đi tới hành động, thậm chí thành lập tổ chức, người thì không muốn treo đầu dê bán thịt chó, mời tới thảo luận thì chỉ thảo luận, muốn hành động, muốn tổ chức thì nói trước trong giấy mời cho hai năm rõ mười ?

\*\* Trong suốt buổi họp, những thành viên của Diễn đàn (có mặt với tư cách riêng, như đã nói) không một ai lên tiếng, về bất cứ một điều gì (đây chỉ là một nhận xét sự việc đã diễn ra !), lại càng không có việc nói lên sự "đồng ý" (hay "không đồng ý") về những đề nghị mà một vài người đưa ra lúc cuối buổi.

Thế mà sau cuộc họp, một số báo và đài đã dành cho những anh chị em ban biên tập Diễn đàn có mặt hôm đó cái vinh dự khá công khen là được thấy tên tuổi của mình được liệt kê ván vách — bên cạnh những người mà tên họ chưa hề xuất hiện trên mặt báo Diễn đàn — gán cho họ ý muốn "liên hiệp hành động" và phong chức là sẽ đi hàng đầu một cuộc biểu tình mà hình như ban tổ chức cũng chưa tính kêu gọi.

## suy nghĩ gần xa



## TRANH LUẬN Ý KIẾN

DIỄN ĐÀN đã ra đời. Một số ý kiến về mục tiêu của nó đã được phát biểu. Nhưng vai trò của nó cần được khẳng định cho rõ, để tránh mọi sự nhập nhằng, ngộ nhận hay gán ghép. Phải phân biệt tranh luận ý kiến (*débat d'idées*) và hành động chính trị (*actions politiques*). Theo tôi nghĩ, hoàn toàn độc lập với mọi tổ chức chính trị hay hội đoàn, DIỄN ĐÀN chỉ có vai trò tranh luận ý kiến.

Nhưng tranh luận ý kiến bao gồm thông tin và góp ý. Có người chót nhả hỏi dừa : DIỄN ĐÀN muốn tái diễn vai trò của Trạng Trình và La Sơn phu tử, đợi được cầu ý chăng ? Gạt bỏ sang một bên khía cạnh mỉa mai, tôi xin được thưa như sau : Trịnh Kiểm<sup>1</sup>, Nguyễn Hoàng<sup>2</sup>, Nguyễn Huệ<sup>3</sup> không những là danh tướng một thời, mà còn là những nhà chính trị cao. Họ đâu phải nhờ ý kiến của mấy cụ già ẩn náu ở chốn đồng quê rừng rú, mới làm nên việc ! Khi sai sứ, hay đích thân tiếp kiến, trân trọng hỏi ý các cụ, họ đã khôn khéo chứng tỏ cho nhân dân biết họ là những nhà cầm quyền nhìn xa, biết hỏi, biết nghe<sup>4</sup>. Nhưng đó là chuyện đời xưa.

Ngày nay, thế giới biến chuyển nhanh, cọ xát ý kiến là một sự cần thiết cho mọi xã hội có nhu cầu muốn tiến triển. Sự suy vong của một nước, nếu có, đâu phải là lỗi một tờ báo. Nhưng ngược lại, trong sự hưng thịnh của một xã hội, tất có sự góp phần của nhiều ý kiến.

Ng. V.

<sup>1</sup> 1556. Vua Lê Trung-tôn chết, không có con nối. Tục truyền rằng Trịnh Kiểm lưỡng lự muốn tự xưng làm vua, nhưng không quyết, mới sai sứ hỏi ý Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm. Trạng Trình nói ý : " Năm nay mất mùa, thóc giống không tốt, nên tìm giống cũ mà gieo mạ ", và " Giữ chùa thờ phật thì được ăn oán ". Trịnh Kiểm hiểu ý, mới tìm người dòng dõi nhà Lê, rước về lập lên làm vua. Còn con cháu mình thì sau đó đời đời nối nghiệp làm chúa, nắm thực quyền.

<sup>2</sup> 1558. Tục truyền rằng Nguyễn Hoàng sợ Trịnh Kiểm ám hại, tìm cách thoát thân và đồng thời muốn lập nghiệp lớn, mới sai người hỏi ý Trạng Trình. Trạng Trình bảo : " Hoành sơn nhất đái, vạn đại dung thân " nghĩa là giải Hoành sơn kia có thể yên thân được muôn đời. Nguyễn Hoàng mới xin vào trấn thủ Thuận Hoá, sau đó con cháu đời đời nối nghiệp làm chúa phương Nam, và sau này lập nên triều Nguyễn.

<sup>3</sup> 1789. Quang Trung trên đường ra Bắc đánh quân Thanh, dừng lại hỏi ý La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp. Ý La Sơn phu tử cũng là chuyen này ra Bắc, đánh nhanh, tất đại thắng.

<sup>4</sup> Trong trường hợp Trạng Trình, có thể Trịnh Kiểm và Nguyễn Hoàng còn có ý sử dụng tín ngưỡng của dân gian với lời sấm. Nhưng sử gia đời xưa cũng đã sáng suốt nhận định về vấn đề tâm lý và truyền thống, như khi Ngô Sĩ Liên, trong *Đại Việt sử ký toàn thư*, luận sự việc hội nghị Diên Hồng, có bàn rằng vua Trần cùng triều thần họp bàn tất đã có kế sách chống giặc Nguyên, đâu phải đợi lúc ban yết mới hỏi kế các phụ lão ; chẳng qua làm thế là để gợi lòng cảm kích háng hái của nhân dân, và giữ cái ý nghĩa "người xưa nuôi người già mà xin lời hay".

→ Phải chăng tình hình thế giới đảo điên đến mức những người tổ chức cuộc họp đã quên chữ tín và những người làm báo đã quên cả những tiêu chuẩn sơ đẳng của báo chí ?

# *Việt nam... đã qua... sắp tới...*

## **Lũ lụt ở đồng bằng sông Cửu Long gây thiệt hại lớn**

Đợt lũ lụt tháng 9 vừa qua ở đồng bằng sông Cửu Long, tuy mức nước chưa cao bằng các năm 1978 và 1984 nhưng do lũ lên nhanh và kéo dài, đã gây những thiệt hại lớn cho mùa màng các tỉnh An Giang, Đồng Tháp, Long An, Tiền Giang và Kiên Giang.

Ở An Giang, 20 000 ha lúa hè thu, 10 000 ha lúa mùa nỗi và hơn 10 000 ha lúa mùa thường bị ngập, 1000 ha mất trắng. Ở Đồng Tháp, 15 000 ha lúa hè thu bị ngập, trong đó 3 500 ha bị mất hẳn. Tại Long An có 25 000 ha lúa hè thu và 10 000 ha lúa mùa bị ngập, 750 ha mất trắng. Riêng sự thiệt hại về thóc lúa có thể lên đến hàng trăm tỷ đồng.

(Tuổi Trẻ chủ nhật 19.9, Nhân Dân 20.9.1991)

## **Bốn ngân hàng nước ngoài sắp hoạt động ở Việt Nam.**

Theo báo Thị trường và giá cả, Ngân hàng nhà nước Việt Nam sẽ cấp giấy phép hoạt động cho bốn ngân hàng nước ngoài trong cuối năm nay hoặc đầu năm tới.

Được biết là trong các ngân hàng đã nộp hồ sơ để hoạt động ở Việt Nam, có Bank of Tokyo (Nhật), Thai Military Bank (Thái Lan), ANZ (Úc), Standard Chartered (Anh) và các ngân hàng Pháp BNP, Crédit Lyonnais, IndoSuez, Société Générale, và BFCE. Năm công ty Pháp nói trên đã mở văn phòng đại diện ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, song đến nay chưa có giấy phép hoạt động ngân hàng.

(AFP 17.10.1991)

## **Tình hình tài chính tiền tệ**

Qua những phát biểu của phó thủ tướng Phan Văn Khải tại hai cuộc hội nghị về tài chính tiền tệ tổ chức vào giữa tháng 8 ở Hà Nội và đầu tháng 9 ở Thành phố Hồ Chí Minh, người ta được biết một số thông tin như sau :

- Ngân sách : mặc dù đã điều chỉnh mức thu năm 1991 lên 8.630 tỷ đồng, mức bội thu ngân sách sẽ là 2.000 tỷ đồng (nghị quyết của Quốc hội chỉ cho phép 1.600 tỷ)
- Giá cả : tốc độ trượt giá hiện tại khoảng 60 - 70% một năm.
- Ngoại tệ : trong khi nhu cầu ngoại tệ của nhà nước là khoảng 1,8 tỷ đôla, nhà nước chỉ nắm khoảng 200 triệu đôla (chủ yếu do nguồn dầu khí); phần lớn ngoại tệ từ các nguồn khác (xuất khẩu, kiều hối v.v...) do các xí nghiệp nắm.
- Xí nghiệp quốc doanh : đến nay, ngân hàng áp dụng một tỷ giá đôla ưu đãi các xí nghiệp quốc doanh là 4.000 đồng / một đôla, trong khi tỷ giá áp dụng cho khu vực kinh tế ngoài quốc doanh là 9.600 đồng / đôla. Lãi suất cho khu vực quốc doanh vay là lãi suất âm : ngân hàng vay của người gửi tiết kiệm

4% một tháng và đem cho quốc doanh vay 2,4% một tháng (hàng năm nhà nước bù lỗ từ bốn đến năm trăm tỷ đồng). Mặc dù vậy một số xí nghiệp vẫn không trả được nợ, và trước mắt, ngân hàng dự kiến sẽ mất hàng ngàn tỷ đồng do việc giải thể một số xí nghiệp quốc doanh làm ăn thua lỗ.

Mặt khác, theo Ban chỉ đạo tổng thanh toán nợ, ngoài những món nợ của các xí nghiệp quốc doanh đối với nhau và đối với nhà nước, còn có nhiều món nợ khác :

- nợ của nhà nước : tại tỉnh Gia Lai - Kontum, chẳng hạn, các xí nghiệp xây lắp đang bị ngân sách nhà nước chiếm dụng 15 tỷ đồng. Nguồn gốc loại nợ này là do các công trình xây dựng được nhà nước duyệt ngân sách, cấp vốn nhưng không cấp đủ. Các xí nghiệp đã phải đi vay ngân hàng để thi công, song khi công trình hoàn thành bộ tài chính cũng không thanh toán lại.

- nợ đối với nước ngoài : hàng Việt Nam xuất khẩu đang bị nước ngoài dùng để trừ nợ. Hiện có khoảng 150 triệu đôla hàng hóa không dám xuất vì sợ bị trừ nợ. Có đến 600 triệu đôla vay nước ngoài đang gấp rất nhiều khó khăn để chi trả.

(Tuổi Trẻ 27.8 và 7.9.91)

## **300.000 Việt kiều về thăm đất nước**

Theo tin của Ban Việt kiều trung ương, trong 6 tháng đầu năm nay đã có 300.000 lượt người Việt Nam sống ở nước ngoài về thăm đất nước, trong đó chỉ riêng Úc đã có khoảng 20.000 người, bằng 20% tổng số người Việt sống ở nước này. Cũng trong thời gian đó, lượng kiều hối của Việt kiều gửi về cho thân nhân ở trong nước lên đến 25 triệu đôla. Số ngoại tệ do Việt kiều mang về nước cũng tăng nhiều hơn năm trước, và chỉ riêng ở cửa khẩu Tân Sơn Nhất đã đạt 300 triệu đôla .

(Sài Gòn Giải Phóng 27.8.91)

## **Rừng Việt Nam đi Nhật.**

Hai công ty Nhật Bản, Kolke và Musumi, đã thoả thuận với một công ty Việt Nam đưa ra một dự án liên doanh khai thác rừng miền Nam Việt Nam và chế biến gỗ để xuất khẩu. Tờ *Tin kinh tế* của Bộ thương mại Việt Nam đưa tin này, còn cho biết thêm, hai công ty Nhật sẽ đầu tư 55% tổng số vốn dự trù (một tỷ đô la) của dự án. Phía Việt Nam, chủ đầu tư sẽ là Liên hiệp xí nghiệp xuất khẩu và kinh doanh tỉnh Sông Bé.

(theo AFP, 24.9.91)

## **Quỹ tiền tệ quốc tế chưa lập lại viện trợ cho Việt Nam.**

Những nỗ lực của một số chính phủ Tây Âu nhằm tạo điều kiện cho Việt Nam tiếp nhận được viện trợ quốc tế lại một lần nữa thất bại trước sự cương quyết tiếp tục cấm vận của chính phủ Mỹ. Đó là thông tin nổi bật sau một cuộc họp giữa 16

# *Việt nam... đã qua... sắp tới...*

nước bên lề đại hội thường niên của Ngân hàng thế giới và Quỹ tiền tệ quốc tế (FMI), đầu tháng 10.1991 tại Bang Cốc. Nợ chưa trả của Việt Nam đối với FMI, dẫn tới việc tổ chức quốc tế này “treo giò” Việt Nam trong sự tiếp nhận các khoản viện trợ và vay nợ trên các thị trường tài chính quốc tế, thật ra chỉ lên tới con số ít ỏi 138 triệu đô la. Theo ông Cao Sĩ Kiêm, Thống đốc Ngân hàng Việt Nam, trong năm qua Việt Nam đã trả đúng hạn 36 triệu đô la tiền lãi cho số nợ nói trên. Từ mấy năm nay, Paris và một số thủ đô Tây Âu cố gắng tìm biện pháp để giải tỏa vòng luẩn quẩn này để Việt Nam có thể tiếp xúc trở lại với thị trường tài chính quốc tế. Pháp sẵn sàng bỏ ra 50 triệu đô la, và đề nghị một số nước góp phần để có được từ 150 tới 200 triệu đô la cho Việt Nam vay. Úc, Thụy Điển, Phần Lan, Nam Triều Tiên và nhiều nước khác tỏ ý sẵn sàng tham gia. Việc Washington quyết định kéo dài cấm vận đối với Việt Nam một năm nữa (tháng 9.1991) đã làm thất bại cuộc họp nói trên, làm bức mình cả những người trách nhiệm cao nhất của FMI. Tuy nhiên, một quan chức cao cấp Mỹ tại Ngân hàng thế giới cho rằng chỉ sang đầu năm 1992 là mọi sự bế tắc có thể được giải quyết xong.

Cũng sau quyết định của Mỹ, Ngân hàng trung ương Việt Nam đã phải ra lệnh cho 5 ngân hàng Việt Nam có quan hệ ngoại thương ngưng ngay những trao đổi đô la với thế giới, chuyển các trao đổi đó sang những ngoại tệ khác.

Sự cấm vận, mặt khác không ngăn cản ngày càng có nhiều công ty Mỹ tìm cách đầu tư ở Việt Nam, thông qua các công ty chân tết của họ ở các nước khác, hoặc các hình thức hợp doanh mà họ chiếm dưới 50% vốn. Theo ông Jerome Cohen, luật gia và giáo sư đại học New York, các công ty Mỹ đã đầu tư hơn 3 triệu đô la ở Việt Nam trong năm 1991.

(Tin các hãng thông tấn quốc tế)

## Tin thể thao.

Việt Nam sẽ gửi 96 vận động viên tham dự Vận động hội Đông Nam Á tổ chức tại Philipin từ ngày 24 tháng 11.1991 tới đây. Trong số này, có 14 tay súng, 9 người chơi bóng bàn, 6 vận động viên thể dục, 5 điền kinh, 5 nhu đạo, 3 bơi lội, 4 quyền Anh và một đội bóng chuyền, một đội bóng đá.

Thành phố Hồ Chí Minh đang gấp rút chuẩn bị cho cuộc chạy ma-ra-tông quốc tế sẽ được tổ chức tại đây vào tháng 2.1992 tới. Cuộc chạy dự trù sẽ có khoảng 500 vận động viên nhiều nước trên thế giới và khoảng 100 vận động viên Việt Nam tham dự. Ban tổ chức cho biết, trong một buổi gặp các nhà báo đầu tháng 10.1991, hiện đã có 300 người ghi tên dự chạy, từ Mỹ, các nước châu Âu, châu Á. Tiền thu được sẽ được sử dụng cho một chương trình cứu tế xã hội. Hiện đã có nhiều đài truyền hình Tây Âu tới thương lượng giành quyền truyền về Âu, Mỹ hình ảnh của cuộc chạy. Đường chạy trong thành phố cũng đã được vẽ lại theo yêu cầu của các hãng truyền hình này. Một cuộc vận động để các công ty quốc tế hỗ trợ tài chính cho cuộc chạy, với quyền có bảng quảng cáo trên đường chạy, cũng đang được tiến hành.

## Liên doanh Việt Phi sản xuất xe hơi

Xí nghiệp liên doanh sản xuất xe hơi Việt Nam (VMC) đã ra đời giữa tháng 8 vừa qua. Tham gia liên doanh có hai công ty Việt Nam (Nhà máy sản xuất ôtô Hòa Bình và Tổng công ty sản xuất và xuất nhập khẩu giao thông vận tải) với 30% cổ phần, và hai công ty Philipin (Colombian Motor và Jumex Panpacific) góp 70% vốn, với sự giúp đỡ và cố vấn của một số công ty Nhật Bản.

VMC sẽ lắp ráp và sản xuất xe du lịch, xe vận tải nhỏ, xe chở khách, và đặt kế hoạch đến hết năm 1994 sẽ cho ra xưởng 11.000 xe hơi các loại.

(Nhân Dân 18.9.1991)

## Những chiếc cầu sắp sập ở thành phố Hồ Chí Minh (tiếp)

Sau khi hai cầu Xóm Chỉ và cầu Ba Cảng bị sập, ngành cầu đường thành phố Hồ Chí Minh đã có sáng kiến độc đáo để ngăn chặn sự sụp đổ tiếp tục của những cây cầu còn lại trong thành phố: rào kín hai đầu cầu với bảng cấm lưu thông, không cho phép bất kỳ con người và phương tiện nào qua lại trên cầu nữa! Sáng kiến này đã bắt đầu được áp dụng tại cầu Ông Lãnh, một chiếc cầu nối kết địa giới quận 1 và quận 4.

(Thanh Niên, 25.8.1991)

## Đài Loan, nước đầu tư nhiều nhất vào Việt Nam

Đầu tháng 9 vừa qua, một phái đoàn của Quốc hội Đài Loan, do phó chủ tịch Liu SungFan dẫn đầu, đã đến thăm Việt Nam. Đây là cuộc tiếp xúc cao cấp nhất giữa Việt Nam và Đài Loan từ 15 năm qua.

Trước đó, trong tháng 8, chuyến bay đầu tiên của hàng không Đài Loan Air China đã hạ cánh xuống sân bay Tân Sơn Nhất với 61 thương nhân. Trong năm 1990, trao đổi mậu dịch giữa Đài Loan và Việt Nam đã đạt 180 triệu đôla.

Tính đến giữa năm 1991, đầu tư của Đài Loan ở Việt Nam lên tới 439 triệu đôla, chiếm 21% tổng số đầu tư nước ngoài. Đài Loan hiện là nước đầu tư nhiều nhất vào Việt Nam.

(Thanh Niên 25.8, Tuổi Trẻ 7.9.91)

## Quan hệ Mỹ - Việt (tiếp)

Quyết định kéo dài cấm vận đối với Việt Nam, sau khi vấn đề Campuchia coi như đã giải quyết (ngày ký kết tại Paris đã được định), là nhằm mục tiêu làm sức ép cho cuộc thương lượng vẫn đề lính Mỹ mất tích ở Việt Nam (MIA)? Câu hỏi có thể đặt ra khi tướng John Vessey, đặc phái viên của tổng thống Mỹ vừa đi Việt Nam vào đầu tháng 10.1991, cho biết ông đã nhấn mạnh với các quan chức Hà Nội rằng sự lập lại

# *Vietnam... đã qua... sắp tới...*

quan hệ bình thường giữa hai nước tùy thuộc vào kết quả của các nỗ lực tìm kiếm các MIA. Trong chuyến đi hai ngày này, Vessey đã gặp các ông Võ Văn Kiệt và Nguyễn Mạnh Cầm, Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng và Bộ trưởng ngoại giao Việt Nam. Mặc dù, thông cáo chung của hai bên sau các cuộc gặp nhắc lại “ý muốn của chính phủ hai nước sớm lập lại quan hệ bình thường giữa Việt Nam và Hoa Kỳ”, Vessey không chịu nói với các nhà báo sớm đây nghĩa là trong thời gian bao lâu.

Hè vừa qua, một số tổ chức cựu chiến binh Mỹ đã tung ra những tấm ảnh hòng chứng minh rằng còn những lính Mỹ vẫn bị giam giữ tại Việt Nam. Mặc dù các tấm ảnh đó đều đã bị lật tẩy là giả, dư luận Mỹ vẫn rất nhạy cảm về các vấn đề này.

Ngoài Vessey, một nhân vật khác trong chính giới Mỹ, cựu thượng nghị sĩ Richard Clark, dẫn đầu một đoàn đại biểu của Viện Nhân học Aspen đã tới Hà Nội ngày 11.10.1991. Ông đã được Chủ tịch Võ Văn Kiệt và ngoại trưởng Nguyễn Mạnh Cầm tiếp và thảo luận về các vấn đề quan hệ giữa hai nước.

(theo AFP, Hà Nội 2.10.1991 và 12.10.1991)

## **Một chính phủ có những người không cộng sản ?**

Trong một bài trả lời phỏng vấn nhà báo J.C.Pomonti trên nhật báo *Le Monde* đê ngày 15.10.1991 (ra chiều hôm trước), ông Võ Văn Kiệt, Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Việt Nam tuyên bố : “Trong tương lai, chúng tôi sẽ chọn người theo năng lực của họ. Và như vậy, họ không nhất thiết phải là ủy viên trung ương đảng và có lẽ cũng không bao buộc phải là đảng viên. Chúng tôi muốn những người có trách nhiệm trong những lĩnh vực thuộc về năng lực của họ, kinh tế, xã hội, văn hóa.”. Đây là câu đáp lại câu hỏi của J.C. Pomonti, “Liệu có thể nghĩ tới việc cử vào những chức vụ bộ trưởng những bộ quan trọng những người không phải là cộng sản ?”.

Ông Kiệt nhấn mạnh rằng “Một trong những cải tổ chính trị chủ yếu ở Việt Nam là về đảng, về sự xác định lại vai trò của đảng. Chính phủ phải có nhiều quyền chủ động hơn, nhiều trách nhiệm và làm việc có hiệu quả hơn.”. Theo ông Kiệt, làm như thế sẽ củng cố hơn vai trò lãnh đạo của đảng, và không có gì nghịch lý ở đây cả. Ông cũng cho biết, sẽ tiến tới việc thủ tướng thành lập nội các và đưa ra Quốc hội chuẩn y, thay vì Quốc hội cử từng bộ trưởng như hiện nay.

## **Úc, Nhật viện trợ trở lại, Singapour bỏ cấm vận Việt Nam**

Theo tin AFP ngày 16.10, chính phủ Canberra đã thông báo quyết định của Úc viện trợ trở lại cho Hà Nội. Úc đã cắt viện trợ này từ 1979 sau ngày quân đội Việt Nam tiến vào Campuchia.

Ngày hôm sau, báo Nhật Nihon Keizai Shimbun cũng đưa tin chính phủ Nhật đã quyết định viện trợ trở lại cho Việt Nam và Campuchia, không chờ Hội nghị Paris thông qua Hiệp định hòa bình về Campuchia ngày 23.10. Theo tờ báo, Nhật có thể viện trợ cho hai nước này, mỗi nước 10 tỷ yen (khoảng 77 triệu đôla). Những chi tiết cụ thể trong việc viện trợ này sẽ được thông qua sau khi đoàn điều tra của chính phủ Nhật ở hai nước trở về, và sau khi tham khảo một số nước khác cùng với FMI và Ngân hàng Thế giới.

Về phần mình, chính phủ Singapour đã tuyên bố sẽ bãi bỏ cấm vận đối với Việt Nam ngay sau Hội nghị Paris. Thật ra, như báo Business Times tháng 9.91 cho biết, ngay từ tháng 7.91 những công ty Singapour đã đầu tư 17,7 triệu Mỹ kim trong 6 đê án của Việt Nam. Trong các nước ASEAN, Singapour là nước đầu tư vào Việt Nam nhiều nhất sau Thái Lan.

## **Diễn Đàn đổi mới kỹ thuật trình bày**

Như bạn đọc nhận thấy, sang số này, Diễn Đàn dùng một số kiểu chữ mới.

1. Đó là bộ chữ của ông Phan Đình Thìn (điện thoại : (1) 64 61 72 95, địa chỉ : 2 avenue de la Convention 77184 EMERAINVILLE), người đã tạo ra 99 bộ chữ tiếng Việt dùng cho các máy điện toán Macintosh và những máy in phù hợp có chương trình Postscript. Diễn Đàn vui mừng giới thiệu với bạn đọc bộ chữ ThinArt.

2. Sự thay đổi này, một mặt cho phép dùng nhiều kiểu chữ khác nhau để cải tiến hình thức tờ báo, mặt khác giải

quyết khó khăn về máy in mà ban kỹ thuật Diễn Đàn gặp phải.

3. Cũng vì khó khăn này mà chúng tôi buộc phải “tạm biệt” bộ chữ VN Helvetica mà bạn Đào Hoa đã chế tạo và cho phép chúng tôi sử dụng trong mấy năm qua. Nhân dịp này, Diễn Đàn xin thành thực cảm ơn Đào Hoa. Quan niệm về bộ chữ Đào Hoa có nhiều mặt mạnh, đặc biệt có thể giúp giải quyết bài toán xếp thứ tự và tìm chữ tự động theo thứ tự ABC. Rất mong anh Đào Hoa có thời giờ hoàn thành phương pháp này.

4. Trong điều kiện khó khăn về phương tiện và người (nhân vật chủ chốt của ban kỹ thuật bị đau), nhằm bảo đảm báo ra đúng ngày, chúng tôi buộc phải chấp nhận một số sai sót về chính tả và kỹ thuật trình bày. Từng bước, Diễn Đàn sẽ cố gắng cải tiến để giữ gìn chính tả tiếng Việt đang bị đe doạ khắp nơi, và bảo đảm những tiêu chuẩn tối thiểu về trình bày. Rất mong bạn đọc thông cảm và tạm thời lượng thứ.

# Ánh sáng cuối đường hầm...

(tiếp theo trang 1)

Song song với quá trình bình thường hóa quan hệ Việt-Trung và quá trình hoà bình ở Campuchia, là sự cải thiện rõ rệt quan hệ giữa Việt Nam và các nước phương Tây và các nước Đông Nam và Đông Á. Hai năm sau khi Việt Nam chính thức rút hết quân khỏi Campuchia, với thoả thuận vừa đạt được về Campuchia, chương ngại vật lớn nhất (vừa là lý do, vừa là cái cớ được nêu ra trong suốt 12 năm qua) đã được gạt ra để chấm dứt sự cô lập Việt Nam về chính trị và kinh tế. Pháp, Úc và Thụy Điển đã tích cực thúc đẩy Ngân hàng thế giới và Quỹ tiền tệ quốc tế sớm chấm dứt việc tẩy chay Việt Nam. Sự hợp tác kinh tế giữa các nước Đông Nam Á và Đông Á với Việt Nam phát triển rõ rệt, và có thể do được bằng số đường bay và chuyến bay nối liền Tân Sơn Nhất và Nội Bài với các phi trường quốc tế trong khu vực. Singapore cũng tuyên bố chấm dứt cấm vận đối với Việt Nam — một lời tuyên bố rất ư hình thức vì từ nhiều năm nay, họ kêu gọi chống Việt Nam rất hung, nhưng đi đêm, buôn bán với Việt Nam cũng rất dữ.

Như vậy là, đối với Việt Nam, ít nhất về mặt quan hệ quốc tế, ánh sáng đã le lói ở cuối đường hầm, sự cô lập và thù hận quốc tế dựa trên liên minh Bắc Kinh – Washington kéo dài hơn một thập niên đang chấm dứt.

**Đang không phải là đã xong** : chính quyền tổng thống Bush vừa kéo dài chủ trương cấm vận thêm một năm, lại gắn liền vấn đề MIA (quân nhân Mỹ mất tích) với lịch trình bình thường hóa, và nghiêm trọng hơn nữa, cản đường các nước khác làm ăn với Việt Nam bằng cách ngăn Ngân hàng thế giới và Quỹ tiền tệ thế giới lập lại chương trình tín dụng.

Đối với Trung Quốc, nếu mọi người Việt Nam thiện chí đều có thể vui mừng trước việc bang giao bình thường giữa hai nước, những ai thiết tha với chủ quyền đất nước và lý tưởng dân chủ cũng quan ngại vì bối cảnh quốc tế đã dẫn tới sự bình thường hoá đó, và lo sợ rằng nó có thể biến thành thứ quan hệ mồi rồng ghê rợn. Thực vậy, sự xích lại gần nhau hiện nay bắt nguồn từ ý chí cỗ thủ của hai bộ máy chính quyền trước sự sụp đổ của khối Đông Âu nhiều hơn là xuất phát từ lợi ích của hai dân tộc. Một nước Việt Nam liên minh với Trung Quốc của ông Lý Bằng mà chỗ đứng không có gì bảo đảm khi mai kia ông Đặng Tiểu Bình ra người thiên cổ, với Bắc Triều Tiên của thống chế Kim Nhật Thành mà kỳ công là đã đưa đất nước của mình trở về thời kỳ trung cổ tinh thần và Cuba của một Fidel Castro đang tự mình bôi nhọ hào quang một thời oanh liệt, sẽ không thể là một nước Việt Nam hoà mình vào cộng đồng thế giới, biết mình và biết người để tìm ra cho mình con đường ra khỏi khủng hoảng, phát triển quốc gia trong một bối cảnh quốc tế hoàn toàn mới, trong đó sự phát triển là điều kiện sống còn để bảo vệ chủ quyền và độc lập dân tộc.

Tạm gạt một bên những lo lắng trước mắt, để nhìn thấy toàn cục quan hệ đối ngoại của Việt Nam trong thời kỳ mới, chúng ta hãy giả sử một cách lạc quan rằng : trong vài tháng nữa, hoặc một hai năm nữa, bang giao Việt-Mỹ trở thành bình thường (lần đầu tiên, từ thế kỷ XIX) và quan hệ Việt-Trung không đi quá mức bình thường. Cho là như vậy, thì Việt Nam có thể chờ đợi gì ở cộng đồng quốc tế để phát triển đất nước, và phải làm như thế nào để tranh thủ được sự

hợp tác đó ? Đây là câu hỏi mấu chốt không những cho tương lai mà cho ngay hiện tại, vì mọi chính sách và hành động hôm nay sẽ tác động một cách tích cực hay tiêu cực vào triển vọng đó.

Vấn đề quá mông lung, nên tốt hơn cả, xin nêu lên hai cách nhìn cụ thể làm khởi điểm suy nghĩ. Một, là của một nhà lãnh đạo Việt Nam. Hai là của một chuyên gia về Việt Nam của cục tình báo CIA. Mùa hè vừa qua, trong câu chuyện tâm sự với một Việt kiều, được hỏi về triển vọng quan hệ với Hoa Kỳ, nhà lãnh đạo nói có ba khả năng : 1) Mỹ tiếp tục cấm vận, 2) Mỹ bỏ cấm vận và đầu tư nhỏ giọt, 3) Mỹ đầu tư đậm, và nhấn mạnh : đáng sợ nhất là khả năng thứ ba. Còn chuyên gia CIA, thì những bản tin thông tấn từ Bangkok trung tuần tháng 10.91 không cho biết rõ lai lịch, nhưng có thể phỏng đoán đây là một cao bồi Sài Gòn (danh từ này, trong ngôn ngữ chính trị Mỹ, chỉ những quan chức Mỹ muốn trả thù Việt Nam) đang mơ ước nhân đà sụp đổ của khối xã hội chủ nghĩa, huých một cái cho Việt Nam nhào theo. Ngoài hành lang cuộc họp của Ngân hàng thế giới và Quỹ tiền tệ quốc tế, chuyên gia này than trời : Thật là thảm, Việt Nam đã biến mất khỏi bản đồ thế giới, muốn cười cũng không cười nổi nữa ! Xin tạm dịch câu nói bóng gió này ra ngôn ngữ của mọi người : Không còn ai trên thế giới quan tâm đến Việt Nam nữa, sự thờ ơ đó khiến cho tôi, là người muốn trừng phạt, trả thù Việt Nam cũng bị hổn, không thấy hứng khởi chút nào.

**Sự không cười nổi** của viên chức CIA chỉ có thể làm quen lòng mọi người Việt Nam : cho dù ngày hôm nay đây, Việt Nam đổi mới, cởi mở và mọi chính sách thù nghịch đối với Việt Nam chấm dứt hẳn, thì cũng khó vận động được một sự hợp tác quốc tế ngang tầm với quy mô vấn đề Việt Nam. Cho dù các nước và tư bản phương Tây mong muốn đến đâu, họ cũng không còn khả năng kinh tế, khi mà ngay những vấn đề kinh tế của Trung Âu và Đông Âu họ đã không kham nổi rồi. Đó là chưa kể, nếu tình hình chính trị đặt Việt Nam và Trung Quốc lên cùng bình diện, thì về kinh tế, ưu tiên số 1 dĩ nhiên không nói thì ai cũng biết họ sẽ đặt ở đâu. Nói chí đến Việt Nam đã từ lâu không còn là quan tâm hàng đầu của cộng đồng quốc tế. Tiếc thay, sự thật hiển nhiên đó, nhiều nhà lãnh đạo ở Việt Nam chưa nhận ra, thậm chí nhiều người còn tưởng rằng Việt Nam vừa là mục tiêu số 1 của đế quốc Mỹ vừa là một cô gái đẹp lấp của hồi môn, được cả thế giới muốn đậm hỏi.

Ra khỏi đường hầm, nhưng bị loá mắt trước ánh sáng mặt trời, thì cũng quờ quạng như trong hang tối. Đó là vấn đề số một về nhận thức cần được giải quyết nếu Việt Nam muốn xây dựng một chính sách đối ngoại phù hợp với tình hình thế giới của thập niên 90 này.

Phong Quang



# “ Catastroïka ”

Ainsi, après avoir fait le tour du globe par ébranlements successifs, l'onde de choc “ perestroïka ” est revenue à son épicentre, détruisant dans une dernière secousse le système qui lui avait donné naissance. Les sismographes tremblent encore à Moscou, mais ils tremblent aussi à Beijing, à Hà Nôi, et dans tous ces pays du Tiers-Monde dit “ socialiste ” dont les régimes risquent de disparaître dans une “ catastroïka ” finale.

## Etat des lieux

Jusqu'à il y a deux ans encore, les spécialistes des PVD (pays en voie de développement) s'accordaient pour regrouper sous la dénomination de POS une vingtaine de pays<sup>1</sup> — de l'Afghanistan au Yémen du Sud, en passant par Cuba et le Vietnam — qui avaient choisi d'implanter, dans un environnement sous-développé, un modèle politico-économique à “ orientation socialiste ”. Certes, le mot “ socialisme ” reste à définir, mais objectivement, les POS présentaient un certain nombre de caractéristiques communes :

- \* une réforme agraire visant à créer des exploitations collectives
- \* une extension du secteur public dans la banque et l'industrie
- \* une économie administrée soumise à une planification centralisée
- \* une priorité donnée à l'industrie sur les autres secteurs
- \* des restrictions — pouvant aller jusqu'à l'interdiction — des investissements directs étrangers
- \* une réduction du commerce extérieur avec les “ pays capitalistes ” au profit d'une coopération accrue avec les “ pays socialistes ”<sup>2</sup>

Avec la désagrégation actuelle du “ bloc socialiste ”, ce dernier critère n'est bien sûr plus valable, mais il faut dire que la remise en question du modèle des POS remonte au moins au début des années 80, quand il s'est avéré que “ l'orientation socialiste ”, supposée garantir l'indépendance et le développement, n'était en mesure de protéger aucun de ces pays de la crise économique et de l'endettement extérieur. Sans parler des plus pauvres d'entre eux (Tanzanie, Ethiopie...), où des handicaps trop lourds — insuffisance des ressources naturelles et humaines, sécheresse, famine, guerre civile — eussent probablement condamné n'importe quelle expérience à l'échec, il est quand même permis de se poser des questions sur les plus “ favorisés ” (on nous passera l'expression), qui ont pu bénéficier soit d'une rente minière ou

pétrolière (Angola, Algérie...) soit de l'aide du “ bloc socialiste ” (Cuba et le Vietnam absorbaient à eux seuls 60 % de l'aide soviétique). Pour ces derniers, au moment des comptes — c'est-à-dire pour les uns, le retournement du marché pétrolier, pour les autres, la défection graduelle des aides extérieures —, le bilan est “ globalement négatif ” : récession, inflation, pénuries (donc trafics) de toutes sortes, infrastructures insuffisantes ou inadaptées, société éclatée, patrimoine à l'abandon, Etat à la dérive...

Le signe le plus patent de l'échec, c'est que 12 des 20 pays recensés comme POS se sont soumis — et pour 6 d'entre eux, dans le cadre d'un programme du FMI — à des politiques d'ajustement aux mesures désormais classiques : dévaluations à répétition, limitation des importations, soutien aux exportations, réduction du déficit budgétaire, réduction du nombre des fonctionnaires, blocage partiel des salaires, hausse des tarifs publics, privatisation de banques et d'entreprises publiques, redistribution des terres à des agriculteurs privés, retour aux prix et au marché libres... A cette nouvelle école, le Vietnam s'est montré le meilleur élève, de l'avis de tous les experts du FMI, sans que l'on sache encore (mais le verdict ne saurait tarder) si l'amélioration constatée ces dernières années est de façade ou en profondeur. A voir la faiblesse des investissements, l'absence d'activités vraiment productives, la disparition des industries locales ; à voir au contraire la multiplication des trafics, des spéculations, des importations sauvages ; le creusement des inégalités, le délabrement du tissu social, la démission de l'Etat..., on n'est guère enclin à l'optimisme.

## Contradiction historique

En dressant le bilan, il serait bien sûr injuste de ne pas tenir compte des circonstances historiques : à savoir, le prix extraordinaire payé pour la libération nationale (deux générations sacrifiées) et après cette libération, la guerre d'encerclement poursuivie par l'adversaire par d'autres moyens (embargo économique, mise en quarantaine diplomatique). Circonstances atténuantes, mais l'excuse a trop souvent servi, et pendant trop longtemps : depuis quinze ans, les dommages de guerre n'auraient-ils pas dû être compensés par l'aide des pays frères, et l'isolement persistant du Vietnam ne constitue-t-il pas un échec politique majeur ? Et puis, qu'on veuille bien faire le parallèle avec le cas de figure algérien, qui présente des analogies fondamentales — le succès d'une guerre de libération menée par un parti politico-militaire ; l'échec d'un développement à “ orientation socialiste ” dirigé par le même parti, disposant pourtant du monopole du pouvoir — mais qui possède au moins l'avantage de la clarté : pas d'embargo économique, pas de quarantaine diplomatique, le “ mérite ” de la faillite revient au parti unique et à lui seul.

Entendons-nous bien : il ne s'agit en aucun cas de renier notre dette envers un Parti qui a su (qui était probablement le seul à savoir) capter l'élan national, conquérir l'indépendance nationale, rendre au pays sa dignité. Mais c'est justement au nom de cette dignité, et des deux générations sacrifiées, que nous sommes en droit d'exiger des comptes. Car, que voyons-nous actuellement au Vietnam ? Une “ orientation socialiste ” qui n'est plus qu'une feuille de vigne n'arrivant

même plus à masquer le capitalisme le plus sauvage. Un Etat "socialiste" qui jette à la rue les employés d'entreprises entières, sans indemnité ni espérance. Un appareil d'Etat qui se reconvertis en mafia d'Etat. Une société atomisée qui ne connaît plus que les valeurs de la survie (argent, débrouillardise, trafics). Un système éducatif en déroute, un fonds culturel en perdition. Des intellectuels muselés, une population entière maintenue dans l'obscurantisme (*ngu dâm*). Des technocrates qui rêvent à haute voix d'une solution à la chilienne. Des conseillers politiques qui profèrent les pires absurdités sur la démocratie, le socialisme, le marché... Un Congrès surréaliste qui fixe des directives jusqu'à l'horizon de l'an 2000. Au sommet de l'Etat, une guerre en coulisses pour se disputer le pouvoir — mais même exclusif, il s'agit d'un pouvoir pour la survie sans perspective ni projet.<sup>3</sup>

Si l'impasse paraît totale, c'est que le système est pris dans une de ces contradictions historiques où il excellait naguère à enfermer ses adversaires et réussissait, par là, à les vaincre. Il s'est en effet engagé dans un pari "à la chinoise" — réforme économique sans réforme politique — dont il n'est pas besoin d'être un grand clerc marxiste pour dire que les deux termes lui sont également défavorables. Soit la réforme échoue, et c'est la spirale de l'inflation, de la pénurie, des désordres sociaux débouchant à terme sur l'explosion. Soit elle réussit, et en libérant la société des contraintes de la survie immédiate, elle déclenche le mécanisme maintenant bien connu des revendications politiques : plus de liberté, plus de responsabilité, plus de démocratie..., entraînant tôt ou tard l'implosion. A l'occasion d'une visite récente à Beijing, une délégation de parlementaires polonais (comprenant A. Michnik et B. Geremek, dont on sait la part qu'ils ont prise à la chute du totalitarisme en Pologne et, par ricochets, dans toute l'Europe de l'Est) a excellemment résumé la situation : "Nous avons vu deux mondes : celui des puissants, qui profitent du système, et celui des hommes qui vivent prisonniers de la peur (...). D'une part, le Parti communiste veut préserver son rôle dirigeant ; d'autre part, il a recours à la violence contre le peuple. A ce moment, il perd naturellement son rôle dirigeant (...) S'il est vrai que le Parti abandonne progressivement ce rôle dirigeant dans le domaine économique, on sait parfaitement ce qui se passera par la suite..." Au Vietnam, on risque de le savoir plus tôt qu'on ne

pense, étant donné le bouleversement du paysage politique international : disparition du bloc de l'Est, effondrement de l'Union soviétique, mutations en Chine, règlement prochain du problème cambodgien. Le séisme se rapproche, par ondes concentriques.

(à suivre)

N.Q.

(1) Voici la liste complète : Afghanistan, Algérie, Angola, Bénin, Birmanie, Cambodge, Congo, Corée du Nord, Cuba, Ethiopie, Irak, Laos, Madagascar, Mongolie, Mozambique, Nicaragua, Syrie, Tanzanie, Vietnam, Yémen du Sud

(2) Voir W. Andreff : "Mutations dans le Tiers-Monde socialiste", *Le Monde*, 19 septembre 1989.

(3) Naturellement, il ne s'agit pas d'affirmations gratuites. Voir l'interview de L. Schwartz (*Đoàn Kêt* n° 434, p. 41), les

## Jean-Claude LABBE : " VIETNAM INTIMITE , EMOTIONS, SENSATIONS "

Les livres de photos sur le Vietnam ne sont pas rares. Les lecteurs se souviennent notamment des images de la guerre, expressionnistes, dramatiques, prises par les reporters américains (au Sud) ou les photographes polonais (au Nord). Jean-Claude Labbé lui-même a contribué à cette dramaturgie en noir et blanc, dans son album "Vietnam, la guerre, la terre et les hommes" (Editions du Chêne, 1977). Quatorze ans après, il en prend le contre-pied, dans un recueil en couleurs intitulé "Vietnam, intimité, émotions, sensations" (Hatier, 1991). Il s'en explique lui-même dans sa (très courte) préface : « C'est délibérément que j'ai choisi de ne pas évoquer la guerre et la politique à travers mes images (...) Le temps est venu de montrer le Vietnam profond et ses habitants dans leur vie de tous les jours. » C'est donc un reportage impressionniste qui nous est présenté par un "journaliste de l'image" (comme il aime à s'appeler) qui a parcouru le pays de Lạng Sơn à Cà Mau, pendant plus de quatre années. Au gré des émotions et des sensations, on retiendra les couleurs des paysages (vert-jaune des rizières, brun limoneux des fleuves, fouets bleus de la mousson...), les activités des hommes (potiers poussant leurs bicyclettes surchargées, pêcheurs submergés par la vague, ou encore le "SAMU des rizières" évacuant un blessé sur un hamac, entre deux vélos...), la poésie des portraits (jeune fille rêveuse sur un marché aux fleurs, bonzesse mystique et gamins intrigués, et surtout, cette jeune ouvrière de la mine, visage voilé de touareg où rit le regard...). Un très beau livre, à ne pas oublier pour les fêtes de fin d'année.

D. T.

### Humeur

#### Cochonneries

*Fidel Castro, on le sait, est un orateur redoutable. Dans tous les sens du terme, puisqu'il lui arrive de monopoliser la tribune des heures entières. Il s'est surpassé au 4<sup>e</sup> Congrès du PC Cubain (peut être le dernier), avec deux discours fleuves qu'il a ponctués d'une formule définitive "Le multipartisme, c'est de la multi-cochonnerie". Bon sang, c'est bien sûr : "Multipartisme = multicochonnerie, donc parti unique = cochonnerie exclusive".*

Z.T.

## **Việt Nam có thể đạt được thu nhập đầu người 400 USD vào năm 2000 không ?**

Vũ Quang

Từ đây đến năm 2000 (mười năm), tăng gấp đôi thu nhập quốc dân tính theo đầu người của Việt Nam (từ 200 đôla đến 400 đôla) : đó là *mục tiêu chiến lược* của Đảng cộng sản Việt Nam đưa ra trong đại hội vừa qua. Hầu hết những ý kiến được phát biểu trên các phương tiện truyền thông đại chúng đều cho rằng chỉ tiêu đề ra có tính khả thi (faisabilité). Thậm chí có người đề nghị nâng chỉ tiêu lên 1000 đôla. Trong những ý kiến cho rằng con số 400 đôla / người là một chỉ tiêu không thể đạt được, có Vũ Quang, chuyên gia kinh tế Việt Nam, làm việc ở Liên Hiệp Quốc. Ông giải thích tại sao trong bài viết dưới đây (đã được đăng trên *Thời báo kinh tế Sài Gòn*, số 12, 1991).

1. Để đạt được thu nhập bình quân đầu người 400 USD vào năm 2000, tức là tăng gấp đôi so với thời điểm 1990 có thu nhập bình quân đầu người là 200 USD, thu nhập quốc dân (GDP) phải tăng ít nhất là 9,3 % một năm nếu dân số tăng bình quân 2,0% một năm (hiện nay là 2,4% một năm). Nhiều người cho rằng khả năng phát triển như trên là không hiện thực và cho rằng 5-6% là khả năng tối ưu. Để tìm hiểu xem Việt Nam có thể đạt được tốc độ trên không, ta hãy phân tích vấn đề bằng cách tính mức đầu tư cần thiết và xét khả năng thực hiện được mức đầu tư trên.

### **Tốc độ tăng trưởng 9-10%**

2. Ở tốc độ tăng trưởng 9-10%, nếu dựa vào mức đầu tư của các nước đã đạt được tỷ lệ trên ở Á Châu thì tỷ lệ đầu tư trên thu nhập quốc dân phải khoảng 27% nhu ở Thái Lan, 35% nhu ở Trung Quốc, 30% nhu ở Malaysia. Nếu lấy tỷ lệ 27% thì Việt Nam cần đầu tư khoảng 64 tỷ USD trong 10 năm tới. Hoặc nếu tính theo tỷ lệ tài sản trên thu nhập quốc dân (khoảng 3,5 lần tính gồm cả khấu hao), số vốn đầu tư cần thiết sẽ là 67 tỷ USD<sup>1</sup>. Hai cách tính đều cho một con số tương tự. Như vậy để đạt tốc độ tăng trưởng 9-10%, ta cần đầu tư khoảng 6,4 - 6,7 tỷ USD một năm.

### **Tốc độ tăng trưởng 5-6%**

3. Theo như kinh nghiệm của nhiều nước trên thế giới để đạt được mức tăng thu nhập quốc dân 5-6% một năm, quỹ tích lũy hàng năm phải khoảng 22% thu nhập quốc dân. Ở mức thấp nhất nhu Pakistan quỹ tích lũy cũng phải bằng 17% thu nhập quốc dân. Nếu lấy mức 17% thì chỉ để đạt được mức tăng thu nhập quốc dân 5-6% một năm, tổng số đầu tư trong 10 năm phải đạt được 34 tỷ USD. Nếu tính bằng cách sử dụng tỷ lệ tài sản trên thu nhập quốc dân thì mức vốn cần thiết là 36 tỷ USD. Con số này cũng không khác cách tính trên là bao. Như vậy ta cần đầu tư khoảng 3,4 - 3,6 tỷ USD một năm để có được tốc độ tăng trưởng 5-6%.

### **Khả năng thực hiện.**

4. Theo tài liệu thống kê của Việt Nam, năm 1989 là năm đầu tiên Việt Nam có để dành, tỷ lệ để dành tuy nhiên chỉ có 1,8%, khoảng 240 triệu USD. Vốn đầu tư những năm gần đây chỉ khoảng 8-9% thu nhập quốc dân (TNQD tính theo lối xã hội chủ nghĩa, nếu theo GDP thì sẽ còn thấp hơn nữa). Hầu hết số vốn trên là từ vay mượn nước ngoài. Như vậy đạt được mức đầu tư 17% thu nhập quốc dân để có tốc độ tăng trưởng kinh tế mỗi năm 5-6% cũng đã là khó khăn và đòi hỏi chính sách kinh tế thích đáng.

5. Dựa trên kinh nghiệm của các nước khác ở Á Châu, tổng số mức đầu tư và cho vay của nước ngoài vào một nước không hơn 5% thu nhập quốc dân, trung bình chỉ khoảng 2-3%. (Đầu tư dựa vào vốn vay mượn của nước ngoài ở Phi Châu lớn hơn nhiều, có thể trên 10%). Nếu là 5% thì đầu tư của nước ngoài hoặc vay mượn từ nước ngoài để đầu tư phải lên tới bình quân 1,2 tỷ USD một năm, phần còn lại phải dựa vào sút để dành ở trong nước. Mức đầu tư và vay mượn của nước ngoài như trên trong một vài năm tới khó có thể đạt được vì như Thái Lan là một nước thành công về lối kéo vốn nước ngoài trong 6 năm qua trung bình cũng chỉ đạt được 1,3 tỷ USD một năm, với năm cao nhất là 2,5 tỷ USD.

6. Cũng cần phải nhấn mạnh là vốn nước ngoài không nhất thiết được sử dụng vào đầu tư. Như ta cũng rõ là số vốn vay mượn của Liên Xô trong thời gian qua, một phần lớn (như xăng dầu, phân bón, sắt, bông) là để tiêu dùng hoặc để sản xuất hàng tiêu dùng trong nước. Vay mượn từ nước ngoài để thay thế vốn của Liên Xô cũng không nhất thiết dẫn đến nâng cao mức đầu tư, hoặc làm hàng xuất khẩu để trả nợ, trái lại vốn đó có thể được dùng để tiếp tục chính sách tiêu dùng và bù lỗ quốc doanh như hiện nay.

7. Có thể kết luận khả năng vốn của nước ngoài khó có thể hơn được 5% thu nhập quốc dân trong những năm tới. Tuy vậy, còn khả năng tự gây vốn thì sao ? Kinh nghiệm phát triển của các nước cho thấy là thu nhập trên đầu người thấp thì mức để dành cũng thấp. Bangladesh có mức thu nhập đầu người 170 USD một năm thì tỷ lệ để dành chỉ là 6,5%, Pakistan có mức thu nhập 350 USD một năm thì tỷ lệ để dành là 14,5%, Ấn Độ có mức thu nhập 330 USD thì tỷ lệ để dành là 20%. Ở Phi Châu các nước có thu nhập nhu Việt Nam, tỷ lệ để dành thường không đáng kể, cao nhất cũng

dưới 7%. Hiện nay mức để dành của Việt Nam chỉ có 1,8% thu nhập quốc dân. Để nâng mức để dành này lên 12% nhằm đạt mức tăng trưởng 5-6% đòi hỏi ta phải ổn định được tình hình kinh tế (giả dụ rằng ta đã có đầu tư hoặc vay mượn được nước ngoài bình quân khoảng 1,2 tỷ USD một năm). Người Việt Nam cũng như những người dân Á Châu khác cần cù, chịu khó, nếu mở rộng cơ chế làm ăn thì mức để dành sẽ không như hiện nay. Tuy nhiên với mức thu nhập như ở Việt Nam hiện nay, tỷ lệ để dành được nâng lên tới 12% nhằm có được mức tăng trưởng kinh tế trung bình 5-6% một năm sẽ đòi hỏi những cố gắng đáng kể. Tăng mức để dành lên ít nhất 27% thu nhập quốc dân để có mức tăng trưởng kinh tế 9-10% một năm là điều hầu như không thể thực hiện được.

### **Biện pháp thực hiện.**

#### **8. Làm thế nào để tăng mức để dành từ nội bộ nền kinh tế?**

Có hai biện pháp cơ bản để tăng mức để dành từ nội bộ nhân dân. Đối với những người không làm ăn, cần ổn định tình hình kinh tế để khuyến khích tiết kiệm. Như ta đã biết, kinh tế có tốc độ lạm phát cao và lãi suất thấp sẽ biến những người này thành những người tiêu thụ thuần túy, họ phải mua vàng, đôla, đồ dùng lâu bền (xe đạp, T.V., v.v...) hoặc tương đối lâu bền (gạo, đường, v.v...) để bảo tồn sức mua của đồng bạc. Nếu tăng lãi suất cao hơn tốc độ lạm phát mà không có những biện pháp nhanh chóng chấm dứt nguyên nhân của lạm phát, kinh tế sẽ suy thoái. Còn đối với người làm ăn, cần tạo mọi điều kiện dễ dãi khuyến khích họ đầu tư, đặc biệt cần có chính sách khuyến khích cho tư nhân vay vốn đầu tư. Cả hai biện pháp cơ bản này đều chưa được thực hiện. Số vốn cho tư nhân vay mượn hiện nay chỉ khoảng 5% tổng mức tín dụng của Nhà nước, còn lãi suất thì hiện nay lại thấp hơn tốc độ lạm phát, và nền kinh tế vẫn tiếp tục không ổn định.

9. Thời kỳ 81-85, kinh tế ta tăng trưởng trung bình 6,4% một năm, nhưng đây là so với thời kỳ khủng hoảng trầm trọng 76-80. Thời kỳ 86-89, tốc độ tăng trưởng chỉ còn 3,5% một năm. Đây cũng là khoảng thời gian Việt Nam vay mượn và nhận viện trợ rất lớn của Liên Xô để tiêu dùng và để sản xuất hàng tiêu dùng (một năm lên tới trên 3 tỷ roubles), và để lại món nợ rất lớn, trên 14 tỷ USD cho con cháu trong tương lai. Kinh nghiệm này khó có thể lập lại. Có thể kết luận là ít nhất trong 5 năm tới, chính sách cơ bản vẫn phải nhắm vào việc ổn định tình hình kinh tế, xây dựng và củng cố cơ chế thị trường. Trong năm năm này, đạt được mức tăng trưởng trung bình 5% đã là một thành công rực rỡ.

#### **Chú thích.**

1. Mức tăng GDP của năm 2000 so với 1990 là 19 tỷ USD. Với số vốn đầu tư gấp 3,5 lần tổng số vốn cần thiết là  $19 \times 3,5 = 66,5$  tỷ USD. Cách tính này và cách tính theo tỷ lệ để dành cần thiết chỉ là phương pháp đơn giản, trên thực tế cần tính chi li đầu tư cần thiết cho từng ngành kinh tế, chẳng hạn xây dựng hạ tầng cơ sở đòi hỏi nhiều vốn hơn đầu tư vào sản xuất hàng tiêu dùng : đầu tư vào điện và truyền thông, vốn cần bằng 5-6 lần sản lượng (không phải TNQD) so với sản xuất quần áo vốn chỉ bằng 0,44 lần sản lượng.

2. Tài liệu thống kê của Việt Nam cũng cần xét lại. Theo thống kê, quỹ tích lũy (vốn đầu tư) năm 1989 là 1.950 tỷ đồng. Con số này có thể là ít vì có thể chưa tính hết đầu tư

của tư nhân. Chỉ lấy ngành xây dựng mà hầu hết sản lượng được tính vào đầu tư, sản lượng đã là 2.082 tỷ. Nếu nhìn vào giá trị máy móc, sản lượng trong nước đã là 2.082 tỷ và giá trị nhập thiết bị toàn bộ là 2.232 tỷ. Như vậy tổng số thiết bị, máy móc (tài sản cố định) đã là 4.314 tỷ. Nếu cộng thêm với phần xây dựng, tổng số giá trị tăng tài sản cố định có thể là 6.396 tỷ, gấp 3 lần quỹ tích lũy. Dù có gấp 3 lần thì tỷ lệ để dành cũng vẫn còn quá nhỏ, dưới 6% thu nhập quốc dân. Tuy nhiên 6% là hợp lý so với mức thu nhập trên đầu người thấp như Việt Nam.

### **Phụ lục I**

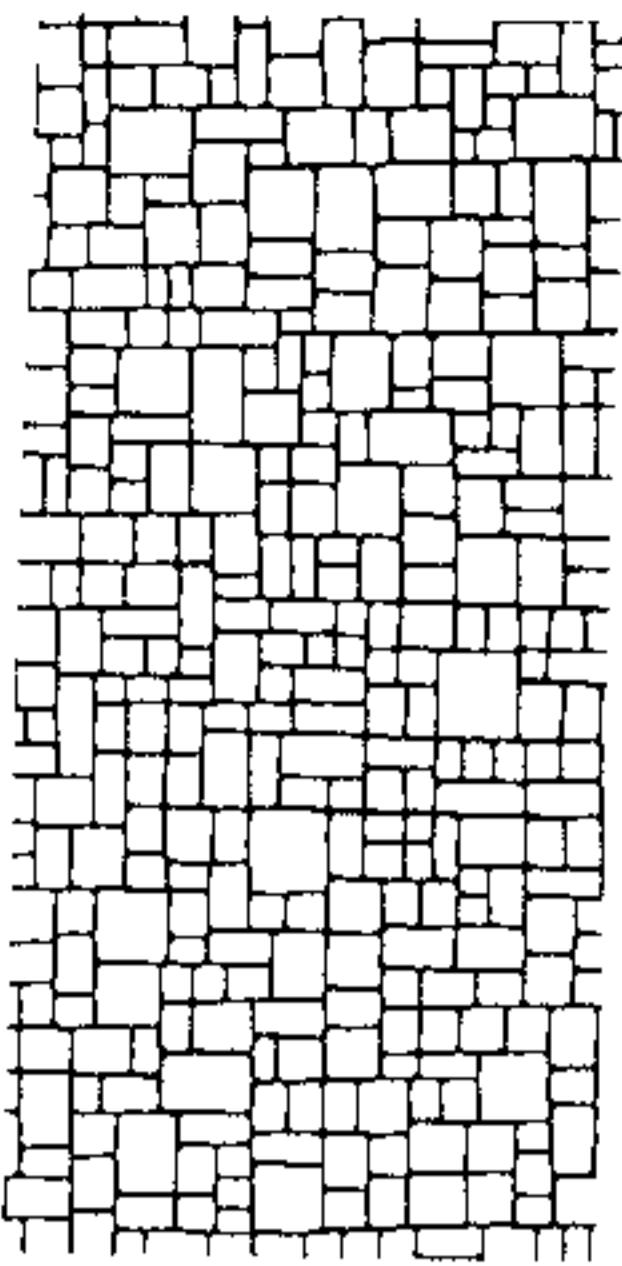
#### **Hai phương án phát triển Việt Nam 1990-2000**

| Năm     | Tăng trưởng 9,3% |        | Tăng trưởng 6% |        |
|---------|------------------|--------|----------------|--------|
|         | GDP              | Đầu tư | GDP            | Đầu tư |
| 1990    | 13,2             | 3,6    | 13,2           | 2,2    |
| 1991    | 14,4             | 3,9    | 14,0           | 2,4    |
| 1992    | 15,8             | 4,3    | 14,8           | 2,5    |
| 1993    | 17,2             | 4,6    | 15,7           | 2,7    |
| 1994    | 18,9             | 5,1    | 16,7           | 2,8    |
| 1995    | 20,6             | 5,6    | 17,7           | 3,0    |
| 1996    | 22,5             | 6,1    | 18,7           | 3,2    |
| 1997    | 24,6             | 6,6    | 19,8           | 3,4    |
| 1998    | 26,9             | 7,3    | 21,0           | 3,6    |
| 1999    | 29,4             | 7,9    | 22,3           | 3,8    |
| 2000    | 32,2             | 8,7    | 23,6           | 4,0    |
| Tổng số | 235,7            | 63,6   | 197,5          | 33,6   |

### **Phụ lục II**

#### **Kinh nghiệm phát triển của một số nước trên thế giới 1973-1988**

|              | Thu<br>nhập<br>đầu<br>người<br>1988<br>(USD) | Đầu tư<br>/GDP | Để<br>dành<br>/GDP | Phát<br>triển<br>73-80<br>(%) | Phát<br>triển<br>83-88<br>(%) |
|--------------|--|----------------|--------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Singapore    | 9100   | 41,6           | 38,2               | 7,2                           | 7,0                           |
| Thái Lan     | 1000   | 26,7           | 23,3               | 7,7                           | 6,2                           |
| Nam Dương    | 470  | 22,7           | 22,9               | 7,1                           | 6,0                           |
| Ấn Độ        | 330  | 22,3           | 20,0               | 3,8                           | 5,6                           |
| Trung Quốc   | 330  | 35,1           | 34,3               | 5,1                           | 9,5                           |
| Bangladesh   | 170  | 12,0           | 6,5                | 5,6                           | 3,7                           |
| Pakistan     | 350  | 17,2           | 14,5               | 5,4                           | 6,5                           |
| Egypt        | 650  | 22,6           | 19,5               |                               | 3,6                           |
| Gambia       | 220  | 17,1           | 4,0                | 4,8                           | 3,7                           |
| Burundi      | 230  | 14,9           | 1,6                | 3,8                           | 4,8                           |
| Burkina Faso | 300  | 22,3           | 11,0               | 4,1                           | 5,3                           |



Lâm Võ Hoàng

# THÂN CÂY KHÔNG THẾ CHE KHUẤT KHU RỪNG

Dưới tấm màn dày “ bí mật quốc gia ”, thậm chí “ quốc phòng ”, phần lớn những thông tin, số liệu về quản lý kinh tế vĩ mô đều được coi như thuộc loại người dân không cần biết tới làm gì ! Thông tin kinh tế trên báo chí, chỉ quanh quẩn giấy vàng, đôla, gạo thịt, dầu máy video, xe cub, sữa Ông Thọ vv... Các chuyên san kinh tế cũng không cho biết gì nhiều hơn.

Từ đó, sự quan tâm chú trọng của người dân chỉ biết tập trung chung quanh một số nội dung, hiện tượng kinh tế gần gũi, thiết thân, như việc tăng giá đột biến của đôla, vàng, việc hạ lãi suất tiết kiệm, đã làm cho cả nước lo lắng, bồn chồn, khắc khoải cả tháng nay. Nhiều câu hỏi đồn dập được nêu lên mà không có câu trả lời thỏa đáng.

« Tại sao giá đôla, vàng tăng vọt bất thường như vậy ? Còn lên nữa, hay là dừng, hay là sẽ hạ xuống ? Giá ở mức nào là phù hợp với tình hình kinh tế ? Tại sao giá đôla, vàng tăng, lôi kéo giá sinh hoạt tăng, mà lại hạ lãi suất tiết kiệm ? Năm kia ngân hàng Nhà nước công bố :

*Lãi suất tiết kiệm = Tỷ lệ trượt giá + Lãi suất căn bản*

Nay tỷ lệ trượt giá, theo thống kê, là 4,5 % / tháng, nhưng lãi suất tiết kiệm chỉ còn có 3,5 % / tháng. Như vậy, phải chăng có ai đó “ nuốt lời ” ? Mua vàng, mua đôla, gởi tiết kiệm, cái nào lợi hơn ? Có cách nào khác giữ tiền khỏi mất giá không ? vv... »

Câu trả lời thật ra không khó, nhưng làm sao nói ra được rằng ngoài những nguyên nhân được nêu trên báo chí và trong nghị trường, còn có *nguyên nhân của nguyên nhân*.

Đó là do không thực hiện đúng dẫn, đầy đủ Pháp lệnh về ngân hàng, mà Nhà nước (through qua công cụ của mình là Ngân hàng Nhà nước) đã đánh mất khả năng đối phó, tức là khả năng can thiệp vào thị trường. Do vậy, những đồng đôla, đáng lý phải tập trung vào tay độc quyền của Nhà nước, giờ đây nó lại trở thành vũ khí tiến công tới tấp Ngân hàng Nhà nước là người trách nhiệm bảo vệ sức khoẻ đồng tiền Việt Nam, nhưng không đủ sức chịu toàn trách nhiệm.

Đối với vàng cũng vậy. Thay vì tung vàng, như một vũ khí kinh tế, ra thị trường để điều hoà mặt bằng giá cả, thì Ngân hàng Nhà nước, thông qua các công ty vàng bạc trực thuộc, lại chen vai thích cánh với các “ đồng nghiệp ” kim hoàn, biến vàng thành món hàng kinh doanh kiếm lời.

Về việc hạ lãi suất tiết kiệm (còn 3,5 % / tháng), lý do, như đã công bố, là do Ngân hàng Nhà nước cho quốc doanh vay với lãi suất “ âm ” (?) 2,4 % / tháng, cho nên, để bớt lỗ, phải bớt lãi

suất tiền gửi nửa điểm (0,5 %), kéo phần lỗ xuống còn có 1,1 % (3,5 - 2,4).

Như vậy, nếu ngân hàng cho quốc doanh vay khoảng phân nửa (45 %) tổng số tiền gửi tiết kiệm, thì nội việc bớt nửa điểm nói trên đây đã đủ bù lỗ hoàn toàn cho ngân hàng. Thế là sướng cho ngân hàng, vì khỏi lỗ lã nữa, mà còn được tiếng “ hy sinh ” (!), vay của dân với lãi suất “ dương ” (?), để đem cho quốc doanh vay với lãi suất “ âm ” (?). Đúng là *của người phúc ta* ! Thế là thắng lợi cho tài chính, bấy lâu nay vẫn khăng khăng không chịu thanh toán bù lỗ cho ngân hàng ! (1)

Rõ ràng việc hạ lãi suất tiết kiệm, lôi kéo sự giảm sút 12,5 % (0,5 : 4) thu nhập chính đáng của người gởi, nhất là trong tình hình giá cả tăng vọt theo đôla, vàng, hoàn toàn không phục vụ mục tiêu kinh tế nào cả. Cũng như việc cho quốc doanh vay với lãi suất “ âm ”, hoàn toàn không có lý do biện minh kinh tế nào cả, ngoài lý do hễ là quốc doanh, thì luôn luôn được chấp xe, pháo mã !

Điều ngược đời là giờ đây chính là người dân (gởi tiết kiệm bị hạ lãi suất) phải gánh chịu, thay cho tài chính là người hưởng trọn, từ hồi nào đến giờ, thu quốc doanh và giao nộp ngân sách, phần “ bao cấp và ưu đãi kéo dài và không giới hạn quốc doanh ”.



Đôla, vàng tăng, lãi suất hạ, ba nội dung này, dù làm cho đầu óc ta quay cuồng (vì khó hiểu) và ruột gan ta thắt theo (vì vật giá leo thang) đến đâu, cũng chỉ là ba thân cây, không thể che khuất khu rừng vẫn đề kinh tế của chúng ta. Khu rừng đó là gì ?

+ Đó là vấn đề *mặt bằng giá* cả bông dung bị dội lên, dưới tác động của một số nhỏ, rất nhỏ, những người có điều kiện nắm, hoặc đầu cơ đôla, vàng.

+ Đó là vấn đề *công ăn việc làm* (nhân dụng) và *thu nhập xã hội* bị giảm sút nghiêm trọng, với thất nghiệp gia tăng (tuổi vào đời, bộ đội giải ngũ, giảm biên chế, thất thế xã hội...) và thu nhập xã hội teo lại, do đình đốn kinh tế kéo dài, mất viện trợ, mất mùa...

+ Đó là vấn đề *chính sách cầu tạo vốn và đầu tư*. Tình hình cạn kiệt vốn hoạt động nghiêm trọng hơn lúc nào hết, do tiết kiệm của người dân bị lừa đảo, chiếm dụng, nhưng cứ được hy sinh mãi không thôi. Đầu tư nước ngoài chưa được bao nhiêu, do cơ chế và thủ tục chưa rõ ràng, phù hợp, làm người đầu tư ngán ngại. Trong khi đó, đầu tư trong nước vẫn chưa được quan tâm.

+ Đó là chính sách *yểm trợ xuất khẩu* chưa có, mặc dù kinh nghiệm nhẫn tiễn của Đài Loan, Nam Triều Tiên.

+ Đó là vấn đề *hệ thống ngân hàng* hoàn toàn chưa phù hợp với nhu cầu thấp bé của xã hội, nói chi tới nhu cầu phát triển !

+ Đó là vấn đề *xây dựng nền tài chính, ngân sách, thuế khoá*, cần được “ đổi mới căn bản ” như ngành ngân hàng.

+ Đó là vấn đề *xây dựng mới các xí nghiệp quốc doanh*, thật sự là xí nghiệp chuyên nghiệp, là công cụ can thiệp hữu hiệu của Nhà nước trong sản xuất kinh doanh.

+ Đó là vấn đề *san định luật pháp, thượng tôn luật pháp, bình đẳng và an toàn pháp lý* cho mọi công dân.

+ Đó là vấn đề *giáo dục, đào tạo, huấn luyện* những lớp người mới phù hợp với giai đoạn phát triển kinh tế.

+ Đó là vấn đề *hội nhập kinh tế* với các nước trong khu vực (ASEAN) và thế giới, theo phương châm : “ Chỉ có những người đồng đẳng mới bình đẳng ”.

(xem tiếp trang 22)

*Khủng hoảng giáo dục  
đi theo cải cách kinh tế*

# YẾU TỐ BỎ HỌC

Murray Hiebert

Chính quyền cộng sản Việt Nam, đã từng dẹp bỏ các chương trình tư nhân cứu trợ xã hội ở các tỉnh miền Nam sau khi nắm chính quyền năm 1975, nay lại quay về với khu vực tư nhân nhằm mong cứu đất nước ra khỏi tình trạng hệ thống giáo dục đang suy thoái, học sinh bỏ học mỗi ngày mỗi nhiều, tinh thần ngày càng bại hoại.

Ở nhà thờ Cơ đốc Vinh Sơn tại thành phố Hồ Chí Minh, các bà phuộc dòng Từ thiện thánh Vincent de Paul vừa mở ba lớp học cho 77 trẻ em bụi đường lứa tuổi từ sáu đến mười lăm. Bà Béatrice Mỹ, người quản lý chương trình giáo dục nhỏ nhặt của dòng này nói rằng : " *Chúng tôi mong dạy dỗ các em, tránh cho chúng không phải trả nên ăn mày, trộm cắp* ".

Các bà phuộc dòng Từ thiện hiện nay đã mở được trong Thành phố năm trường tư thực dạy cho 358 trẻ em không nhà, mỗi em được ăn bữa trưa và hai bộ quần áo, quỹ do các nhà hảo tâm địa phương cùng trụ sở của dòng ở Paris tài trợ. Bà Mỹ giải thích rằng : " *Không cho ăn thì cha mẹ các em không chịu cho các em đến học* ". Hiện nay cha mẹ cần có con phụ giúp mới đủ tiền lo cho con ăn.

Bà Mỹ chấp nhận dễ dàng là chương trình của bà chỉ bảo trợ được một phần chặng thầm vào đâu so với số học sinh phải bỏ học trong toàn thành phố nhưng các bà phuộc không đủ tiền mở thêm lớp khác. Ông Cao Minh Thủ, giám đốc Sở giáo dục và đào tạo thành phố Hồ Chí Minh, ước lượng rằng trong thành phố hiện nay ít ra cũng phải đến 60.000 trẻ em từ sáu đến mười một tuổi không được đi học.

Sài Gòn Giải Phóng, tờ nhật báo chính thức của thành phố Hồ Chí Minh, trong tháng năm vừa qua đã đưa con số 2,2 triệu người Việt nam không biết đọc, biết viết. Và trong cả nước có đến 1,2 triệu trẻ em từ sáu đến mười tuổi thất học, thêm 1 triệu em khác trong lứa từ 11 đến 14 tuổi.

Vừa qua, Bộ trưởng giáo dục Trần Hồng Quân nói với báo chí rằng khó khăn kinh tế, cộng thêm biện pháp đổi mới của Đảng Cộng sản cho dân chúng được tự do kiểm tiền hơn trước, đã làm tăng số học sinh bỏ học ngay trong cái xã hội Khổng giáo xưa nay vốn vẫn xem trọng học vấn này.

Ông Quân nói " *Chúng tôi đang bước vào kinh tế thị trường... vì thế nhiều gia đình con còn bé đã muốn cho đi làm rồi* ". " *Lối giáo dục của chúng tôi không có dạy về khả năng nghề nghiệp, vì thế học đến cấp hai, cấp ba, cũng không thấy có lợi gì* ".

Mặc dù có vấn đề nhu cầu đã nêu ở trên, phần lớn các nhà giáo dục vẫn ca tụng chính phủ về những cố gắng phát triển hệ thống giáo dục sau ngày đánh bại thực dân Pháp năm 1954. Ông Quân nói rằng cần phải đổi chiếu khủng hoảng

giáo dục hiện nay với tình trạng năm 1945 khi mà cả nước chỉ có được 16 trường cấp hai, ba trường cấp ba và ba lớp đại học.

Hiện nay trong nước có 15000 trường cấp một và cấp hai, 1080 trường cấp ba và 102 trường trung cấp. Ông Quân nói rằng hồi 1945, 90% dân chúng không biết chữ còn ngày nay chín phần mười biết đọc biết viết.

Ông Quân nói " *Cái hệ thống giáo dục đại chúng này vượt quá khả năng, sức lực nền kinh tế của chúng tôi* ", " *Và vì thế ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục* ". Bộ trưởng nói rằng chính phủ đã tăng ngân sách giáo dục năm nay lên 12% tổng số ngân sách quốc gia so với 6,7% năm 1986, nhưng chấp nhận rằng tính theo đầu học sinh thì vẫn thấp hơn trước vì dân số tăng mau.

Giám đốc Sở giáo dục thành phố Hồ Chí Minh Cao Minh Thủ nói rằng Sở của ông ta chỉ nhận được có 50.000 đồng (tương đương với 5,6 đôla) mỗi năm cho một học sinh. Thành phố chi hết ba phần tư ngân sách giáo dục vào lương bổng giáo viên, chẳng còn bao nhiêu dành cho trang thiết bị mới và vật dụng giảng dạy.

Lương trung bình hàng tháng một giáo viên chỉ có 60.000 đồng, trong khi thu nhập hàng tháng ở khu vực kinh doanh tư nhân là trên 100.000. Ông Thủ nói rằng năm ngoái có đến trên 1000 giáo viên bỏ việc vì lương không đủ ăn, ai ở lại dạy đều bắt buộc phải làm thêm nghề khác. Nhiều cha mẹ học sinh than phiền phần lớn các thầy các cô không dạy bài học căn bản trong lớp nữa mà căn dặn học sinh phải trở lại học kèm ngoài giờ để được thêm ngoại bổng.

Ông Thủ nói " *Chúng tôi phải rung chuông báo động về việc ngân quỹ giáo dục quá ít ỏi, nếu không thì có nguy cơ mất trọn một thế hệ* ".

Ông Quân nói với báo chí rằng ở nhiều tỉnh, số thầy cô giáo bỏ việc cao hơn số giáo viên ra trường. " *Vì thiếu giáo viên chúng tôi phải dùng học sinh trung học mới ra trường rồi được đào tạo thêm ít tháng* ".

Các trường đào tạo giáo viên cũng nhận xét rằng thanh niên có tài không thích vào nghề dạy học nữa, một nghề trước đây rất được trọng vọng. Ông Đỗ Quang Ninh phó giám đốc Trường trung học sư phạm thành phố Hồ Chí Minh nói rằng " *Trường chúng tôi không thu hút nổi học sinh ưu tú vì họ thấy mức sống người dạy học thấp quá* ".

Đa số các nhà giáo dục và cha mẹ học sinh đều nói là chất lượng giáo dục sa sút rất nhanh trong mười năm vừa qua. Việt Nam có nâng cấp chương trình giáo dục từ năm 1981, tăng thêm phần về đào tạo nghề nghiệp, về khả năng khoa học kỹ thuật, nhưng ông Ninh nói rằng vì mắc lo đời sống kinh tế khó khăn phần lớn thầy giáo không nắm vững nội các môn học mới.

Cán bộ giảng dạy đều cho rằng rất nhiều học sinh đang trải qua một cuộc khủng hoảng ý chí học hỏi, vì học xong phải chạy hàng năm mới tìm ra được việc làm, lương đã thấp mà nạn thất nghiệp lại tràn lan. Ông Đào Công Tiến, hiệu trưởng trường Đại học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh nói rằng " *Chất lượng sinh viên từ trung học qua thấp quá, họ không đủ kiến thức căn bản để vào đại học* ".

Cái nghèo của Việt nam cũng ảnh hưởng đến sinh viên được học bổng du học nước ngoài. Tờ Nhân Dân, nhật báo của Đảng tháng năm vừa qua đưa tin nhiều sinh viên du học bỏ

hết thì giờ để lo làm tiền chờ chặng học hành gì. Năm ngoái, 80% sinh viên Việt Nam du học xin được gia hạn ở lại nước ngoài.

Để cứu vãn hệ thống giáo giục khỏi tình trạng đang tuột dốc, từ mấy năm qua chính phủ đã bắt đầu thu học phí và cho phép mở trường tư. Mười sáu năm trước đây thì cải cách này hẳn bị buộc vào tội tà thuyết, khi ấy Đảng cộng sản vừa nắm được quyền bính đã tuyên bố rằng một nguyên tắc cốt lõi trong chính sách đối nội là giáo dục miễn phí, hoàn toàn do Nhà nước tài trợ.

Hiện nay, trên giấy tờ thì học sinh tại các thành phố phải đóng học phí từ 8000 đến 15000 đồng mỗi tháng. Thực ra thì cha mẹ học sinh than phiền về việc lạm dụng thu học phí quá cao đã xảy ra ở nhiều nơi. Tờ Tuần Tin Tức của Thông Tấn xã Việt Nam vừa rồi đưa tin rằng một số trường ở Hà Nội bắt học sinh đóng đến mười bảy, mươi tám khoản lệ phí khác nhau.

Vì lo lắng chất lượng trường công sa sút trên khắp cả nước, một nhóm nhà giáo và nhà khoa học vừa mở trường tư thực đầu tiên ở thành phố Hồ Chí Minh để dạy cho những trẻ em thành phố có năng khiếu nhất.

Một số nhà giáo khác tổ chức trường bán công và một trường đại học tư<sup>(1)</sup> để dạy cho những sinh viên không vào được trường đại học Nhà nước.

Trường trung học tư thực Trí Đức khai giảng vào hồi tháng sáu vừa qua mở hai lớp cho các em vừa học qua tiểu học - lứa 12 tuổi - với 20 thầy chỉ dạy nửa ngày. Trong số 200 em xin học, trường đã chọn 80 em được điểm cao nhất qua một kỳ thi sát hạch nhập học nghiêm túc. Trường dự trù trong những năm tới mở thêm lớp tối cấp trước đại học.

Ông hiệu trưởng Trần Văn Hảo, và cũng là một trong những người sáng lập trường nói rằng "Mục đích của chúng tôi là đào tạo nên các nhà chuyên môn tương lai trong các ngành khoa học, kỹ thuật, công nghiệp, kinh tế và y tế."

Trường dạy theo chương trình tổng quát của Bộ giáo dục, nhưng có thích nghi để đặt nặng thêm kiến thức kỹ thuật, đặc biệt về toán học, về máy vi tính, về ngoại ngữ nhất là Anh ngữ. Các thầy dạy đã viết lại các bài giáo khoa chính thức — thường phải học thuộc lòng trong đa số trường học — để tìm cách kích thích óc sáng tạo của học sinh qua các sinh hoạt như trò chơi toán học.

Tất cả các thầy dạy đều là nhân viên các trường hoặc cơ sở khoa học trong thành phố. Ví dụ như ông Hảo thì dạy toán và là giám đốc trung tâm máy vi tính ở trường Sư phạm. Để cho các thầy rảnh tinh thần chuẩn bị bài vở, trường trả công dạy tầm giờ 100.000 đồng — bằng lương tháng giáo sư đại học Nhà nước.

Thu nhập chính của trường là thu học phí, học trò đóng 80.000 đồng một tháng, gấp năm lần học phí trường công. Dù vậy, học phí vẫn không đủ để trường thanh toán tiền chi phí hoạt động. Trường không có trường sở và thiết bị, phải thuê lớp học của một trường công và máy vi tính của trung tâm tin học trường Sư phạm.

Nhiều trường trung học và đại học công kiêm thêm thu nhập bằng cách kinh doanh nhỏ. Trường Đại học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, 12.000 sinh viên nhưng chỉ có 260

(1) Theo chúng tôi được biết thì ở thành phố Hồ Chí Minh hiện có nhiều đề án trường đại học tư nhưng chưa có trường nào thực sự khai giảng (người dịch N.T.)

người được học bổng Nhà nước, phải tự túc một nửa ngân sách bằng dịch vụ tham vấn cho các cơ sở kinh doanh địa phương và tổ chức tham quan cho du khách và giáo sư đại học ngoại quốc đến thăm Việt Nam.

Hiệu trưởng đại học Đào Công Tiến cho rằng chỉ có thể vượt qua cuộc khủng hoảng giáo dục trong cả nước này khi nào Nhà nước thôi không bao cấp giáo dục cho mọi trẻ em nữa. "Chúng tôi cần vận động cho những ai có sức phải chịu tham gia gánh vác phí tổn giáo dục", ông viện lý rằng các biện pháp đổi mới kinh tế vừa qua của Đảng cộng sản đã giúp khu vực tư nhân hưởng lợi hơn ngân sách Nhà nước nhiều. Ông ta giữ ý kiến là "Nhà nước chỉ nên trợ cấp cho những học sinh nghèo nhất mà thôi".

**Murray Hiebert**

*Far Eastern Economic Review 19/09/91*

*Nguyễn Thắng* dịch



## Đà Lạt II (viết cho H.)

Căn phòng hai ta vách dựng bởi ngàn thông  
Giường nem bồng bềnh đồi cỏ dại  
Sương lâng dâng tấm mền nũng nịu  
Chợt dày chợt mỏng chợt hư không

Ta thấm nhập vào ta qua mỗi chiếc hôn nồng  
Hồn nhẹ bỗng với hương rừng nhão quyện  
Hoa đâu thơm

thơm  
thơm đến tận cùng thanh cao  
và bí hiểm  
Và chính mình cũng hóa một làn hương.

13.2.1987  
11.10.1988

Bùi Minh Quốc

## Có Lúc

Có lúc  
một mình một dao giữa rừng không sợ hổ  
Có lúc  
ban ngày nghe lá rụng sao hoảng hốt  
Có lúc  
nước mắt không thể chảy ra ngoài được.

1.1963  
Văn Cao



## Cộng đồng... đó đây...

### Trần Thiết, cố vấn của Thủ tướng Pháp Edith Cresson.

40 tuổi, sinh ở Marseille, bố Việt mẹ Pháp, ông Jean Paul Trần Thiết đã được bà Edith Cresson bổ nhiệm vào văn phòng thủ tướng với chức vụ cố vấn. Ông đang phụ trách các "nhóm nghiên cứu và vận động" do bà Cresson lập ra để đề ra những chủ trương, chính sách trong mọi lĩnh vực.

Trước khi làm tham mưu cho Thủ tướng Pháp, ông Jean Paul Trần Thiết từng tham gia văn phòng các bộ trưởng phụ trách Cộng đồng Châu Âu Bernard Bosson (những năm 1986-88, trong chính phủ Jacques Chirac) và Edith Cresson (1988-90, trong chính phủ Michel Rocard). Ông cũng đã từng làm Tổng giám đốc phụ trách ngoại vụ của Công ty France Défi.

### Khi trời đất quay cuồng

Cuốn sách *Khi trời đất quay cuồng* (When Heaven and Earth changed places) của bà Lệ Lý Hayslip, đã từng là best seller ở Mỹ năm 1989, đến nay đã được in lại tới bốn lần, lần sau cùng với con số 20 000 bản. Sắp tới, tác phẩm này sẽ được in ở 12 nước khác. *Lãng mạn và đẹp như mơ... Đây là một trong những cuốn sách đáng chú ý nhất trong tất cả các tác phẩm lấy ý từ cuộc chiến tranh Việt Nam.* Đó là lời khen của báo People. Tờ New York Times cũng viết : *Đây là một trong những câu chuyện đã đánh bại những thái độ đạo đức.*

Trên nguyên tắc, trong tháng 9.91 vừa qua, Lệ Lý Hayslip đã cùng với Olivier Stone (tác giả phim *Platoon*) cùng một đoàn 11 người của hãng phim Mỹ Carolco Pictures đến Việt Nam thăm dò địa điểm và phong cảnh để dựng phim dựa theo *Khi trời đất quay cuồng*. Theo dự tính, cuốn phim sẽ được hoàn thành trong vòng một năm và ngày 20.12.1992 sẽ được công chiếu trên khắp nước Mỹ, và sau đó trên toàn thế giới.

(theo Đoàn Giao Thủy, báo *Thanh Niên*, ngày 25.8.1991)

### Nguyễn Minh Thúy Phượng, một nữ vận động viên xuất sắc ở Mỹ.

Tờ *Sun Sentinel* (Palm Beach) số ra ngày 27.3.1991 miêu tả Thúy Phượng như sau : "Thúy Phượng người nhỏ bé, cao 1m55, nặng không quá 40 kg, học sinh xuất sắc, đoạt toàn điểm A, hiện dương hướng về ngành Y. Các bạn cùng lớp thường gọi đứa cô bằng cái tên *the Terminator*, vì cô không chỉ học hành xuất sắc mà còn là một vận động viên chạy bộ

nổi tiếng." Năm 1990, Thúy Phượng chạy đoạn đường dài hai dặm (3,2 km) với 12 phút 8 giây, chiếm giải nhì toàn quận, giải tư trong vùng và giải tám toàn tiểu bang. Ông J. Kuntz, huấn luyện viên của cô tin rằng Thúy Phượng sẽ còn tiến xa hơn nữa nếu được huấn luyện đúng mức. Năm nay, Thúy Phượng được chọn để đại diện cho quận Palm Beach tham gia giải chạy bộ toàn tiểu bang Florida. Cô là người học sinh đầu tiên hội đủ tiêu chuẩn để tham gia giải chạy liên bang. Thành tích mới nhất của cô trên khoảng cách 2 dặm là 11 phút 54 giây, trong khi người đoạt giải nhất chạy mất 11 phút 24 giây.

(theo ĐGT, báo *Thanh Niên*, 1.9.1991)

### Người Việt đầu tiên đắc cử thị trưởng ở Úc.

Ngày 14.8.1991 vừa qua, tại thành phố Richmond (Úc), ông Nguyễn Sang, một thanh niên người Việt, 31 tuổi, đã đắc cử chức vụ thị trưởng. Thành phố Richmond có 25 000 dân, trong đó có 2 500 người gốc Việt Nam.

Ông Nguyễn Sang là người thị trưởng trẻ nhất từ trước tới nay ở thành phố này. Ông đặt chân lên đất Úc năm 17 tuổi.

Tại thành phố Collingwood, ông Trần Đức Dũng, một thanh niên Việt Nam khác cũng trúng cử vào Hội đồng thành phố.

(theo *Tivi tuần san*, số 281, ngày 15.8.1991,  
xuất bản tại Úc)

### Trịnh Xuân Thuận, nhà do đặc vũ trụ

Trịnh Xuân Thuận là một nhà khoa học đã có nhiều đóng góp trong ngành vật lý ở Mỹ từ nhiều năm nay, song ông chỉ nổi tiếng từ khi cho xuất bản cuốn sách "La Mélodie secrète" (bản tiếng Pháp, nhà xuất bản Fayard, 1988). Ông năm nay 43 tuổi, học trung học ở Pháp cho tới năm 19 tuổi thì sang Mỹ, theo học tại trường đại học kỹ thuật tiểu bang California (quen gọi là Caltech). Đặt chân tới California, được tiếp xúc với Trung tâm quan sát vũ trụ Pasadena và đài thiên văn trên núi Palomar, nơi có chiếc kính viễn vọng lớn nhất thế giới, một thiên hướng đã bộc lộ ở Trịnh Xuân Thuận : anh quyết chí trở thành một nhà vật lý thiên văn. Ở Caltech, anh theo học vật lý với Gordon Garnire, chuyên nghiên cứu về tia X của các thiên thể, William Fowler, cha đẻ của ngành vật lý thiên văn hạt nhân, giải thưởng Nobel về vật lý. Sau khi đỗ cử nhân, Trịnh Xuân Thuận chuyển sang đại học Princeton, bảo vệ luận án tiến sĩ với đề tài "Khoảng trống giữa các vì sao", dưới sự hướng dẫn của Lyman Spitzer.

Năm 1976, anh được phong làm giáo sư ở đại học Virginia. Từ đó bắt đầu công việc đo đặc vũ trụ của Trịnh Xuân Thuận. Trong 10 năm, anh đã đo sự chuyển dịch qua ánh sáng đỏ của khoảng hai nghìn thiên hà. Nhờ kết quả của công trình nghiên cứu khổng lồ này mà ngày nay người ta biết rằng các thiên hà lùn (*galaxies naines*) sẽ không lấp đầy được các khoảng trống lớn trong không gian, giữa các thiên hà rất sáng mà người ta quan sát được.

Trong lĩnh vực của mình, Trịnh Xuân Thuận còn là một người phổ biến khoa học tích cực, không ngần ngại bỏ thì giờ đi nói chuyện về vũ trụ với các học sinh trung học.

Được biết, tác giả cuốn La Mélodie secrète đang hoàn thành một tác phẩm khác, thuật lại con đường làm khoa học của mình. Sách sẽ do nhà Beauchesne xuất bản.

(theo Alain Krausz, tạp chí *Sciences et Avenir*,

số 531, tháng 5.1991,

và bản dịch của Đinh Ngọc Quang,  
báo *Nhân dân chủ nhật*, 1.9.1991)

## Một người Mỹ gốc Việt được giải thưởng Jefferson

Giải thưởng Jefferson được thành lập từ năm 1972 với mục đích tuyên dương những công dân Mỹ đã có những đóng góp được coi là xuất sắc cho xã hội. Trong số những nhân vật có tên tuổi từng được trao giải này: Jimmy Carter, Henry Kissinger, Georges Schultz, Bob Hope, Kirk Douglas, v.v...

Năm nay, giải thưởng được trao cho 67 người, đại diện 50 tiểu bang của Mỹ. Bà Châu Thị Chính, một người điều khiển hai văn phòng giúp người Việt tị nạn ở hai thành phố cách nhau hơn hai giờ lái xe (Fresno và Stockton), là một trong ba người đại diện California lãnh giải. Bà Châu Thị Chính tới Mỹ năm 1986 cùng với ba người con và hai cháu, con của một người chị. Bà đã nhiều lần được tuyên dương là người phục vụ cộng đồng xuất sắc.

(theo *Phụ Nữ Diễn Đàn*, số 92, tháng 9.1991)

## Rosalyn Phượng múa võ Tae Kwon Do đoạt giải

Em Rosalyne Phượng, 10 tuổi, ngụ tại Santa Ana (Quận Cam, California), vừa đoạt hai huy chương, một vàng, một bạc tại cuộc thi đấu Tae Kwon Do dành cho lứa tuổi thiếu niên ở Mỹ (US National Junior Olympic on TKD) diễn ra ở thành phố Cincinnati (tiểu bang Ohio), trong tháng 7 vừa qua. Giải này được tổ chức hàng năm và dành cho các em từ 6 đến 17 tuổi. Các huy chương Rosalyn Phượng đoạt năm nay là : huy chương vàng về song đấu, và bạc về biểu diễn bài quyền.

(theo *Phụ Nữ Diễn Đàn*, số đã dẫn)

## Người Việt ở Đức bị đánh.

Trong tuần cuối tháng 9, đầu tháng 10, nước Đức náo động vì những nhóm phát xít đồng loạt ném đá, chai xăng "molotov" tấn công nhiều nơi ở của những ngoại kiều, trên nhiều tỉnh khác nhau, đồng thời hành hung họ ở cả những nơi công cộng. Nhiều người Việt Nam là nạn nhân của những cuộc hành hung vị chủng này, đặc biệt ở tỉnh mỏ Hoyerswerda. Ngày 5.10, những nhân viên ngoại giao Đức tại Hà Nội đã báo đàm với nhà cầm quyền Việt Nam rằng chính phủ Đức sẽ ngăn chặn để những hành động đó không xảy ra trong tương lai, và những người lao động Việt Nam sẽ được che chở, bảo vệ.

Được biết, trong số khoảng 60 000 người Việt Nam sang làm việc ở Đông Đức theo các hợp đồng giữa chính phủ Việt Nam và chính phủ Đông Đức trước ngày nước Đức thống nhất, hơn một nửa đã trở về nước.

## Về việc cưỡng bức thuyền nhân hồi hương

Theo tin AFP từ Hồng Kông ngày thứ năm 3.10.1991, các nước Đông Nam Á đã mau chóng phản ứng, bằng những tuyên bố chào mừng một cách dễ dắt, quyết định vừa được công bố của Hà Nội rằng Việt Nam từ nay sẽ chấp nhận đón những người đã bỏ đi nhưng bị các nước thứ ba cưỡng ép đưa trở về. Trước giờ, Hà Nội chỉ nhận những người tự nguyện hồi hương khi không tìm được nơi cư trú ở nước ngoài. Người phát ngôn của chính phủ Hồng Kông nói rằng đó là một tin tốt nhưng còn cần được sáng tỏ hơn. Được biết, hiện nay có gần 60 000 thuyền nhân Việt Nam còn sống lây lắt ở các trại được canh giữ như trại giam ở Hồng Kông. Nhà cầm quyền ở đây cho biết hơn 90 % số này được coi như những người di cư vì lý do kinh tế. Chỉ có 5 154 người được cấp giấy chứng nhận là tị nạn vì chính trị. Nhưng Hồng Kông không biết giải quyết việc này ra sao. Tháng 12.1989, Hồng Kông đã bị công kích dữ dội, nhất là từ phía chính phủ Mỹ, khi cưỡng bức một số người trở về bằng cách đưa họ lên máy bay bay sang Hà Nội. Từ đó, chương trình cưỡng bức người tị nạn trở về bị khựng lại. Theo tin từ Cao ủy Tị nạn của Liên hiệp quốc, từ tháng 3.1989 tới nay, đã có 10 200 thuyền nhân tự nguyện hồi hương.

Thái Lan cũng chào mừng quyết định của Hà Nội. Các nước Đông Nam Á khác, nơi cũng có nhiều người tị nạn Việt Nam, như Philippin, Malaixia, chưa có phản ứng. Tuy nhiên, theo những tin cuối cùng khi tờ báo này lên khuôn (17.10), cuộc thảo luận giữa đại sứ Anh ở Hà Nội với đại diện bộ ngoại giao Việt Nam về những điểm cụ thể trong vấn đề này chưa được ngã ngũ. Anh muốn mau chóng đưa số thuyền nhân không được coi là tị nạn ở Hồng Kông về, nhưng đối với Hà Nội điều sao việc nhận những người bị cưỡng bách trở về vẫn là một điều tế nhị.

## Đính chính

Trong *Diễn Đàn* số 1, tin " Một phụ nữ Việt Nam làm giám đốc tài chính thành phố Montréal ", chúng tôi đã "tự tiện cắt giảm" ngân sách thành phố này từ 1,7 tỷ Mỹ kim xuống còn 1,7 triệu Mỹ kim! Trong bản mục lục, tựa sách " Bi kịch nhà vua " của Vũ Ngọc Khanh cũng "được" tặng thêm chữ "của" ...

Xin bạn đọc vui lòng thứ lỗi.

Lời bàn của người đánh máy.

" Tiểu " tôi làm chùa, lòng thành có Phật tổ chứng giám, chẳng hề xơ mói gì về cái ngân khoản bị cắt giảm kia. Vậy xin nói thêm để bạn đọc rõ.

# EMANUEL

Bài dưới đây nói về hiện tượng mãi dâm trong số nữ công nhân Việt nam ở Liên Xô đã đăng trong tạp chí *Mégapolis Express*, một tờ báo mới xuất bản ở Liên Xô với số lượng hàng triệu bản. Diễn đàn giới thiệu bài báo này theo bản dịch của tạp chí *Lửa Ấm* do Ban tiếng Việt

Đài phát thanh Matxcova xuất bản.

— Cô ấy à... — bà trưởng ốp kẽ — cô đến Liên Xô để làm công nhân nhà máy ôtô ZIL trong bốn năm. Nhưng với số lương ít ỏi thì cô này cũng như hàng trăm cô gái Việt nam khác phải bán thân cho khách Nga để sống. Không đắt đâu. Mỗi buổi từ mười lăm đến hai mươi rúp thôi.

— Thế bà xem việc ấy ra sao ?

— Mình làm gì được ! Đành phải nhắm mắt mà thôi. Trong ốp này biết bao nhiêu là "Natasa" là "Kacia" mắt xếch, làm sao mà tôi đeo kính họ từng bước cho nổi. Tôi tối họ đi, sáng ngày bọn trai tráng Nga đến gõ cửa ốp ; mở ra thấy ba bốn tên dùi con kia về. Trông thật khốn nạn : say mềm, áo quần rách rưới, nước mắt dầm dề. Có khi còn bị đánh bầm tím cả người nữa... "Trả cho mẹ đấy. Xin cảm ơn".

... Cách ốp không xa có bộ phận đặt thiết bị sưởi nước cho quận này. Các cuộc yêu đương xảy ra hàng đêm trong căn nhà đó, trên mấy tấm nệm nát dơ bẩn, giữa những ống nước rỉ.

Cả tốp trai địa phương lần lượt thay phiên nhau chơi một nữ công dân nước xã hội chủ nghĩa anh em.

Tôi tiếp tục cuộc phỏng vấn :

— Giây phút đó thì em cố gắng nghĩ đến cái gì khác - Emanuel kể, giọng buồn bã — đến rừng, đến biển... Không thì dễ bị ngất đi...

Mấy lần cô bị ngất thật. Khách quá tham, với lại "kích thước" Nga...

Các loại bệnh da liễu là một thực tế phổ biến nơi các cô. Và cả nạo thai. Nhưng không phải trên giường chẩn bệnh của bác sĩ sản phụ khoa mà vẫn ở ngay đấy, trên chiếc nệm bẩn kia, nhò bẩn tay của các bạn gái có kinh nghiệm hơn...

Song có thể mới có cơ dành dụm được một số tiền, đủ để ăn, để mua vài cái chậu, cái xoong. Đóng được một conteneur gửi về nước là đắt vô cùng, nhưng cái chính vẫn là cho đủ ăn. Đói thì làm sao mà đứng đây chuyền cho nổi. Mà gọi bác sĩ thì không được rồi : nó đánh hơi ra ngay. Có khi lại báo cho Sứ quán nữa. Nguồn kinh doanh mà lộ thì bị đưa về Việt Nam ngay.

(xem tiếp trang 22)

Hai phim

## GÁNH XIẾC RONG (Việt Linh) CHUYỆN TỬ TẾ (Trần Văn Thuỷ)

tại Liên hoan phim các nước sử dụng tiếng Pháp, tổ chức tại rạp *Le Latina*, 20 rue du Temple, Paris 4 (điện thoại 42.78.47.89). Cả hai phim có phụ đề tiếng Pháp.

**Gánh xiếc rong** (*Cirque ambulant*) : thứ năm 14.11 (5 xuất : 14g, 16g, 18g, 20g và 22g)

**Chuyện tử tế** (*Vivre comme il faut*) : thứ sáu 15.11 (5 xuất : 14g, 16g, 18g, 20g và 22g).

## TRỊNH THỊ NHÀN độc tấu PIANO

tại *Eglise Saint-Merri*, 76 rue de la Verrerie, Paris 4, **chủ nhật 17.11**, lúc **16 giờ**.

Chương trình : *Bach-Busoni, Mozart, Liszt, Chopin, Schumann, Albeniz, Rachmaninov*.

Trong dịp này sẽ phát hành đĩa CD (compact-disque) của nhạc sĩ Trịnh Thị Nhàn (Hà Nội) thu tại Paris : Haydn, Liszt, Brahms, Schumann, Rachmaninov (giá bán : 50 F). Có thể đặt mua tại địa chỉ : *Mme Trịnh, 78 avenue Henri Martin, 75016 PARIS* (thêm 10 F cước phí).

## SAIGON, ảnh BERNARD SENY

triển lãm từ ngày 10.10 đến ngày  
**31.12.1991**

tại trụ sở nhật báo *Le Monde*,  
15 rue Falguière, Paris 15.

## MÚA RỐI NUỐC đi các tỉnh rồi trở lại Paris

Đoàn múa rối nước Việt Nam tiếp tục vòng công diễn ở Pháp tại LANNION (từ 7.11 đến 9.11), COLMAR (12.11 đến 17.11), LE MANS (21.11 đến 23.11), CANNES (3.12 đến 7.12).

Tiếp đó, chú Tễu và bát tiên trở lại vùng Paris để trình diễn ở MARNE LA VALLEE (La Ferme du buisson, từ 10.12 đến 15.12) và CONFLANS SAINT-HONORINE (17.12 đến 21.12, Salle Simone Signoret)

Vào dịp lễ cuối năm dương lịch, múa rối nước sẽ có mặt ở LYON (từ 23.12 đến 5.1.92), sau đó sẽ tới EVREUX (7.1 đến 11.1) và BREST (14.1 đến 25.1).

Hỏi thêm thông tin tại *Maison des cultures du monde*, 101 boulevard Raspail, 75006 PARIS, dt : 45.44.72.30

# Giải thưởng FEMINA cho DƯƠNG THU HƯƠNG ?

Mỗi lửa gây ra những đám cháy cách mạng lớn  
nhất là TÚ DO  
Cơn mưa xoá sạch những đám cháy ấy cũng chính  
là TÚ DO

## DƯƠNG THU HƯƠNG ngày thứ 190

Trang báo này, chúng tôi lên khuôn ngày chủ nhật  
20.10.1991. Nhà văn Dương Thu Hương bị bắt từ ngày  
14.4.1991, đến nay là đúng 189 ngày.

Ngày 17.10.1991, ban giám khảo giải thưởng văn học Fémina (gồm toàn các nhà văn nữ) đã công bố danh sách 5 tiểu thuyết ngoại quốc được tuyển chọn để tới ngày 25.11, một trong 5 cuốn đó sẽ được tặng giải Fémina étranger. Tác phẩm *Những thiên đường mù* của Dương Thu Hương (bản dịch tiếng Pháp của Phan Huy Đường, *Les Paradis aveugles*, Nhà xuất bản Des Femmes, 1991) đã được tuyển chọn, cùng với 4 tiểu thuyết : *La Musique du hasard* của Paul Auster (nhà xuất bản Actes Sud), *Histoire qui fut heureuse puis douloreuse et funeste* của Pietro Citati (Gallimard), *Un Vaste monde* của David Malouf (Albin Michel) và *Les Filles de White-chapel et Jack l'Eventreur* của Paul West (Rivages).

Sau giải Goncourt, Fémina là một giải thưởng văn học lớn của Pháp, được xếp ngang hàng với các giải Renaudot, Médicis, Interallié, Grand prix de l'Académie française (Giải thưởng lớn của Hàn lâm viện Pháp).

Dương Thu Hương là tác giả Việt Nam đầu tiên mà trong vòng một hai tháng, liên tiếp hai bản dịch đã được xuất bản tại Pháp (tác phẩm kia là truyện vừa *Chuyện tình kể trước rạng đông*, do Kim Lefèvre dịch, tựa đề *Histoire d'amour racontée avant l'aube*, nhà xuất bản l'Aube). Được biết Nhà xuất bản Des Femmes cũng đang chuẩn bị xuất bản cuốn tiểu thuyết mới nhất của Dương Thu Hương *Tiểu thuyết vô đề* (xem bài giới thiệu của Đặng Tiến trong *Diễn đàn số 1*), với tựa đề *Roman sans titre* (bản dịch của Phan Huy Đường).

Nhà văn Dương Thu Hương bị bắt giam từ ngày 14.4.1991 với lý do “ tìm cách phổ biến tài liệu có phương hại đến an ninh quốc gia ra nước ngoài ”. Người được Dương Thu Hương trao tài liệu là một bác sĩ Việt Nam quốc tịch Mỹ, ông Bùi Duy Tâm, ở bang California. Bác sĩ Tâm đã được trả tự do từ ngày 31.5 và đã trở về Mỹ. Dương Thu Hương vẫn bị giam, đến nay là hơn 6 tháng. “ Tài liệu cấm ” dẫn tới sự giam cầm này, theo những nguồn tin đáng tin cậy, rất cuộc là bản kiến nghị của bác sĩ Nguyễn Khắc Viện và nhà toán học Phan Đình Diệu. Hai tài liệu này được soạn từ tháng 1.1991, và đã được phổ biến rộng rãi ở trong nước, và từ cuối tháng 3, ở hải ngoại (trước khi nhà văn trao cho ông Bùi Duy Tâm). Cuối tháng 8, tổng bí thư Đỗ Mười đã gặp và đối thoại với hai ông Nguyễn Khắc Viện và Phan Đình Diệu (từ cuối tháng 9, giáo sư Phan Đình Diệu khởi đầu một chuyến viễn du khoa học qua Nhật, Hoa Kỳ, Anh và Pháp). Còn Dương Thu Hương thì, theo tin của tuần báo *Far Eastern & Economic Review*,

được phơi kiểng bằng một nguồn tin của chúng tôi ở Hà Nội, chính quyền có ý định sắp tới sẽ đưa nhà văn ra xử trong một phiên tòa họp kín.

*Liên đoàn nhân quyền Pháp* (*Ligue française des Droits de l'homme*), do bà *Madeleine Rebérioux* (nhà sử học, bạn chí cốt của Việt Nam) làm chủ tịch, dự định cử luật sư bảo vệ nhà văn Việt Nam và yêu cầu xử một cách công khai, minh bạch. Nhiều nhân sĩ Pháp, như giáo sư *Laurent Schwartz*, cũng đã gửi thư và điện can thiệp. Mùa hè vừa qua, hai giáo sư cũng đã ký tên vào lời kêu gọi trả tự do cho Dương Thu Hương (xem danh sách hơn 700 người ký tên trong *Đoàn Kết số 434*).

Trong khuôn khổ chương trình *Bản dịch Pháp ngữ* (*Version française*) giới thiệu các tác giả ngoại quốc nhân tuần lễ *Say cuồng đọc sách* (*Fureur de lire*) trung tuần tháng 10, ông *Jack Lang*, bộ trưởng văn hoá Pháp, đã viết thư mời ba nhà văn Việt Nam sang Pháp : Dương Thu Hương, Phạm Thị Hoài và Nguyễn Huy Thiệp (đã có tác phẩm được dịch ra tiếng Pháp). Chỉ có tác giả Thiên sứ được phép xuất ngoại, sau hai lần bị từ chối (xem tin về Phạm Thị Hoài trong số này).

K.V.

### Thiên Sứ Version Française

## phạm thi hoài sang pháp

Tối thứ sáu 18.10.1991, khán giả dài truyền hình FR3 đã được thấy nhà văn Phạm Thị Hoài, khách mời giờ chót của Bernard Rapp, trong chương trình văn học Caractères (thay thế chương trình Apostrophes của Bernard Pivot).

Tác giả *Thiên sứ* (bản dịch tiếng Pháp *La Messagère de cristal* của Phan Huy Đường, nhà xuất bản Des Femmes, 1991) và *Mê lộ* (tập truyện ngắn) vừa tới Pháp ngày 15.10,

theo lời mời của bộ trưởng văn hoá Pháp Jack Lang, để tham gia sinh hoạt *Version Française* (Bản tiếng Pháp) mào đầu chương trình *Fureur de Lire* (Say cuồng đọc sách). Đây là sáng kiến độc đáo của bộ văn hoá Pháp, một dịp để các nhà văn thế giới gặp gỡ và trao đổi ý kiến với người dịch tác phẩm của họ ra tiếng Pháp.

Ngày 17.10, tổng thống François Mitterrand đã chào mừng hơn 40 nhà văn (từ hơn 30 nước) và dịch giả của họ tại điện Elysée.

Cùng ngày, ông Jack Lang đã đón tiếp các tác giả, dịch giả và nhà xuất bản cùng báo chí tại bộ văn hoá. Sinh hoạt *Bản tiếng Pháp* được tổ chức tại Trung tâm hội nghị quốc tế Kléber, nơi ký kết Hiệp định Paris về Việt Nam cách đây hơn 18 năm, cũng là nơi, một tuần sau, sẽ ký Hiệp định về Campuchia. Trong diễn văn khai mạc, bà Evelyne Pisier, giám đốc Trung tâm quốc gia sách in (C.N.L.), đã ngỏ ý tiếc rằng có hai nước đã không cho phép nhà văn sang tham gia sinh hoạt này : Syrie và Việt Nam — Phạm Thị Hoài là người duy nhất trong ba nhà văn Việt Nam được phép xuất ngoại : Nguyễn Huy Thiệp bị từ chối, Dương Thu Hương vẫn bị giam tù.

Dẫn nhập cuộc thảo luận, nhà văn Cornelius Castoriadis phát biểu về đề tài **Thế nào là một nền văn hoá dân chủ ?** Ông Luc Ferry trình bày và bình luận về ba khuynh hướng trong văn học, ý nghĩa và sự nguy hiểm của chúng : biến tác phẩm văn học thành hàng hoá, bám rẽ cục bộ (enracinement local) và bứt rẽ (arrachement). Sau đó, có cuộc thảo luận trên đề tài : **Tác giả và cái bóng** (son double) của mình, suy nghĩ về vấn đề biên dịch phổ cập.

Ngày 18.10.1991, có ba bàn tròn phân chia theo ngôn ngữ (Anh, Tây Ban Nha, Đức) trên hai đề tài : **dịch thuật văn học và sự ra đời của một nền văn học toàn cầu**.

Phạm Thị Hoài, tên thật là Phạm Hoài Nam, sinh năm 1960. Tốt nghiệp khoa lưu trữ văn khố tại trường Đại học Humboldt, về Hà Nội làm việc tại Viện sử học, rồi Viện khoa học xã hội. Những sáng tác đầu tiên được đăng trên tuấn báo Văn Nghệ năm 1988 là hai truyện ngắn : **Hành trình của những con số**, Năm ngày, đã được bạn đọc chú ý ngay, riêng truyện ngắn Năm ngày (đã đăng lại trên báo Đoàn Kết) đã gây tranh luận, và bị Ban chấp hành Hội nhà văn lên án là hạ thấp nhân phẩm (tháng 9.1988), từ đó cách chức nhà văn Nguyễn Ngọc (tháng 12.1988), mở đầu cuộc uốn nắn giới văn học nghệ thuật.

Sau **Thiên sứ** (tiểu thuyết đầu tay) và tập truyện ngắn **Mẹ 10**, một số truyện ngắn của Phạm Thị Hoài được đăng trên một vài tạp chí, đặc biệt là *Sông Hương*, một số khác còn nằm trong ngắn kéo toà soạn. Dư luận cũng rất chú ý tới những bài lý luận văn học của Phạm Thị Hoài. Ngoài ra, chị còn là dịch giả những tác phẩm của Kafka, Grass và Tanizaki.

Trả lời câu hỏi của B. Rapp trên đài FR3, Phạm Thị Hoài nói chị hy vọng cuốn tiểu thuyết thứ nhì của chị sẽ được xuất bản trong năm 1992.

T.Đ và K.V.

## giải văn học 1990 của hội nhà văn việt nam

Hội nhà văn Việt Nam đã trao giải thưởng văn học cho :

— ba cuốn tiểu thuyết *Mảnh đất làm người nhiều ma* của Nguyễn Khắc Trường (Nxb. Hội nhà văn), *Bến không chồng* của Dương Hương (Nxb. Hội nhà văn) và *Thân phận của tình yêu* của Bảo Ninh (Nxb. Hội nhà văn).

— hai tập thơ *Tặng riêng một người* của Lê Thị Mây (Nxb. Văn học) và *Khúc hát người xa xứ* của Trương Nam Hương (Nxb. Trẻ)

— một cuốn lý luận phê bình : *Lý luận và văn học* của Lê Ngọc Trà (Nxb. Trẻ).

Hội đồng chung khảo gồm có 9 nhà văn Vũ Tú Nam, Nguyễn Ngọc, Bùi Hiển, Nguyễn Khải, Vũ Cao, Nguyễn Kiên, Vũ Quần Phương, Hữu Mai và Lê Ngọc Trà.

Điều đáng chú ý là các tác giả được giải đều ở lứa tuổi trên dưới 40 và đã trực tiếp tham gia chiến tranh. Riêng về tiểu thuyết, hai trên ba tác phẩm được giải là tiểu thuyết đầu tay (Dương Hương và Bảo Ninh). Ngay cả đối với Nguyễn Khắc Trường cũng là tác phẩm đầu tiên ký tên thật.

*Mảnh đất làm người nhiều ma* của Nguyễn Khắc Trường có lẽ là tiểu thuyết đầu tiên nêu lên vấn đề cố cựu của nông thôn miền Bắc : vấn đề dòng họ. *Bến không chồng* của Dương Hương nói về một người thương binh trẻ về làng : cuộc chiến tranh không tiếng súng tiếp diễn sau luỹ tre xanh. *Thân phận của tình yêu* của Bảo Ninh viết về cuộc khủng hoảng thời hậu chiến : cuộc chiến tranh trở lại trong nội tâm của một cựu chiến binh. Trong ba tiểu thuyết được giải, tác phẩm của Bảo Ninh được Nguyễn Khải và Lê Ngọc Trà đánh giá là xuất sắc nhất (theo Tuổi Trẻ chủ nhật, 1.9 và Thanh Niên, 8.9.91).

## phim việt nam tại các liên hoan quốc tế

Tháng 9 vừa qua, *Bao giờ cho đến tháng mười* và *Cô gái trên sông*, hai bộ phim của đạo diễn Đặng Nhật Minh, đã tham gia Liên hoan phim châu Á Fukuoka và Liên hoan phim quốc tế Tokyo. Đến Nhật Bản với Đặng Nhật Minh còn có hai nữ diễn viên Lê Vân (*Bao giờ cho đến tháng mười*) và Minh Châu (*Cô gái trên sông*).

Tại châu Âu, các liên hoan phim Uppsala (tháng 10) ở Thuỵ Điển, Madrid (tháng 11) ở Tây Ban Nha, Fribourg (tháng giêng 92) ở Thuỵ Sĩ, đã mời phim *Gánh xiếc rong* (tức *Trò áo thuật*) và nữ đạo diễn Việt Linh tham dự.

Tại Paris, *Tuần lễ của những đạo diễn phim thuộc các nước sử dụng tiếng Pháp*, tổ chức vào tháng 11 nhân Hội nghị những nguyên thủ quốc gia sử dụng tiếng Pháp — trong đó có Việt Nam — đã chọn giới thiệu *Gánh xiếc rong* của Việt Linh và *Chuyện tử tế* của Trần Văn Thuỷ (xem chi tiết trong mục Paris tháng 11).

những điều trông thấy



## chuyện mắc...dịch

Dọn dẹp nhà cửa trong dịp nghỉ hè, Tú Sụn tôi lần giờ đồng báo cũ, bỗng thấy trên trang báo Tiền Phong (1) bài giới thiệu một tác phẩm mới của nhà văn Châu Mỹ Latinh Gabriel García Márquez "Tình yêu nỗi giận". Vốn mê tác giả "Trăm năm cô đơn", lại vừa được đọc "L'Amour aux temps du choléra" (Tình yêu thời dịch tả) nên Tú Sụn rất chú ý. Cái ông GGM này ghê thật, yêu tùng lum là la, hết "dịch tả" lại "nỗi giận". Quái, sao chưa thấy tác phẩm này được dịch ra tiếng Pháp vậy cà? Độc giả Pháp rất mê García Márquez, chẳng lẽ tác phẩm ra hơn một năm rồi vẫn chưa được dịch? Biết đâu được, cuốn "Innocence perdue" của Neil Sheehan hay như vậy, được giải Pulitzer, mà rồi phải mầy năm, nếu Tú Sụn nhớ không lầm, đến tháng 5 năm ngoái, bản dịch tiếng Pháp mới được phát hành, gần như cùng lúc với bản dịch tiếng Việt. Nhưng mà cũng bán tín bán nghi, Tú Sụn tôi đọc kỹ cả bài báo. May thay, tác giả bài báo chua thêm cả đầu đề nguyên tác của cuốn tiểu thuyết "Tình yêu nỗi giận" : *El amor en los tiempos del cólera*. Tiếng Tây Ban Nha báo hại, cólera thực ra là hai từ đồng âm : (1) cólera giống cái có nghĩa là **sự giận dữ** (giống tiếng Pháp la colère), (2) cólera giống đực là **bệnh dịch tả** (tiếng Pháp le choléra). Tóm lại, "El amor en los tiempos del cólera" chính là cuốn "Tình yêu thời dịch tả" (L'amour aux temps du choléra) chứ chẳng phải tình yêu nỗi giận nỗi lành gì ráo. Chữ tác đánh chữ tộ, tiếng Pháp có câu " traduire, c'est trahir ", (dịch là phản) nay có thể "mắc dịch" là "dịch là...tả".

Nói đùa cho vui, chứ nghĩ cũng tội cho ông bạn dịch giả nói trên. Dịch sai có khi chỉ vì dịch vội, có thể gọi là **dịch sô**, như ca sĩ chạy đi hát sô mỗi tối nhiều nơi vậy. Thật thế, sách báo nước ngoài khan hiếm, báo mới của nước ngoài ở Hà Nội hay Sài Gòn thường thường là do công an biên phòng lấy từ máy bay đem bán những thứ đồ "quốc cầm đổi truy phản động" này cho mày tay "đầu nậu", rồi mày tay này lại cho thuê. Vớ được tờ báo mới, dịch giả thuê một ngày, phải dịch một loạt bài để bán cho các báo, tất nhiên phải dịch nhanh dịch vội, một là để trả cho kịp, hai là phỗng tay trên những dịch giả

khác. Mà đã dịch vội dịch sô thì tất nhiên có ngày dịch...tả.

Tôi cho nhà văn García Márquez vốn có nhiều duyên nợ với Việt Nam. Giải thưởng Nobel văn chương này là một người bạn thủy chung của Việt Nam. Thời chống Mỹ, ông là một trong những trí thức nổi tiếng của châu Mỹ La tinh đã nhiều lần xuống đường ủng hộ Việt Nam. Những năm 1978-90, Việt Nam trở thành mục tiêu của cả một chiến dịch tuyên truyền từ Bắc Kinh tới Washington, Gabriel García Márquez đã đi Việt Nam và viết một loạt bài bênh vực Việt Nam, bênh vực một cách có tình có lý, cái gì sai thì bảo sai, cái gì đúng thì bảo đúng, chứ không phải "bênh vực vì nguyên tắc", bênh lầy được. Ấy vậy mà ở Việt Nam, người ta chỉ biết đến tên ông, chứ trong mây thập niên, chẳng ai được đọc tác phẩm của ông. Picasso thì người ta còn được thấy con chim bồ câu hoà bình, mặc dầu khó có thể coi con chim bồ câu là tác phẩm tiêu biểu nhất của họa sĩ. García Márquez thì chỉ được coi là "bạn đường", chứ tác phẩm của ông thuộc loại "huyền ảo", không đáng được dịch và phát hành trong một nước đã lầy "chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa" làm phương pháp sáng tác chủ yếu (có lẽ vì **chủ mà thành yêu**). Cho đến ngày người ta tạo ra được thuật ngữ "chủ nghĩa hiện thực huyền ảo" (réalisme fantastique) – xem **Từ điển văn học** của Nhà xuất bản Khoa học xã hội, 2 tập, Hà Nội 1983 và 1984 – thì García Márquez mới được "nâng cấp", và mây năm gần đây, tác phẩm của ông mới ra mắt bạn đọc Việt Nam (**Trăm năm cô đơn**, và hình như cả **Mùa thu của trưởng lão**). Tuy nhiên, ông vẫn còn bị nhiều nỗi oan trái. Đầu tiên từ cái tên cúng cơm. Theo lối xưng danh truyền thống của châu Mỹ Latinh, Gabriel là tên (prénom) của nhà văn, García Márquez là họ (kép), cũng như García Lorca là họ kép của nhà thơ Tây Ban Nha mà tên cúng cơm là Federico. Ấy vậy mà **Từ điển văn học** xếp nhà thơ Federico García Lorca vào vần G (Gacxia Lorca), còn García Márquez lại đưa xuống vần M (Mackex), khác gì Đặng-Trần Côn xếp vần T, Tư-Mã Thiên xếp vần M.

Lại nói về "Tình yêu thời dịch tả". Cho đến ngày nay, tác phẩm này vẫn chưa đến tay độc giả Việt Nam, mặc dầu nó đã được dịch và in xong. Mầy ngàn bản dịch nằm ở nhà in, rồi bị thủ tiêu, vì quan chức "tư tưởng văn hoá" cho rằng "Tình yêu thời dịch tả" là một tác phẩm "khiêu dâm đồi trụy". Cẩn thận hơn, các vị quan chức còn cầm báo chí nói tới việc này. Không rõ đây là một "bí mật quốc gia", tiết lộ ra sẽ "phương hại an ninh", đáng bở tù như Dương Thu Hương, hay chỉ vì ngại việc này đèn tai Gabriel García Márquez. Có thể lầm, GGM biết được chuyện này, chắc ông sẽ viết một tác phẩm mới, "El amor de la cólera" : Tình yêu nỗi giận.

Tú Sụn

(1) số 13, ngày 27-3-1990

# Tưởng niệm LƯU TRỌNG LƯ và HỒ DZẾNH

Trong tháng 8.1991, làng thơ Việt Nam đã chịu hai cái tang lớn : nhà thơ Lưu Trọng Lư mất ngày 10, nhà thơ Hồ Dzénh mất ngày 13 cùng tại Hà Nội.

Lưu Trọng Lư sinh ngày 19 tháng 6 năm 1912 tại làng Cao Lao Hạ, huyện Bố Trạch, Quảng Bình, trong một gia đình nho học, thân sinh đậu cử nhân, làm tri huyện, mẹ mất sớm. Lưu Trọng Lư học trung học tại Huế rồi ra Hà Nội, rồi bỏ học viết báo, làm thơ, dạy học. Ông là một trong những người khởi xướng phong trào thơ mới, bằng những bài báo, buổi diễn thuyết và sáng tác. Tập sách đầu tay in 1933, *Người sơn nhàn*, là một tập truyện ngắn có kèm mười bài thơ và một bài tham luận cổ vũ cho thơ mới. Những tác phẩm văn xuôi như *Khối lam chiều* (1936), *Huyền không động* (1937)... không có gì đặc sắc. Cuốn *Chiếc cảng xanh* (1941), tiểu thuyết bị đánh giá thấp thời đó, là một hồi ký hay, đánh dấu một thời đại.

Lưu Trọng Lư nổi tiếng với tập thơ *Tiếng thu* in 1939, gồm nhiều bài đặc sắc đạt dào tình cảm và gần gũi với sự thường ngoạn lúc đó. Nhiều bài hay lại được Hoài Thanh Hoài Chân và Vũ Ngọc Phan trích dẫn trong các sách phê bình, hay được phổ nhạc (Phạm Duy, Nguyễn Hiền, Phạm Đình Chương...) nên nhiều người biết.

Lưu Trọng Lư hăng say tham gia Cách mạng tháng 8. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp ông hoạt động ở Liên khu IV, có vài bài thơ năm chục được phổ biến như *Tiếng hát thanh niên* (1949), *Ngò cải đom hoa* (1951). Sau 1954 ông về Hà Nội, làm việc tại các cơ quan văn nghệ trung ương, quyền vụ trưởng Vụ nghệ thuật, tổng thư ký Hội nghệ sĩ sân khấu, làm thơ, viết văn, viết kịch. Mấy bài thơ *Tâm sự đời bờ*, *Sóng vỗ cửa Tùng* (1958) nổi tiếng nhưng không đặc sắc. Ba tập thơ *Toả sáng đời bờ* (1959), *Người con gái sông Gianh* (1966), *Từ đất này* (1971) cũng vậy. Sau 1975 ông vẫn làm thơ, đôi bài đọc được.

Năm 1987, nhà xuất bản Văn Học có cho in *Tuyển tập Lưu Trọng Lư* với nhiều thiếu sót và một bài tựa dở. Bài *Trăng lên*, nhiều người biết, là một trong những bài toàn bích của Lưu Trọng Lư, không có trong *Tuyển tập*.

Vùng trăng lên mái tóc mây

Một hồn thu tạnh mơ say hương nồng

Mắt em là một dòng sông

Thuyền ta bơi lặng trong dòng mắt em

Bài Say đăng trên Hà Nội tân văn số 13 ngày 9.4.1940 được truyền tụng nhờ Vũ Ngọc Phan trích dẫn trong *Nhà văn hiện đại*:

Ước gì ta có ngựa say

Con sông bên ấy bên này của ta

Trời cao, bến lặng, bờ xa...

Lao dao gió say, la đà dặm trăng.

Một mai bên quán lại ngừng,

Quẩy theo với rượu một vùng gai nhán.

Ta say, ngựa cũng tần ngắn,  
Trời cao xuống thấp, núi gần lèn xa.  
Vào đến Tuyển tập, nó hoá thân như sau :  
Ước gì ta có ngựa say  
Con sông bên, ấy bên này của ta  
Ta say, ngựa cũng la đà,  
Trời cao xuống thấp, núi xa lại gần  
Ta say ngựa cũng tần ngắn  
Trên lung ta quẩy một vùng gai nhán.

Suốt quãng đời đi theo cách mạng, Lưu Trọng Lư không làm được bài thơ nào thật hay, có thể là do tặng viết của ông. Nhưng một bài thơ đã hay, đã được nhiều người thuộc từ nửa thế kỷ nay, đang hay lại biến thành dở, thì chỉ có thể quy trách nhiệm vào một chế độ đã can thiệp thô bạo vào sinh hoạt văn nghệ và thẩm mỹ.

Hồ Dzénh, nhà thơ Minh hương, tên thật là Hà Triệu Anh. Hồ Dzénh là hai chữ Hà Anh đọc theo giọng Quảng Đông. Ông sinh năm 1916 tại làng Đông Bích, huyện Quảng Xương, Thanh Hoá, thân phụ là người Trung Quốc lưu lạc sang Việt Nam cuối thế kỷ XIX, gặp mẹ ông là một cô lái đò trên sông Ghép, tỉnh Thanh Hoá. Cuộc tình duyên này do ông kể lại trong tập truyện ngắn *Chân trời cũ* (1940).

Hồ Dzénh học trường Thùa sai tại Thanh Hoá rồi ra Hà Nội học tiếp bậc trung học, có thơ và truyện đăng báo từ 1937. *Chân trời cũ* là một tập truyện ngắn có tính cách hồi ký, trong sáng và cảm động. Ông còn có cuốn *Một truyện tình mươi lăm năm về trước* (1942) ký tên Lưu Thị Hạnh. *Quê ngoại* (1943) là một tập thơ hay, mang nhiều tình cảm tế nhị và đậm đà màu sắc quê hương - quê ngoại.

Giai đoạn Cách mạng tháng Tám, ông có làm thơ chính trị, trong tập *Hoa xuân đất Việt* (1946) nhưng không hay. Ông theo kháng chiến, về Thanh Hoá, cưới một nữ cán bộ; cô này mất sớm, để lại một đứa con trai bốn tháng (1950). Năm 1953 ông về Hà Nội, tục huyền với một cô cán bộ khác. Suốt thời kỳ này, Hồ Dzénh ít làm thơ, chỉ có dăm ba bài đăng báo. Ông sống âm thầm giữa Hà Nội, làm thơ đúc thép rồi thợ cơ khí ở nhà máy xe lửa Gia Lâm.

Năm 1988, nhà xuất bản Văn Học cho in *Tuyển tập Hồ Dzénh*, có bài tựa của Vũ Quần Phương chí tình. Nhờ đó mà ở miền Bắc có người biết đến, còn người nhớ lại Hồ Dzénh.

Chúng tôi trích đăng dưới đây bài thơ của Hồ Dzénh không thấy trong *Tuyển tập*, trừ hai câu đầu mượn lại từ bài *Mùa thu năm ngoại* trong *Quê ngoại*. Bài thơ để tặng Phương Hương, dường như là một Việt kiều tại Pháp :

Sáng nay mùa thu

Trời không nắng cũng không mưa,

Chỉ hiu hiu gió cho vừa nhớ nhung.

Em còn nhớ đến quê không

Bãi dâu vẫn đợi, con sông vẫn chờ.

Bâng khuâng câu chuyện tình cờ

Không mong nêu hẹn, không ngờ thành thân.

Rất xa bỗng hoá rất gần

Dù chưa gặp mặt một lần, lạ chưa !

Sáng nay Hà Nội giao mùa

Hồ Thu. Tóc liễu. Tháp Rùa lung linh.

Nước non đây nghĩa đây tình

Đọc thơ em sẽ thấy mình trong thơ.

Hồ Dzênh

## Quả táo

Quả táo chị cho ngày trước  
Em ăn nhớ đến bấy giờ,  
Táo của quê ta ngọt lịm  
Đậm đà hương vị xưa.

Có phải chị người Hợp Phố  
Lấy chồng gốc Quảng Châu Loan  
Tết bím cài hoa thuở nhỏ  
Tung tăng chạy khắp xóm làng ?

Rồi chị theo chồng xa xứ  
Đâu không hiểu tiếng mẹ chồng  
Nước mắt thay vào ngôn ngữ  
Thương quê dấu tận đáy lòng.

Đất nước Việt Nam nghèo khổ  
Nhưng lòng đất Việt bao la  
Chị thích nghi dần cảnh ngộ  
Người dân nỗi nhớ Trung Hoa.

Ôi chị hai phen kỳ diệu  
Tiến con liệt sĩ hai lần  
Góp với cuộc đời xương máu  
Chia phần nước mắt, gian truân.

Cứ tưởng chị nằm yên giấc  
Ngàn thu .. giấc ngủ nào yên !  
Bom đạn gầm rung thưức đất  
Xé đôi, xé triệu con tim.

Quả táo chị cho ngày trước  
Em ăn nhớ đến bấy giờ.  
Quà buổi hồi môn của chị  
Thuở còn son ngó đào tơ

Chị ạ, bao giờ quả táo  
Hoàn nguyên hương vị thơm tho  
Em sẽ đặt lên khán chị  
- Chị ơi, quả táo ngày xưa.

Di cảo, Tháng 3.1989  
(Văn Nghệ số 35, 31.8.1991)

Trong *Tuyển tập Hồ Dzênh* có bài *Rủ em đi chợ Đồng Xuân* để tặng Hồng Phúc, là người bạn gái thuở hoa niên. Hai người biết nhau thời ở Thanh Hoá. Nàng ở phố Hàng Thao, sau lấy chồng Pháp, về Pháp.

Những dòng tưởng niệm Hồ Dzênh này, mong được đến tay hai người ấy.

D.T.

14.10.1991

## Thân cây...

(tiếp theo trang 12)

+ Đó tóm lại là vấn đề gia tốc phát triển để bắt kịp thời gian phí phạm.

Khu rừng còn mênh mông. Rõ ràng ba thân cây không thể che khuất khu rừng.

30.8.91

Lâm Võ Hoàng  
(Tuổi Trẻ, 31.8.91)

(1) Trung tuần tháng 10 tại Bangkok, trong khuôn khổ cuộc họp của Ngân hàng Thế giới và Quỹ tiền tệ quốc tế (FMI), ông Cao Sỹ Kiêm, thống đốc Ngân hàng Nhà nước, tuyên bố Việt Nam quyết định sẽ bãi bỏ lãi suất âm dành cho các xí nghiệp quốc doanh và sẽ thực hiện bình đẳng giữa các xí nghiệp (chú thích của Diễn Đàn, theo các hãng UPI và Reuter)

## Emanuel

(tiếp theo trang 17)

Những cô gái làm nô tỳ cho các nhà máy địa phương thì lại càng khổ. Đến phiến mua đường, mua thịt cũng chẳng nhận được thường xuyên. Thế thì lấy gì mà ăn. Phải đành chịu mua với giá cao. Vậy là cẩn tiền — tức là cái kia cũng phải làm tích cực hơn. Ở thị trấn Noghin các cô bé Việt Nam phục vụ cho đội ngũ chiến sĩ Lực lượng vũ trang Liên Xô anh dũng. Quân đội thì giá ưu tiên — năm rúp thôi. Và đặc biệt là các sinh viên trường Lomonoxov đến đây thực tập quân sự ngắn hạn là thuận lợi nhất ! Dù là sĩ quan phụ trách nghiêm cấm nhưng các chiến sĩ vẫn thường xuyên "vượt ngũ" để chạy đi củng cố quan hệ với nước anh em.

— Em rất muốn có gia đình, có con... — Emanuel tâm sự — nhưng mà...

Và tiếp theo là nước mắt. Lúc đó tôi chưa hiểu. Nhưng sau này, sau lần nói chuyện với một sinh viên Việt Nam tôi mới được biết là công dân Việt Nam sang Liên Xô lao động không được lập gia đình và đẻ con, có mang là bị đưa về.

Biết nói gì đây. Dĩ nhiên là phía Việt Nam người ta đặt ra luật lệ ràng buộc công dân của họ sinh sống ở nước ngoài. Thế còn công dân của ta, từng đâm xán lại chung quanh các ống Việt Nam... Lê nào chỉ riêng Liên Xô mới là đối tượng đặc biệt đáng tin cậy trong lĩnh vực này ?

# võ phiến diệu nhạc thăm và truyện thật ngắn

Tác phẩm mới nhất của Võ Phiến *Truyện thật ngắn*<sup>1</sup> có tựa đề thoát tiền, có vẻ là một lối chơi chữ, một thoảng nghịch ngợm mà ta thường thấy ở nhiều tác giả tên tuổi, đặc biệt ở Võ Phiến. Đã có nhiều sách mang tên “truyện ngắn” hay “Truyện Ngắn”, nhưng dường như chưa có cuốn nào là *Truyện thật ngắn*. Gọi như thế cho nôm na, lại khỏi trùng lắp, như ở nồng thôn ngày xưa người ta đặt tên con kỳ quặc để tránh phạm tên các bậc tiền bối hay trưởng thượng. Chưa kể, chính Võ Phiến cũng đã cho in hai tập *Truyện ngắn* trong toàn tập tác phẩm<sup>2</sup>.

Thứ đến, *Truyện thật ngắn* quả có ngắn thật. Mỗi truyện đầu chỉ độ dăm sáu trang khổ nhỏ in chữ lớn; về sau, truyện dài ra, có khi tới mươi lăm trang, đến độ tác giả phát hoảng, vội vội vàng vàng “kính mong lượng thứ” — lại là một cách nghịch ngợm khác. *Truyện thật ngắn* được in sau 19 tác phẩm viết trong nước và 5 tác phẩm viết ở nước ngoài từ 1975. Từ *Lại thư gửi bạn* (1979) đến nay, bên cạnh cuốn *Văn học miền Nam* (1987) là sách khảo luận, thì Võ Phiến không xuất bản sáng tác mới, mà *Truyện thật ngắn* lại được viết rất nhanh trong hai tháng, từ tháng 5 đến tháng 7 năm 1991. Dù viết nhanh, *Truyện thật ngắn* nhất định phải được tích luỹ từ lâu nên rất hàm súc, sắc bén và thi vị, tổng hợp được mọi hương sắc trong nghệ thuật Võ Phiến.



Mười hai truyện thật ngắn kể lại một vài kỷ niệm tăm thường, những cảnh những người bắt gặp ở quê nhà, nỗi dài ra nước ngoài. Mỗi truyện, trong lối viết thăm trầm của Võ Phiến, đều có giá trị nghệ thuật và nhân đạo cao, và tự tại. Mỗi truyện là một hứng thú của người viết, một lạc thú cho người đọc, nhưng mười hai truyện kết hợp lại thành một chuỗi cườm nhất quán, được cấu trúc chặt chẽ và hài hoà, gián tiếp nói lên kinh nghiệm sáng tạo của nhà văn, dưới nhiều khía cạnh: tương quan giữa tác giả và tác phẩm, với nhân vật, với đạo lý, dư luận, và ngoại cảnh. Kinh nghiệm thì bao giờ cũng riêng tư, nhưng trong *Truyện thật ngắn* — dù được gói ghém kín đáo và từ tốn — đã vươn lên mức điển hình. Có lẽ nhờ lối ẩn dụ mà sự điển hình có tầm khái quát sâu hơn, rộng hơn, vì mông lung hơn những hồi ký sáng tác có tính cách lý thuyết, từ Nhất Linh đến Nguyễn Hồng, Tô Hoài...

Võ Phiến là một nhà văn cần kiệm, một đức tính hiếm hoi ngày nay. Làm nghề văn chương, đã cần thì khó kiêm. Viết nhiều ắt phải lâm lời, thậm chí nhiều điều; Võ Phiến rộng rãi trong lời nói — có người cho là dài dòng — hào phóng trong ý

tưởng, mà lại kiệm ước chi li trong tâm sự, trong kinh nghiệm sáng tác.

Với độc giả, Võ Phiến vừa gần mà lại vừa xa. Vì gần, ông được nhiều người yêu mến; vì xa, ông được cảm nhận không đúng mà cũng không sai. Chính điều này đưa tới nỗi cô đơn của người cầm bút và những nét buồn bã thoáng gấp trong *Truyện thật ngắn*.



Bài này chủ tâm nhấn mạnh vào một nét khu biệt trong *Truyện thật ngắn*, là tâm sự nhà văn trong sáng tác.

Trong truyện đầu tiên *Cô áo đen*, người kể truyện — tạm gọi là tác giả — gợi lại cuộc gặp gỡ ngắn ngủi, trong phòng đợi một bệnh viện, với một cô gái xa lạ. Ngay từ phút đầu tiên, anh đã cảm nhận tia mắt của tình yêu song phương « *Bước vào phòng, đầu tiên mắt phóng dung vào khuôn mặt cô ta. Cô ta nghe có người vào quay nhìn, tia mắt hướng dung vào mặt chàng*. Không ai có dấu hiệu bối rối. Nàng “tự nhiên” nhìn qua chậu cây... chàng “tự nhiên” chọn một chỗ ngồi...

(...) Tóm lại chàng thấy cô ta hoàn toàn hợp với mình. Và điều quan trọng hơn là chàng cảm thấy mình cũng hợp với cô ta. Càng lúc chàng càng biết chắc chắn... Cái tiếng cười lích khích... Cái ánh mắt... cái vỗ tay nghịch ngợm lên đùi con bạn, v.v... chàng biết chắc chắn đều là... của chàng cả. Cô nàng kéo tay con bạn... chàng biết chắc chắn cũng là vì chàng nữa... Ngày ngất không tả được.

Chàng không làm về mình: chàng đã mê tí. Còn cô nàng thì chàng thấy rõ như ban ngày: cũng mê tí. Riêng gì chàng thấy? Một người trong phòng đều biết cả (...) Hai người mê nhau, chiếc ghế dưới mông, cái lá trên cành cây kiểng cũng biết nữa là...

(...) Hơn năm tháng rồi, lâu lâu chàng lại thấy hiện cô gái mặc chiếc áo đen có in hai chữ Boy London (...) Và chàng cảm thấy cực mạnh cái tình yêu đang thành hình mà không kịp thành hình...

Hơn năm tháng rồi, cứ lâu lâu, cô gái Boy London lại hiện về làm xao động chàng không ngờ...

Hơn năm tháng, tình cảm còn nguyên đó, tươi rói » (tr. 12 đến 15).

Tình yêu ở đây dĩ nhiên chỉ xảy ra trong tưởng tượng, nhưng nó thật trong ý thức quả quyết của nhà văn. Tôi cố tình gạch dưới niềm tin chủ quan chắc nich đó: nội dung một tác phẩm là những tình cảm, tư tưởng chủ quan của tác giả; nó có giá trị đến đâu là ở chỗ tác giả rung cảm thành thật đến đâu, và có khả năng

ngôn ngữ đến đâu để biểu hiện. Chuyện thơ văn, hội họa đại khái đều nhu thế.

Một tác phẩm nghệ thuật, trước tiên, là tiếng thầm của tác giả. Anh là độc giả, anh chỉ là người nghe kể, nghe lén. Võ Phiến tể nhị và lẽ độ, không bao giờ nói thế. Ông nói khác : văn chương giống như những đình đám kém để khoe khoang “*Thì cũng như một cách thuê lỗ tai người ta vậy mà, thấy không?*” (tr. 112). Dù phải bỏ tiền ra mua sách, mua báo, anh vẫn chỉ là người nghe kể, và cần biết giới hạn thẩm quyền — về luận lý và luân lý — ở mức đó. Dù sau này anh có gán cho văn nghệ một thiên chức cao cả nào đi nữa, thì anh vẫn nhón gót trên nấc thang của người ngoại cuộc. Khi kể lại *Một buổi sáng giữa đồng*, và “*cái hôn phẫn nào hoang dại...những cái hôn tiền sử*” đã bám sâu vào ký ức, người kể thắc mắc :

“*Lẽ nào sau bao nhiêu đâu bể động trời, nào cách mạng, nào kháng chiến, sau hàng triệu mạng người, hàng triệu tấn bom, lại có thể sục sạo vạch tìm dấu vết một khoảnh khắc còn con của một buổi mai giữa cánh đồng vô danh...*”

Ngoài ra còn có lý do khác không nên kể : là câu chuyện một khoảnh khắc nợ trong nhận thức của tôi có giá trị ra sao ?” (tr.106)

Nghệ thuật làm bằng những “*lý do không nên kể*”. Ngược lại, những lý do nên kể thì lịch sử đã kể rồi, kể đi kể lại, bắt người ta nghe, bắt người ta học, đôi khi vừa kể vừa xà xói, tra tấn, hành hạ và hành quyết. Còn văn chương “*là một buổi mai giữa cánh đồng vô danh*” — hoặc *một buổi trưa nhẹ nhàng trong ca dao*. Đại khái.



“*Mỗi tuổi già là một lời tự thú*”. Malraux đã trầm tư như thế trong *La condition humaine*. “*Ngày xưa tôi có lần kể cuộc phiêu lưu của một người không nhận ra giọng nói của mình vừa được ghi âm, vì anh ta nghe lần đầu qua lỗ tai chứ không phải qua cổ họng : và, vì chỉ cổ họng mới chuyển đến chúng ta giọng nói từ nội giới, tôi gọi cuốn sách ấy là *Thân phận làm người**”. Malraux giải thích như vậy về sau này, trong *Les voix du silence — Tiếng nói của im lặng*. Niềm hoang mang siêu hình của nhân vật Malraux hay nỗi hân hoan đón đợi tình yêu trong *Truyện thật ngắn* đều là cách tiếp cận cuộc sống chủ quan trong mỗi ý thức cá nhân, qua giọng nói trong cổ họng. Nhân vật của Nhất Linh cũng có lần lắng nghe tiếng mình nói, khi mở đầu *Đối bạn* :

“ — Trời muốn trở rét...

Nói xong và nghe tiếng mình nói, Trúc nhớ lại rằng câu ấy chàng đã thoát ra nhiều lần, năm nào cũng vậy. Sự rung động êm ái và hiu hắt buồn trước con gió lạnh đầu tiên khiến vẻ mặt Trúc trở nên dịu dàng, và thoảng trong một giây chàng sống lại hết cả những ngày mới trở rét trong đời.

Ở ngoài, như ý mong ước của Trúc, trời bỗng nắng to...

Tuy đã cuối tháng chín, nhưng đối với Trúc cứ lúc nào trời đổi gió heo may mới thực là lúc bắt đầu mùa thu”.

Tác phẩm văn nghệ bắt nguồn từ một tiếng thầm. Mùa thu trong *Đối bạn* là tâm cảnh của Trúc, của Nhất Linh, một tiếp xúc chủ quan với cuộc sống. Chính Nhất Linh đã tâm sự trong lời tựa : “*Để qua cái phút trống rỗng không tránh được lúc bắt đầu viết, theo thói quen tôi viết liều một câu, bắt cứ câu gì vụt hiện ra trong trí*”:

— Trời muốn trở rét..

*Rồi tôi ngồi yên lặng tự bắt buộc phải nhớ lại, gần như sống hàn lại, cái thời kỳ....*”

“ — *Trời muốn trở rét...*”, cái câu viết liều ấy chính là tiếng thầm trong cổ họng Nhất Linh. Trong *Cô áo đen*, Võ Phiến đẩy sự chủ quan xa hơn, để tạo ra biểu tượng. Để bắt gặp tiếng nói âm trầm trong cổ họng, ta cần lắng nghe điệu nhạc thầm trong câu văn, trong cấu trúc ngữ âm của nó, trong đoạn trích ở trên : “*Hơn năm tháng rồi, lâu lâu chàng lại thấy... Hơn năm tháng rồi, cứ lâu lâu... Hơn năm tháng...*”

Và đây là những tiết điệu khởi dòng cho khúc nhạc thầm *Cô áo đen* :

“*Hôm đó, giữa trưa, chàng đang ngồi thẩn thờ nhìn ra vườn thì chợt thấy trên cỏ có những con bọ trắng nhảy tung tung. Ban đầu ít, thưa thớt. Thoắt cái, bọ ở đâu vụt ào tới, nhảy tung bùng. Lát sau mới biết là mưa dâ...*” Chúng ta cần đọc cao giọng, đọc đọc đi đọc lại cho nhập tâm câu văn chuyển hoá, biến nhịp điệu thành khúc nhạc thầm của nội tâm, nhiên hậu mới nghe thấy con đắm say tư lụy của tác giả trong một thực tại sống thành ảo giác. Vì vậy đến cuối truyện, ngôn ngữ chỉ còn vọng lại những âm hao, mơ hồ, xa vắng, như một lời kinh “*Ái bất dị không, không bất dị ái...* Yết đế yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế” . Khúc nhạc thầm ngân lên, loang ra, loãng đi, lắng xuống, sâu dần, tắt ngấm. Im lặng bỗng trở thành hình sắc, nở ra, tràn đầy. Nghệ thuật là phút ái ân lơ lửng giữa đầy vời, mộng thực. *Ái tức thị không không tức thị ái*.



*Cô áo đen* không tuối, không tên, dĩ nhiên là không quá khứ, không tương lai. Gặp nhau tại chốn vô danh, gọi tắt là phòng A. Đặc biệt là vô chủng tộc : “*Cô nàng không phải dân da trắng*”. Chỉ có “*da cô trắng như sáp, như ngà*”, “*vóc người hơi cao lớn hơn vóc trung bình của gái Việt Nam, nhưng hoàn toàn hợp với chàng*”. Nàng chỉ xuất hiện trong giây phút mà tạo ra “*cái tình túc tưởi (...) như trái tim vua Lê Chiêu Thống không chịu tan rã, cứ đờ hoài dưới mộ. Kỳ cục*” (tr.12-13). Tác phẩm văn nghệ bao giờ cũng dựa vào một bối cảnh, nhưng cốt lõi của văn nghệ là phi địa lý, phi lịch sử, phi xã hội, là khơi u uẩn trầm tích trong người sáng tác.

Truyện thứ hai tả một người bạn cũ, quen biết sơ giao tại Sài Gòn, 1986 gặp lại tại Mỹ. Cuộc sống già nua, lạc lõng, thừa thãi đưa con người đến chỗ hời hợt phù phiếm. Liệu văn chương có *Làm một cái gì nổi chăng*? Truyện mang nặng tâm tình tác giả hơn là kinh nghiệm. Truyện thứ ba, *Bố khỉ*, là mối tương quan giữa nhà văn và nhân vật mình hư cấu nên, nhưng dần dần trở thành một ám ảnh hiện ra bằng xương bằng thịt. Trong một chừng mực nào đó, nhân vật tiểu thuyết thực hơn người thực chung quanh chúng ta. Truyện *Em đây* liên hệ người viết với đề tài : «*Khi thì một từ thơ, khi thì một cốt truyện, khi thì một ý kiến, một mẩu tư tưởng, một đề tài khảo luận...Chúng ở đâu này ra bất ngờ... Một khi đã xuất hiện, chúng nó cứ đeo lấy ông. “Em đây. Em đây”*». Chúng nó bám riết lấy ông, leo nhéo quấy quái hăm mấy năm trời rồi ». Nhà văn Trần Sơn nhận thức được rằng những lao động cẩn mẫn gian nan, những tâm huyết của văn học rồi cũng phù du : “*Để làm gì vậy? Vài ba chục năm sau còn có ai xem sách nữa không? Có còn cái gọi là văn chương nữa không?*” (tr. 34). Nghe qua thì thấy bi quan, mà có lẽ sự thật còn phũ phàng hơn. Nói gì đến “vài ba chục năm sau”, ngay từ

bây giờ, còn mấy người đọc văn chương ? họ đọc cái gì, đọc ra sao, đọc để làm gì ? Cứ nhìn vào những “bạn đọc”, “văn hữu”, bằng hữu chung quanh, ngay từ bây giờ là đã ngán ngẩm. Viết là cần rằng mà viết, vậy thôi, đừng chờ đợi gì ở đọc giả. Ông viết, mà người ta tha cho ông là may, là mừng khủm, là “*ông viết hoài, viết hoài. Mái tóc ông... Biết đến bao giờ*” (tr. 34). Viết hoài, là viết mãi ; là viết để hoài cố, viết để hoài công. Truyện *Đem đếm* mô tả đời sống hằng ngày của nhà văn, tương quan với thực tế, bạn bè, nhà cửa vợ con, “*hai đứa ngôn ngữ hai kiểu khác nhau*” (tr. 42) ; trong nhà có cái vòi trật tự khơi cảm hứng sáng tạo, có cái trật tự làm con người lanh cảm, tê liệt, “*lạc hướng*”. Trong *Tôi nhiều đứa*, mỗi nhà văn có khả năng đa hoà nhân cách mình, dự phóng thành nhiều kiếp sống khác nhau, có khi mâu thuẫn và đối nghịch. Nguyễn Du là Thúy Kiều, Từ Hải, mà cũng là Tú Bà, Sở Khanh, mà vẫn là không phải. Mỗi tác giả là những mảnh vụn của nhân loại ; và chấp vá những mảnh vụn ấy làm thành tác phẩm. Truyện thứ bảy, *Thẳng bế* nói về ảnh hưởng của tuổi thơ trong tác phẩm. Chúng ta đều biết thế giới Võ Phiến rất ít trẻ con, vì trong bản thân Võ Phiến đã có một cậu bé không kịp lớn. Những đoạn văn hay của Võ Phiến từ trước tới nay, thường là những hoài niệm :

“ *Ở, tiếng cu gáy... hối nhớ... ngày còn ở với ngoại... Tiếng cu gáy bao giờ cũng nhắc nhở, cũng gợi lại thời xưa, kỷ niệm cũ. Dù nó ở gần — ngay ở chỗ cuối vườn đây thôi — nó vẫn u hoài, vẫn hướng về cái xa, về dĩ vãng. Con chim cu, nó nên là con chim vô hình. Nó nên có tiếng mà không có hình. Nó không nên ở đâu mà ở mọi nơi, không ở thời nào mà ở mọi thời, vô định* ” (tr.60). Chiến tranh, lịch sử và đời sống tân tiến đã bứt chúng ta ra khỏi tuổi thơ ; ngay ở quê nhà đã vậy. Huống hồ là khi lệnh đênh trôi giạt ở nước ngoài. Tuổi thơ là một chủ đề thường xuyên trong tác phẩm Võ Phiến, và bây giờ, ông đau đớn ghi nhận :

“ *Thành thật mà nói, từ lâu moa không nghĩ tới, không nhớ gì về tuổi thơ. Nhất là thơ mộng. Sau bao nhiêu biến đổi trong đời, moa (và cả toa, tất cả chúng ta) xa cách tuổi thơ hơn một kiếp luân hồi. Giữa chúng ta bây giờ với thời thơ ấu cơ hồ không có chút liên hệ gì (giữa kiếp này và kiếp trước còn có liên hệ nhân quả). Những hoa với mộng, nghe quái đản, không hiểu nổi nữa* ” (tr. 61). Con người lưu lạc ngay trên quê hương, trong nếp sống, nếp suy nghĩ ; và ở hải ngoại, thảm kịch càng thê thiết hơn, nhất là ở nhà văn mà quá khứ là một phương tiện, chất liệu sáng tác. Ba truyện tiếp theo, *Thực chất, Con chim, Bạn đời* diễn tả thế giới riêng tư, thăm kín của nhà văn, từ những khát vọng nhỏ nhen đến những phân tích tinh tế : tác phẩm, trong chừng mực nào đó là phần nhân cách mà tác giả che giấu, né tránh, hay không muốn phô bày, hay, tự mình không ý thức, nhưng không nhất thiết phải từ khuất, dồn nén. Do đó, nói đến ẩn ức theo lối phân tâm học thì thô thiển. Ba truyện này nhẹ nhàng, rộng thoáng và tu tưởng tác giả không đậm nét. Võ Phiến dường như muốn dường tâm người đọc và tránh cảm giác luận đè cho nên ở những điểm tâm lý mà ông sở trường phân tích, ông cũng chỉ chấm phá phơn phớt, dành chủ tâm cho hai truyện cuối.

*Buổi sáng giữa đồng* hoài niệm một cuộc tình hồi đầu kháng chiến chống Pháp, ở thôn quê, rạt rào xúc cảm và thi vị, rồi bị cản trở. Tác giả muốn nói lên phần riêng tư của nhà văn sâu lắng trong tác phẩm, *Câu chuyện một khoảnh khắc*, đã nói ở trên. Truyện cuối, *Ông Năm Chéo*, mang luận đề rõ rệt : giá trị đạo lý, xã hội của tác phẩm. Ông Năm Chéo tên thật là Chiểu đọc trại — Nguyễn Đình Chiểu, là ông già mù mà người kể

chuyện thường gặp tại một quán nước Chợ Lớn. Vì tuổi tác và mù loà, ông sống trung thành với đạo đức cổ : trai thời trung hiếu, gái thời tiết hạnh, và cho rằng “*dời xưa hơn dời bây giờ*”. Như ông Năm Chuột của Phan Khôi, ông Năm Chéo ném vào tâm địa con người những phê phán sắc cạnh làm xốn xang người nghe. Từ đó tác giả suy nghĩ về những giá trị đạo lý xoay chiều theo cuộc sống. “*Đáng tiếc, hồi đó tôi hậm hực với ông làm chi. Bây giờ tôi đang sống lạc thời thế, lạc hoàn cảnh, sống hoàn toàn lạc lõng*”.

Nghĩ cho cùng, ngay cả trước kia, trước xa, thật xa, tôi đã là kẻ thua thiệt, so với ông Năm Chéo. Có đáng gì mà nghinh với ông ! Ông Năm, kể từ ông Năm về trước, sống ở đời không phải mất công chọn lựa : cứ trung hiếu tiết nghĩa tiến thẳng một đường. Về sau, khi đời này không bằng đời xưa nữa thì sự sống bắt đầu vất vả : mỗi một bước đường một chọn lựa, một bối rối (...) Về sau mỗi người có trăm cách chọn so với cơ hội chọn đúng ” (tr.122-123). Từ đó Võ Phiến đã ngậm ngùi cho rằng “*văn nghệ nó cũng lơ quơ như chiếc roi của người mù. Không biết nên hướng về đâu, không biết kết thúc thế nào. Nhiều cái do dự, khốn khổ ra mặt*” (câu chót).



Trong *Truyện thật ngắn* lối mỉa mai như vậy dù cay đắng vẫn dịu dàng, không mấy khi cay độc, như là tác giả đã xa rời trần lụy, dang tự tình từ một thế giới khác. Tác phẩm dù rất ngắn cũng có tầm quan trọng đặc biệt : một mặt nó trung trung mới lạ — khả năng làm mới tài năng mình ở các tác giả Việt Nam không nhiều lắm đâu, nhất là ở địa vị và hoàn cảnh Võ Phiến. Mặt khác nó vẫn tổng hợp được những giá trị hằng hưu của tác giả về mặt tư tưởng lẫn nghệ thuật. Cuối cùng qua *Truyện thật ngắn*, Võ Phiến đã có những đóng góp quý giá vào những suy nghĩ về văn học của Việt Nam, vốn nghèo nàn, nồng cạn và đơn điệu.

Người đọc có thể không cần chú ý đến những ý tưởng về thẩm mỹ này, đọc chỉ để mua vui, vẫn có thể thích thú khi đọc *Truyện thật ngắn* vì lối hành văn linh động, khi thân mật, khi kiêu cách, lúc nào cũng tinh vi, như khi tả những tiếng guốc trong ký ức :

“ *Guốc có tiếng guốc do dự, có tiếng guốc sấn sướt hăm hở, có tiếng guốc nghịch ngợm lúu túu nhanh nhẩu, có tiếng guốc ngắn ngại dò la, có cả những tiếng guốc của yêu đương : tiếng guốc đầy tình cảm dịu dàng... Tôi lắng tai bắt từ không gian những tín hiệu âm thanh tràn đầy xúc động* ”.

Chúng ta cầu mong thật nhiều người, trong và ngoài nước bắt được những tín hiệu của Võ Phiến qua *Truyện thật ngắn*.

ĐẶNG TIẾN

20.10.1991

ngày sinh nhật bạn hiền

<sup>1</sup> *Truyện thật ngắn*, Nhà xuất bản Văn Nghệ, 10881 Oak Street, STANTON CA 90680, Hoa Kỳ 1991, 123 trang ; 6 US\$, có bán tại một số hiệu sách Paris.

<sup>2</sup> Nhà xuất bản Văn Nghệ, California, nt.

# CỦA THIỀN ĐƯỜNG CHẤT HẸP

TRUYỆN NGẮN

Khi đội hình từ từ diễu qua cái khán đài tạm bợ dựng vội sát cửa biên giới và các chàng lính trẻ sống trong cảm giác tột đỉnh vinh quang thì Sơn nghĩ rồi đây nhất định mình phải học tập để trở thành nhà thơ. Anh cho là chỉ có thơ ca mới diễn tả được tận cùng những dục vọng và sự ngây thơ của con người. Chưa bao giờ anh cảm nhận sâu sắc đến thế cái đẹp của cuộc sống và nỗi kinh hoàng không bày tỏ được một sự kết thúc. Những chiếc áo dài trắng và pháo bông rực rỡ cùng hoa tươi như bay lên choàng lẩy người trở về. Nhưng sau này khi hồi tưởng lại cái phút hiếm hoi đầy sung sướng ấy, anh chỉ nhớ thoang thoảng một thân hình con gái mảnh dẻ bên đường với ánh mắt đờ đẫn nhìn hàng quân cuồng nhiệt đi qua. Không có gì chắc chắn nhưng gương mặt calm lặng bắt anh phải nghĩ cô bé ấy không có người thân trở về qua đây.

Đến đó tiếp tục xoáy lên thành đám mây mù dưới bánh đoàn xe khổng lồ. Hàng người xôn xao cuồng nhiệt đột nhiên tắt lặng. Ngay trước mắt họ chiến tranh tưởng đã lùi sâu rất xa bỗng nhiên bảy ra cái nụ cười ghê rợn nhất của mình. Hàng vạn tấm bia trắng xóa, im lặng trong nghĩa trang chói nắng. Lần đầu tiên họ được nhìn tận mắt những gì còn lại của chiến tranh mà bao lần dù cợt hoặc sợ hãi họ nhắc đến nó. Đây là cái nghĩa trang nổi tiếng và duy nhất dành cho những ai không may mắn trong cuộc chiến đấu một mất một còn vừa kết thúc. Nắng tháng chín tấp lửa xuống mặt đất cao nguyên làm cho cảnh vật trở nên dữ dội. Sơn rùng mình. Anh nhìn chăm chăm ba ngôi mộ ngoài cùng tươi hồng màu đất mới. Họ là những người cuối cùng trong cuộc diễm danh rùng rợn. Một trong ba người đó là lính của anh. Một cái chết lâng nhách ! Trong buổi lễ rút quân bên đất K, cậu ta quá hào hứng khi nhoài người dón những vòng hoa từ tay các cô gái. Bị mất đà, cậu bé đã cầm thảng đầu xuống mặt đường và chấn thương sọ não nặng. Ngôi mộ nằm bên phải là của một vị sĩ quan cấp tá đã ở chiến trường đúng mươi năm. Ông thiệt mạng ngay trong ngày kết thúc vì chiếc xe chỉ huy bị lật xuống sông trong lúc dẫn đội hình làm lễ. Những sự tình cờ quá khắc nghiệt. Sơn nghiêm trang ngắm nhìn các sĩ quan đặt vòng hoa lên mộ. Anh nghe nơi bả vai phải đội lên một cơn đau nhói, âm ỉ. Gần một năm trở lại đây, nó thường xuất hiện lúc anh xúc động, kèm theo cảm giác bị bóp thắt cổ tim. Anh không muốn tin cái cơ thể khoẻ mạnh của mình lại chứa đựng một trái tim ốm yếu đến thế. Nhưng cơn đau càng rõ hơn và dần dập đến mức không nghi ngờ gì nữa. Sơn đứng dậy nghển cổ nhìn sâu vào bên trong nghĩa trang. Anh cảm thấy bồi hồi khi nghĩ rằng nếu bước xuống xe anh sẽ lần lượt gặp lại những bạn bè đã chết.

Lướt mắt trên những tấm bia chạy thoáng qua, Sơn băng khuông nghĩ không biết tiểu đoàn một ngày xưa của mình nằm ở góc nào trong cái màn trăng mènh mông này. Chẹn choạng lê bước trong cái lòng chảo máu ngày ấy anh đã tỉ mỉ gộp nhặt cho bạn bè đủ mỗi người một phần cơ thể. Hai năm sau đó đêm đêm trong những giấc mơ anh vẫn tiếp tục lang thang tìm kiếm đồng đội, vẫn sống trong trạng thái ngơ ngẩn mù lòa nức nở gọi những cái tên không còn ý nghĩa. Và bên trong cái gói ny lông đẽ tên Nguyễn Ngọc Lâm anh không sao kiểm nổi cái chân nào ngắn như của thằng bạn thân. Đành xếp vào đấy một cặp giò dài ngoẵng và lạ hoắc. Hầu như không ai hiểu rành mạch mọi chuyện đã bắt đầu như thế nào. Ngay cả bây giờ lúc đã ngồi trước mặt người thiếu phụ kể cho nàng nghe cái chết của Lâm, chồng nàng, một lần nữa anh sống lại cái cảm giác kinh khủng của kẻ bị săn đuổi. Lạy Chúa ! Không có dấu hiệu gì báo trước con người lầm lì ấy sẽ có một hành động như thế. Người thiếu phụ ngừng khóc và nói với giọng oán hờn :

- Anh ấy học với em từ bé. Anh ấy thích môn lịch sử và luôn nghĩ mình phải lập nên những kỳ tích. Nhưng chẳng lẽ phải trở thành anh hùng bằng mọi giá hay sao ?

Điều đó chưa bao giờ anh suy nghĩ nghiêm túc. Trong trí nhớ của anh lóe lên cái ánh mắt điện đại ngày nào của thằng bạn thân khi cậu ta ra lệnh cho người lính thông tin phải đánh di cái bức điện định mệnh gọi pháo đội thảng vào thung lũng ấy. Chưa bao giờ anh dám nghĩ đến một mảy may cá nhân nào đã chen vào cái hành động được miêu tả chói sáng trên tất cả các trang nhất báo chí thời kỳ đó. Kể cả lúc mười sáu người sống sót tơi tả và dẫm máu được đưa về gặp gỡ các nhà báo. Dù vừa bị thần chết sờ gáy, anh vẫn một mực chân thành ca ngợi người đã chết. Chỉ có điều anh không nói với ai. Anh không muốn đọc bất cứ bài báo nào nói về sự kiện ấy.

- Hai ngày liền chúng tôi lẩn quẩn trong thung lũng, bị một trung đoàn lính Pôn Pốt bám vào tận thắt lưng mà tìa đần. Tiểu đoàn bị phạt quang túng mảng dưới lòn đạn trung Liên và B40. Hầu như rất ít hy vọng tiêu diệt cái bọn quỷ quái ấy. Chúng chiếm được chỗ lợi thế hơn. Sư đoàn đã điện cho rút theo đường khác và tạm thời mặc xác cái bọn quỷ sống đó đã.



Kể cả những người giàu tưởng tượng nhất cũng khó hình dung cái phút những quả đạn pháo đầu tiên rót xuống. Tiểu liên, trung liên, đại liên, B40 của cả hai bên im bặt ngay tức khắc. Gần năm trăm người bị lún pháo 105 ly hất vào nhau lần lượt. Những sinh linh nhỏ bé túm tụm vào nhau, mắt trắng dại kinh hoàng nhìn cái chết. Thịt người và đất đỏ tung lên. Máu, nhựa cây xối tràn mặt đất trộn với cơn mưa đầu mùa thành những vũng lầy tanh lợm.

- Thật ghê tởm ! Mặt người thiêu phụ tái nhợt.

- Chiến tranh bao giờ cũng ghê tởm. Nhưng chiến tranh sẽ không bao giờ chấm dứt. Nó được nuôi sống bằng tham vọng, được ủng hộ bằng sự nhẹ dạ của con người.

- Trời ơi ! Người thiêu phụ rên lên, co rúm lại thật đáng thương. Ồ nàng gọi cho người ta cái ý nghĩ phải che chở, phải dịu dàng. Vậy mà số phận thật không công bằng với người đàn bà xinh đẹp này, đã đặt lên vai nàng một gánh quá nặng nhọc. Một bà quả phụ hai mươi lăm tuổi. Sơn thấy mình tàn nhẫn khi nói với nàng những chuyện ấy. Anh tự nhắc mình phải quên đi bởi nếu cứ nhớ lại tất cả mọi chuyện buồn thì làm sao có thể sống được. Ngay chính anh cũng thấy khó thở khi phải hình dung lại tất cả những gì đã trải qua. Phải một lần nữa sống lại cái cảm giác quắn quại khô cháy của những cuộc hành quân qua rừng khộp bạt ngàn vùng đồng bắc.

Có ở đâu lại lạ lùng như cái xứ sở ấy. Mưa ! Mưa mịt mù đất trời sáu tháng liền. Con người nhợt nhạt. Chân tay bị nước ăn thối khăn khăn. Rồi đến nắng ! Ngồi lách, suối lớn suối nhỏ cạn ráo. Nắng điện người. Cây rừng rũ xuống màu chết chóc. Nhưng mùa khô chính là lúc thuận tiện để tổ chức những trận đánh lớn.

Có một mùa khô đường như khô và nóng bằng tất cả các mùa khác cộng lại. Vào thời điểm ấy diễn ra cuộc giao tranh lớn để đẩy toàn bộ quân khomer đó bật ra khỏi những dãy núi đầy lợi hại dọc biên giới Thái Lan. Tiểu đoàn của anh đã đi qua suốt chiều dài chiến dịch một cách may mắn, thắng lợi, mà tổn thất không đáng kể. Một tuần lễ nữa là kết thúc chiến dịch. Nhiều người đã mơ mộng gấp may có thể xin đi phép, hoặc ít ra được nghỉ ngơi một thời gian. Chỉ đáng tiếc chiến tranh hay có chuyện tình cờ làm đảo lộn những dự định. Sau trận đánh cuối cùng việc tiếp tế của cánh hậu cần bị gián đoạn đột ngột. Không một giọt nước dự trữ ! Lần đầu tiên Sơn nhìn thấy người chết khát thế nào. Mấy thằng bạn cùng nhập ngũ một đợt với anh đã nằm lại. Cái chết đầy tíc tưởi và vô lý đến mức không thể tin được. Hàng trăm con người cứ co quắp, khô cằn đi rồi bắt đầu xé áo quần trong cơn điện loạn. Không ai có thể nghĩ được điều gì khôn ngoan hơn là vứt súng vào bụi rậm và lăn xả vào đó hòng kiểm một bóng mát. Sơn cũng thế. Anh nằm sáu tiếng liền không nhúc nhích, nghe hai tai mình lùng bùng, thái dương bị siết chặt đau đớn. Người anh có cảm giác bị căng mỏng, khô quắt đi như con mực dưới nắng nhiệt đới. Phía trái anh, một cái giọng Quảng Trị không ngọt kêu gào chửi rủa. Hồi lâu kiệt sức hắn bắt đầu khóc lóc rên rỉ như đứa bé bị đòn. Rồi hắn gọi mẹ. Rồi chửi bới trở lại. Mỗi khi Sơn nhận ra rất lâu anh không còn nghe cái giọng nặng trịch ấy nữa bèn gắng gượng quay lại thì gặp ngay một gương mặt đen xạm, méo mó trông rất đau đớn và xa lạ. Anh kêu thét lên, cổ lăn ra vì sợ hãi và người bắt đầu giật bởi tuyệt vọng và căm giận điện cuồng. Anh cũng gào lên, như một con thú dữ cảm thấy cái

chết lớn vồn bên mình : " Cho tôi sống ! Cho tôi sống !!!" Đêm xuống mang theo làn hơi ẩm ướt đưa anh thiếp vào giấc ngủ mệt nhọc. Anh mơ thấy mình là con sên đất bò lết đi tìm cơn mưa. Mà hình như mưa thật. Nước mưa ngọt lịm từng giọt rơi tràn trên mặt, trên cổ anh. Sơn mở bừng mắt. Quanh anh có mấy người đang xúm xít. Họ cạy răng cố đỗ nước vào miệng anh. Hai đứa bạn đồng hương đang ôm lấy chân anh khóc rống tựa những đứa trẻ lớn xác.

Ngay cả bây giờ, khi đã trở về sống giữa thành phố, nơi cũ năm mét lại có một hiệu cà phê, anh vẫn để trong túi xách một bì đông đầy nước. Như một căn bệnh. Đúng hơn một nỗi sợ ám ảnh.

\*

Một buổi chiều rất lâu sau đó Sơn lại ghé đến nhà người thiêu phụ. Anh liếc nhìn tấm ảnh bạn trên bàn thờ. Người ta đã làm lễ truy tặng danh hiệu anh hùng cho liệt sĩ Nguyễn Ngọc Lâm. Trông nàng trầm tĩnh và đẹp ra rất nhiều. Cái vinh dự của chồng nàng ít nhiều khuây khỏa và tạm nguôi cái chết bi thảm.

Sơn nhìn nàng, nghĩ nàng còn trẻ quá và thấy thương nàng đút ruột. Anh muốn nói điều gì cho nàng vui.

- Em mừng cho anh đi. Kể từ ngày mai anh được cởi bỏ áo lính. Trở về với cuộc sống bình thường thôi !

Nhưng trong lòng anh có một tiếng kêu nghẹn ngào khác. Giả như có thể quên đi tất cả để được yên lòng toan tính tương lai. Chiến tranh chưa dễ buông tha con mồi. Nó tiếp tục sống trong anh, chia sẻ từng giọt nước đầy mộng mị. Giả như những người phụ nữ hình dung được cái cuộc sống của người lính có những bề mặt quái đản đờ khóc đờ cười thế nào. Hắn nàng ghê tởm nếu như biết được...

Vậy mà anh lại khao khát được kể hết với nàng. Trông nàng trinh trắng tinh khiết quá. Hắn nàng không thể hiểu nổi những người như anh một đời khi ước ao được sống như những con người bình thường thế nào.

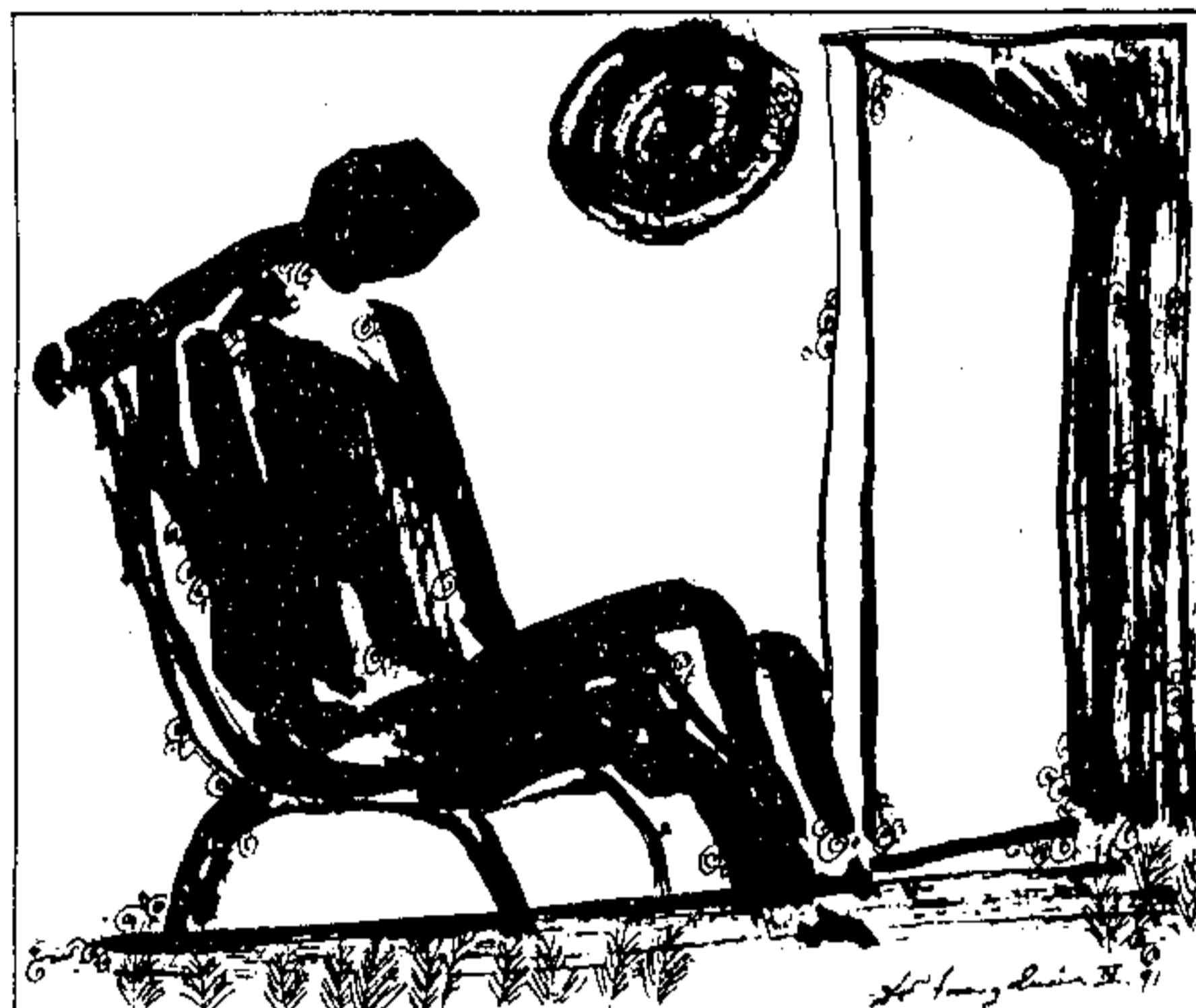
- Anh nghĩ gì mà đăm chiêu thế ? Phun hết khói thuốc vào em rồi nè !

- Xin lỗi !

Sơn nhích ra xa và tiếp tục đốt điếu thuốc thứ hai. Nghĩ gì ư ? Đường như cũng chẳng muốn nghĩ gì đặc biệt. Nhưng cuộc đời nó cứ hiện lên thôi. Đoạn mù mờ. Có đoạn rõ. Nhất là những gì mình muốn quên đi thì lại nhớ dai, nhớ đến từng chi tiết một. Thật cứ y như trêu tức mình vậy. Lúc nào anh cũng nhớ cái mùa thu xám xám, mưa rừng triền miên vào cái thời kỳ xa lắc xa lơ đầu cuộc chiến. Đường như mọi thứ, kể cả con người đều nhão nhöet vì mưa rừng, vì ngày về còn xa xỉ. Gần một năm liền bọn anh đã đứng chặn ở vùng biên giới hoang vu không một bóng thường dân. Một lũ đàn ông sống với nhau, hom hem rã rời vì sốt rét, lúc nào cũng khao khát một người đàn bà. Ở đây họ đã buông chán đến độ có thể nổ khùng lên bởi bất cứ chuyện gì. Quả thật cuộc sống cô độc, bất thường đã đẩy mọi trạng thái cảm đến chỗ quá đáng. Sơn đã nghe chuyện có đơn vị cũng đóng quân trong rừng lâu ngày, có người lính gặp đồng hương mừng quá hóa cõng giường súng bắn chết bạn. Có người vào sống ra chết nhẹ nhõm như chơi. Thậm chí sau mỗi trận đánh anh ta còn dám lật các xác chết lên dùng dao rạch vào lưng phiến

hiệu đơn vị mình để đe dọa bọn lính Pôn Pốt. Tưởng anh ta thắn kinh vũng như thép. Ai ngờ gia đình viết thư báo tin vợ anh ta bị bọn cướp bóc cổ chết thì con người ấy bỗng hóa điên, xé quần xé áo chạy khắp rừng, miệng hú lên những tiếng man dại. Cuộc đuổi bắt chỉ chấm dứt khi vang lên tiếng nổ xe tai phía bắc mìn giữa hai biên giới.

Sau chuyện ấy dường như có một thứ ám tượng kinh hoàng nào đó ngự trị không gian nơi này. Mấy người lính trẻ tuổi đến tối co cụm bên bếp lửa thì thầm nói chuyện. Họ cho nhau xem thư của gia đình, bồ bịch, dặn nhau nếu tao chết mà viết thư về nói thế này, thế này. Cái cảnh những người hai mươi tuổi ngồi bàn soạn công việc sau khi chết thật kỳ dị! Sơn thường ru rú một góc. Anh không thể chia sẻ cùng ai những riêng tư. Nếu như anh chết sẽ chẳng có địa chỉ nào cần nhắn tin. Phải nghĩ đến thế thật đau khổ. Nhưng khi người ta linh cảm thấy hơi thở của thần chết, người ta không thể không ngó lại đôi chút vài quãng đời. Ví dụ như cái hồn anh mới tốt nghiệp đại học chẳng hạn.



Trong thời gian dài chờ việc lang thang khắp vùng trung du số phận đẩy anh một chiều nào đó đến nấp mưa trong ngôi nhà dưới chân đồi dứa. Ở đấy anh gặp một gia đình nhỏ đang sống yên ấm. Hai ông bà già phúc hậu. Còn cô con gái họ đẹp làm sao. Anh làm thơ năm chữ, hái hoa đồng nội tặng cô. Và cuối cùng thì rủ được cô gái vào dạo chơi trong rừng. Bài thơ tình đẹp đẽ đến đấy thì trực trặc. Anh sực nhớ đến cái ước mơ của cha mẹ muốn anh có việc làm và một căn hộ xinh xinh ngoài thành phố. Trong chớp mắt anh nhìn thấy mình mồ hôi nhễ nhại đang gánh hai thùng nước i ạch từng bước trên một đồi dứa mênh mông. Bất giác anh rung mình. Không một lời từ biệt, thật ra cũng chẳng biết nói thế nào cho ổn, anh lặng lẽ đi luôn ra thành phố trong một buổi chiều mùa đông. Ngoảnh nhìn sau lưng, làng trung du tê tái trong cơn gió mùa đông bắc. Những cây dương liễu trên đồi giờ cành khăng khVERRIDE như một bàn tay ngập ngừng vẫy.

Kể ra trời hay chính cô gái nọ thương tình chiều cố đến cái tính hèn nhát của anh. Khách ở quê ra kể chuyện cô gái một mình nuôi con vất vả, nhưng không ai có lời bông gió ám chỉ đến thủ phạm. Anh thở phào và bắt đầu dù can đảm yêu đương nhăng nhít với một vài cô gái khác. Phải đến ba năm sau, khi về chịu tang mẹ anh mới có dịp hiểu ra hình như mình đã để tuột ra khỏi tay cái gì đó vô cùng quý giá. Chiều

nào anh cũng leo lên cây hồi hộp chờ hàng giờ để ngắm trộm mẹ con người thiếp phụ tắm táp dưới suối. Một thằng bé mồm mõm giống anh như tạc ôm cổ mẹ vòi vĩnh không chịu tắm. Mẹ nó hản vất và lầm. Thằng bé xinh như tiên đồng đã gợi tình cha con trong anh mãnh liệt. Anh khao khát được dự mặt vào cái cổ thơm tho con trẻ. Một chiều, vì tiếng cười khanh khách của hai mẹ con, anh đã giật mình buông tay và rời thẳng xuống lòng suối.

Mỗi lần nhớ lại đến đó tim Sơn buốt nhói và anh cảm thấy nghẹt thở. Anh đã chọn không đúng tư thế để cầu xin. Người đàn bà đau khổ và kiêu hãnh nhất định không tha thứ cho cái kẻ rũ rượi quỳ giữa suối. Cô ta lùi xa ra nhưng kẻ khốn khổ đã kịp cảm thấy hai bàn chân bé nhỏ của con mình vồ tình đập đập trên mặt. Và cái cảm giác ấy anh đã nâng niu gìn giữ mãi để cuối cùng nó tan hòa ra ngọt ngào và dễ chịu. Những đêm lạnh giá giữa rừng nghe tán chuyện yêu đương, anh hay lén lút nghĩ đến hai mẹ con người đàn bà dưới chân đồi. Không còn ngôi nhà tranh. Từ bấy đến giờ đã có bao thay đổi. Hai ông bà già đau buồn theo nhau chết cả. Cô gái đã bồng con đi lấy chồng. Một gã thợ mộc không làm thơ. Gã càng không bao giờ nghĩ chuyện tặng hoa. Ngày ngày gã cầm cuội chí chát trên tùng tẩm gỗ bào bóng loáng. Hết ngày, gã ngồi ở đầu hè tự thưởng cho mình một ly rượu. Kỳ nghỉ phép cuối cùng, anh đã bạo gan đến ngôi nhà gỗ của họ. Gã thợ mộc đang giở tay bào nhìn anh đến nửa phút. Rồi không nói không rằng gã đứng lên đi rót cho anh một ly rượu trong vắt sùi tẩm li ti. Họ ngồi với nhau, nói loanh quanh chuyện trong làng dưới cặp mắt thảng thốt của người vợ. Anh cố đợi nhưng không thấy thằng bé. Được nửa giờ hết chuyện anh phải đứng lên. Họ chia tay nhau bình thản. Đi được một quãng anh lén ngoái lại thấy gã thợ mộc đang đưa mạnh những nhát bào. Người đàn bà đứng bên áu yếm nhìn chồng. Họ đã quên hẳn anh. Thế ra chính anh mới là kẻ bất hạnh bị bỏ lại bên đường ???

Vào cái mùa thu xám xám ấy Sơn thấy muôn diên lên. Mọi thứ đều đồng lõa ám ảnh, đưa anh vào một thứ mê hồn trân quá khứ. Anh nằm lì trên vũng nghe nhạc từ chiếc cát-sét nhỏ. Nhưng mỗi bài hát đều gợi nhớ tới một người bạn đã chết hay một kỷ niệm đẹp đẽ qua hồn không trở lại. Mặt anh chảy dài. Anh muốn được nhìn cái làng nhỏ nghèo khổ sau dãy đồi cát, nơi hồn nhỏ anh thường chạy chân đất chơi trò trận giả. Anh kể cho Cường, thằng bạn nằm sát giường nghe những cảm nghĩ của mình. Hắn cười khẩy : " Ông anh đừng vơ vẩn mà hóa điên. Tôi à, các kỷ niệm của tôi đều mộc meo đến nỗi không có loại nhạc nào có thể đánh bóng nó lên được ". Mấy thằng đồng hương trong đại đội nháy mắt nhìn nhau. Hai thằng ranh nhất lục ba lô tìm mấy hộp sữa quá hạn rỉ sét đem đi. Tôi ấy Cường thảy xuống trước mặt anh mấy tấm hình cắt trong tạp chí. Loang loáng trước mặt anh những cặp giò trắng nuột nà hờ hênh, những bộ mặt khiêu khích. Hình khoả thân ! Anh giật mình, lén nhìn xung quanh. Cả đám ngồi dàn xà theo dõi bật cười. Cường thân mật : " Anh không khóc thế chứ tụi nó đứa nào cũng giấu trong ba lô vài tấm hình thế này. Đổi bằng sữa quá hạn đấy. Đời lính ấy mà ! Chúng mình là những kẻ khốn khổ nhất. Cũng phải tìm cách cải thiện chứ ! ". Sơn đỏ mặt sực nghĩ chiều thứ bảy nào lán trại cũng vắng như chùa, trơ trọi mấy mồng gác. Hồi chúng mồm mỉm lắng chuyện. Anh mang máng hiểu cũng lơ luộn. Bây giờ nghe Cường huy chuych toet ra chợt thấy xốn xang

bứt rứt. Chiều xách đõ ra suối tắm anh thường vác theo cái rựa lớn hùng hục chém đõ rạp năm sáu cây khộp, kỳ mệt lù mõi thôi. Cường vắt véo gần đấy quấn thuốc nhìn anh lắc đầu : " *Cái thân chúng mình cũng khốn nạn thật ! Trai tráng khỏe mạnh mà bị nhét vào xó rừng chạy tịnh quanh năm.* Ngày, tuần sau có xe về hậu cứ ba ngày anh cho em đi tranh thủ cải thiện một chút nghe ! ". - " *Thôi cảm ơn !* " Sơn gầm lên chán nản nhìn bộ mặt câng câng của Cường. Cậu ta nhếch mép cười, bâng quơ : " *Dào ôi ! lòng và cũng như lòng sung ! Lên gân để làm gì ?* ".

Để làm gì ? Có lẽ tuân theo một thói quen. Bởi vì chiều thứ bảy Cường đến. Cậu ta nói đơn giản : " *Đi chơi với em đi anh Hai !* ". Sơn theo như cái máy. Hai người thận trọng luồn vào con đường mòn quen thuộc dẫn lên ngọn đồi cao rậm rạp. Thỉnh thoảng Sơn có lên dây để quan sát bên kia biên giới nơi có đồn biên phòng của lính Thái nằm giữa thung lũng. Họ chờ một lúc lâu trong bóng hoàng hôn đang xuống khắp khu rừng. Sơn nằm dài trên mặt đất hút thuốc. Anh cố ra vẻ bất cần về việc mình đã đến đây. Xét cho cùng, anh tự bào chữa, anh cũng chỉ là con người. Mà con người thì yếu đuối, không nên thử thách nó nhiều quá, phải để cho nó sống bình thường.

Cường ngồi cảnh giới trên cao. Cậu ta vô tư huýt sáo bài nhạc ngoại *Because I Love You* đang rất thịnh hành trong đám lính trẻ. Bỗng cậu ta kêu khe khẽ đầy hào hứng : " *Ôi chào anh Hai ơi, hôm nay toàn bọn mới hấp dẫn thiệt !* "

Trên đồi cỏ xanh muộn bên kia biên giới có hai chiếc xe ca vừa đỗ lại. Tuôn ra từ các cửa một đám con gái phấn son rực rỡ, quần áo phong phanh như trên bãi biển. Lính Thái từ trong các nhà ừa ra, hò hét cười nói như hóa rại. Cuộc truy hoan tập thể cuồng loạn diễn ra ngay trên sân cỏ, từ lúc mặt trời chưa kịp tắt đi những ánh nắng cuối cùng, kéo dài đến gần nửa đêm. Những ông A đam và bà Ê va cứ tràn trề đì lại, xịt bọt sâm banh lên друг nhau và chạy quanh quẩn tìm chọn một con mồi cho ngon lửa dục vọng.

Khi những ngọn đèn điện quanh sân bị bắn vỡ hết, họ hé nhau chất cùi đốt lên một đống lửa vĩ đại dù soi sáng đến từng xó xỉnh xa xôi nhất và cứ thế trong bộ y phục của tổ tông họ nhảy múa. Mặc dù đã nhìn thấy nhiều người chết và đã từng bắn chết nhiều người, Sơn vẫn run từng cơn khi chứng kiến cảnh này. Anh có cảm tưởng đang xem những giây phút tận thế của loài người. Rằng trước linh cảm hủy diệt người ta sẽ bối rối không biết phải làm gì. Bản năng sẽ chỉ dẫn cho họ cách xịt rượu sâm banh lên đầu, làm tình và nhảy những điệu man rợ nhất.

Không bao giờ Sơn quay trở lại ngọn đồi đó vào những buổi chiều thứ bảy nữa. Anh sợ phải sống lại cái cảm giác của người đang ở những phút cuối cùng của cuộc đời. Anh chống chọi một cách tuyệt vọng trong những giặc mộng, tinh thần rã rời và đau khổ hơn bao giờ hết. Những trận mưa rừng dường như không bao giờ dứt, vĩnh viễn cầm tù cuộc đời anh ở đây. Và đêm đêm xen giữa những cơn ác mộng quái đản về bầy người trở về nguyên thủy thì cô ta lại hiện ra. Cô ta – người đàn bà mà anh căm thù nhất. Người đàn bà chỉ thoảng đi qua trong đời anh vài giờ đồng hồ mà không khi nào nghĩ tới anh lại không cảm thấy đau đớn. Cái cô bé diễn viên múa ấy. Quý quái thay, cô ta hiện ra giữa những giấc mơ của anh luôn luôn thánh thiện, dưới những dáng vẻ mê hồn. Cái dáng vẻ mà trong cơn giận hờn anh thường cố khoác lên cho nó

những gì làm anh thỏa mãn lòng tự ái, rằng cô ta tầm thường, rỗng tuếch và phù phiếm. Tóm lại không có gì đáng để nói. Thế nhưng bao lần tinh dậy anh bắt gặp mình đang siết trong lòng bàn tay ướt đẫm mồ hôi cái mảnh áo nhỏ xíu xinh như cánh hoa mà anh đã lén lút, như một thằng ăn trộm cuỗm nó trên cái dây phơi của đám diễn viên. Luôn luôn anh nhớ cô y hệt cái hôm đầu duyên dáng trên một cái xe tăng bất ngờ hiện ra trước mặt đám lính trẻ đang đờ người vì ngưỡng mộ. Anh nhớ cô mỏng manh trong bộ đồ múa, cặp mắt hoang dại lướt dọc theo cánh tay của diệu múa tế thần lửa. Anh nhớ cô co quắp nức nở dưới gốc bàng láng khi tình cờ anh đã cứu cô thoát khỏi ba thằng bé tân binh định làm ấu trong khu rừng thưa. Thân hình cô mỏng mảnh mại và run rẩy làm sao, trong khi anh với tuổi trẻ và năm tháng bị giam hãm trong rừng đã đồn cho tình yêu muộn màng tất cả những cuồng nhiệt còn sót lại. Anh nhớ hết. Chỉ có tại sao điều ấy xảy ra nhanh chóng thế. Làm sao mà anh lại có thể liều lĩnh ôm ghì lấy cô ngay khi cô còn chưa đủ tỉnh táo để nói lời cảm ơn thì anh không nhớ nổi. Tất cả hệt như một tia chớp lóe lên trong sự mê muội truyền đời và anh đã muốn khóc vì sung sướng. Nhưng đáp lại sự xúc động của anh là ánh mắt thất thần, hai bờ vai trần so lại run rẩy. Anh vẫn chưa hiểu bởi quá ngây ngất vì cái hương vị ngọt ngào vừa bất ngờ khám phá. Cô quay gương mặt đẫm lệ về phía anh thì thăm như sợ những cây bàng láng thưa thớt có thể nghe được những lời rời rạc : " *Chúng ta làm gì thế này...? Không thể được...! Không được đâu* ". Những giọt nước mắt lại tràn ra và bị hàng mi dày ngăn giữ. " *Nếu như sau này một lần nữa số phận nối lại đường chúng ta đi thì lúc ấy biết đâu có thể được...!* " Nhưng anh không chịu nghe một điều gì trong những lời phân trần của cô. Anh cảm thấy mình bị lừa phỉnh, bị xúc phạm và một cơn tức giận khó kìm nén làm anh phải quay đi nơi khác để che giấu gương mặt đang trở nên méo mó. Cô đưa vào tay anh một mảnh giấy : " *Địa chỉ nhà em đây. Chỉ khi nào anh đã sống thật nhiều, đau khổ thật nhiều không còn con đường nào thoát ra thì anh hãy đến. Có thể khi ấy chúng ta còn hạnh phúc hơn cả hôm nay. Đừng căm thù em !* ".

Đến khi anh tỉnh táo lại đôi chút thì cô đã đi xa. Mảnh giấy cô để lại cho anh cũng biến mất. Có lẽ một cơn gió vô tình nào đó đã làm hộ anh việc chặt đứt chiếc cầu nối cuối cùng. Tối hôm ấy khi dần nhạc nổi lên trước hàng trăm con mắt háo hức của bộ đội thì cô lại cùng đội múa hiện ra. Vẫn cặp mắt hoang dại và thân hình uyển chuyển. Anh sợ hãi nhận thấy mình có một ý muốn man rợ được siết bàn tay vào cái cổ nõn nà kia để thấy cái đầu đang kiêu hãnh vươn cao phải rũ xuống. Sơn lùi thui ra khỏi nơi biểu diễn, lang thang về lại doanh trại. Thốt nhiên anh dừng lại gắn chặt mắt vào cái dây phơi. Một cái áo lót phụ nữ có thêu hai chữ H nhảy nhót trước con mắt đã hoa lên. Bao nhiêu hồi tưởng và nỗi luyến tiếc ùa đến bóp nghẹt tim anh. Đêm ấy Sơn phải thốt lên : " *Đồ ma quỷ* " khi anh nhận ra mình đang điên dại vùi mặt vào cái kỷ niệm cuối cùng.

Anh đã qua suốt một cuộc chiến mười năm không vết xước. Lẽ dĩ nhiên chẳng ai cấp sổ thương binh cho những con ác mộng riêng tư. Chỉ đến khi thử theo bạn bè ngụp lặn trong

(xem tiếp trang 31)

# YERSIN (1863 - 1943) : Một Hành Trình

Nguyễn Thắng

Alexandre Yersin sinh năm 1863 ở Lavaux, Thụy Sĩ, học trung học ở Lausanne, 1884 vào năm thứ nhất y khoa ở Marburg. Nhưng rồi thích được tiếp tục ở Paris hơn. Năm 1885 theo học tại khoa của giáo sư Cornil, bệnh viện Hôtel-Dieu, năm 1887 làm ngoại trú bệnh viện Enfants - Malades và đến 1888 trình luận án về dạng lao củ thực nghiệm, đến nay vẫn còn được gọi theo tên kinh điển là "bệnh lao loại hình Yersin". Năm 1889 ông nhập quốc tịch Pháp.

Thời đó bệnh nhân mắc bệnh chó dại từ khắp Âu châu đến khoa của giáo sư Cornil, xin được điều trị theo phương pháp Pasteur mới phát minh. Khi ấy Pasteur còn làm ở đường Ulm. Yersin vốn say mê vi sinh vật học đã xin gặp Pasteur và Roux từ 1886 và, vừa đi học, vừa làm không công cho phòng thí nghiệm đường Ulm, rồi cho Viện Pasteur khi Viện được khánh thành năm 1888.

Lúc làm tại bệnh viện Enfants - Malades, Yersin phải chứng kiến cảnh bệnh bạch hầu tác hại, làm cho trẻ em nghẹt thở mà chết trong đớn đau, ông thuyết phục Emile Roux, khi ấy đang mê say nghiên cứu vi trùng Koch, cùng ông lao vào tìm cách trị bệnh bạch hầu. Hai người phát hiện ra độc tố của vi trùng gây bệnh, và nhờ đó Roux cùng với Behring chế tạo nên huyết thanh chống bạch hầu.

1889, Roux nhận Yersin vào làm điều chế viên Viện Pasteur, tham gia giảng dạy vi sinh vật học.

Được một năm, Yersin vốn vẫn bị biến cả quyền rũ, nỗi chí tang bồng, bỏ Viện Pasteur, làm thuyền thuộc cho hãng Messageries Maritimes trên tuyến đường Sài Gòn - MaNí, rồi tuyến Sài Gòn - Hải Phòng.

Được ít lâu, sau khi đã nắm thêm kiến thức về các môn thiên văn, khí tượng, vật lý, nhiếp ảnh, Yersin đi thám hiểm vùng cao miền Trung, khi ấy chưa có người da trắng nào đặt chân tới. Các báo cáo của ông có minh họa bản đồ, bình đồ và ảnh chụp là những tài liệu đầu tiên về một số vùng đất nước Việt Nam. Trở về, Yersin vạch ra nhiều tuyến đường giao thông trọng yếu, một số là do chính ông chỉ đạo mở đường. Cũng chính Yersin đã xác định được nguồn sông Đồng Nai, trên đường thám hiểm tìm nguồn ông phát hiện một cao nguyên thoáng, rất trong lành tại vùng Lang Biang. Đến 1897, khi Toàn quyền Doumer có ý định tìm chỗ lập một nơi nghỉ mát và một viện điều dưỡng lao trên ráo cao, Yersin khuyên nên chọn cao nguyên ông mới tìm ra, nơi ngày nay là thành phố Đà Lạt.

Năm 1892, Yersin nghỉ việc ở Messageries Maritimes, trở thành thuyền thuộc Sở y tế thuộc địa và bắt lại liên lạc với Viện Pasteur.

Dịch hạch nổ bùng tại Trung Quốc. Ngày nay ta khó mường tượng nổi vào cái thời chưa may mắn gì xa xôi đó nguy cơ dịch hạch cho toàn thế giới ghê gớm đến chừng nào. Hiếm họa nạn dịch hạch lan tràn không chỉ cản nỗi còn đậm nét trong trí nhớ của loài người : Đại dịch thời Trung cổ từ Ấn độ lan đi, không đầy 4 năm tràn khắp châu Âu, chỉ từ 1346 đến 1353 giết hại 25 triệu người, kẽ như là cứ ba hoặc

bốn người thì chết mất một. Rồi dây dưa suốt ba thế kỷ, thỉnh thoảng lại bùng lên ở các đô thị lớn như Venise, Marseille, ... lần nào cũng để lại ấn tượng khủng khiếp cho người đương thời.

1894 dịch hạch tràn đến Hồng Kông, cảng san sát tàu biển các nước khắp năm châu. Nguy cơ bệnh theo đường biển mà lan khắp nơi hiển hiện trước mắt. Mà đúng thế. 1896 dịch tới Bombay, 1897 tới Suez, 1899 Madagascar, rồi những năm sau đó Alexandria, Nhật, Đông Phi châu, Bồ Đào Nha, rồi Úc, Mỹ....

Trở về năm 1894, Anh, Pháp, Nhật...nhiều nước phái người đến Hồng Kông nghiên cứu dịch hạch. Không khí sôi nổi ghen đua, tranh nhau tìm thủ phạm gây bệnh, khi ấy đã đoán được là một vi khuẩn lây giữa chuột và người nhưng chưa ai hình dung và biết đặc tính như thế nào để phòng ngừa, chạy chữa. Đoàn Pháp, tiếng thề nhưng thật ra lèo tèo gần như vỗ vẹn có mình Yersin, trang bị lại lôi thôi, không có lây được cái lò hấp bảo đảm 37 độ C, nhiệt độ tối ưu để cây vi trùng. Lò của Yersin hiu hắt khoảng 27 - 28 độ. Đoàn Nhật tuy nhiên bồ tìm ra trước tiên; nhưng sai, không đúng vi trùng gây bệnh. Con vi trùng Yersin phát hiện ngày 20 tháng 6 năm 1894 mới chính là thủ phạm dịch hạch, ngày nay mang tên Yersina pestis. Cái nghèo lại dâm ra cái may, riêng đối với Yersina Pestis nhiệt độ cây tối ưu là 27 - 28 độ ! Sau đó Yersin trở về Paris, cùng với Calmette và Borel chế tạo ra liệu pháp huyết thanh chống dịch hạch.

Yersin lập một phòng thí nghiệm ở Nha Trang nghiên cứu các bệnh người và bệnh dịch gia súc khi ấy thịnh hành ở nước ta. Ông chế tạo vac-xin và huyết thanh chống dịch hạch, chống bệnh dịch trâu bò, nghiên cứu các bệnh uốn ván, bệnh dịch tả, bệnh đậu mùa,... Để kiêm nguồn tài trợ cho phòng thí nghiệm, ông cho trồng bắp, cây lúa, trồng cà phê; ông du nhập cây cao-su gốc ở Brasil ( Hevea brasiliensis ) và luyện cho cây hợp với thủy thổ Đông Dương. Thế chiến thứ nhất, Đông Dương không có thuốc kí-nin để trị bệnh sốt rét. Năm 1920 Yersin du nhập cây canhkina ( Cinchona ledgeriana ), ba năm sau thành công và Đông Dương tự sản xuất được thuốc kí-nin cho đến Thế chiến thứ nhì. Trong chiến tranh cây canhkina bị bỏ rơi.

Yersin chủ trì lập trường Y khoa Hà Nội năm 1903 - 1904. Sau đó ông trở về sống ở Nha Trang cho đến ngày lâm chung năm 1943. Phòng thí nghiệm của ông chính thức trở thành Viện Pasteur Nha Trang từ 1903. Ông ít rời Nha Trang, mỗi tháng về Sài Gòn một lần vì ông kiêm nhiệm giám đốc Viện Pasteur Sài Gòn, và mỗi năm một lần về Viện Pasteur Paris mà ông là giám đốc danh dự từ khi người bạn cố giao của ông là Emile Roux mất năm 1933.

Sinh ra trên đất Thụy Sĩ, quốc tịch Pháp, nơi yên nghỉ cuối cùng của Yersin là Nha Trang. Một cuộc đời tám mươi năm, hơn nửa đời lăn lộn gắn bó với đất nước Đông Dương. Cuộc hành trình trên bôn мươi năm của con người

ây trên đất nước ta đâm hoa kết quả, cho đến ngày nay và chưa hết ra bông tròn trái.

Hoa đẹp đẽ nhìn, quả ngon đẽ hưởng, ấy là thường tình. Mấy ai nhớ đến người vỡ đất trồng cây. Gần đây, sau 1975, có những người làm khoa học trong nước cần gấp chi tiết về giò giắc và mực thủy triều quanh năm ở Nha Trang, không tìm đâu ra tài liệu, gửi thư nhờ kẻ viết bài này đến lục ở Viện hải dương học Paris. Có ngay bản in đầy đủ giò giắc chi tiết, với một hàng chú thích chữ nhỏ cuối cùng : giò giắc, mực nước thủy triều này do Yersin ghi sô tay trong những buổi đi câu ở Nha Trang.

Mấy ai ngày nay còn nhớ đến nhà vi khuẩn học tài ba, nhà thiên văn, khí tượng học, nhà thám hiểm say mê đất nước Việt Nam, nhà kỹ sư nông học ảnh hưởng sâu đậm đến kinh tế cả ba nước Đông Dương.

Thênh nhưng mộ chí Yersin và miêu nhỏ bên cạnh, trải bao vật đổi sao dời những năm chiến tranh tàn khốc vừa qua, vẫn hương khói không dứt. Không chắc gì những con người chất phác gìn giữ được khói hương đến nay hiểu công trình khoa học của Yersin. Khói hương là khói hương lòng, nhớ tình con người với con người, lúc sống đậm đà với nhau, người mất đi trăm năm tình còn chưa dứt.

Nhân kỷ niệm tròn trăm năm Viện Pasteur Việt Nam, nghĩ cũng nên nhớ lại Yersin, con người mãi mãi gửi xương gối thịt cho đất nước ta.

Nguyễn Thắng



F O R U M

### Phiếu mua dài hạn báo Diễn Đàn

Tên họ .....

Địa chỉ .....

ghi mua 1 năm báo Diễn Đàn kể từ số.....

Kèm theo đây ngân phiếu đề tên **HA DUONG**, gồm :

.....FF, là tiền mua báo (Pháp : 250 FF ; các nước khác : 280 FF ; máy bay : DOM-TOM thuộc Pháp, 300 FF, các nước khác 330 FF)

.....FF, là tiền ứng hộ.

Xin gửi phiếu này và chèque về Diễn Đàn, 193 rue de Bercy, 75582 Paris Cedex 12, France

## Cửa thiên đường chật hẹp

(tiếp theo trang 29)

những thú vui của thời bình thì anh mới hiểu mình đã ôm yếu suy sụp đến thế nào. Những cô gái diêm dịu dàng và thông cảm còn hơn cả một người thân vỗ về an ủi khi anh khóc hay trở nên cuồng giận vì thất bại. Một thời gian dài anh thấy khốn khổ và lo sợ mình không còn là đàn ông. Anh làm r้าย tai các cô gái ngủ với anh những câu lảm nhảm về chuyện anh đã mang theo cuộc hành quân những cái xác chết ba tháng như thế nào. Họ vừa nghe vừa cười, bĩu môi không tin. Một lần anh lần thẩn hỏi họ về cô diễn viên múa có một cái nốt ruồi rất xinh dưới mắt. Nốt ruồi giọt lệ. Các cô cười phá lên, chỉ vào một cô bé còn rất trẻ bảo : "Nó đây này ! ". Cô gái giật mình quay lại. Quả nhiên dưới mi mắt cô lóng lánh một chấm đen nhánh. Cô gái ngạc nhiên : "Anh biết chị em ? ". Sơn bật ngồi dậy, vơ vội cái áo choàng vào người : "Dẫn tôi đến chỗ cô ấy. Tôi cần gặp cô ấy ! ". Cô gái òa lên khóc : "Chị ấy chết rồi còn đâu. Chị của em xinh đẹp và kiêu ngạo hơn người. Vậy mà chồng chị bắt chị đến ngủ với những người giàu có quyền thế. Chị ấy không chịu anh ta đánh đập tàn nhẫn và chửi rủa đủ điều làm chị ấy uống thuốc tự tử. Lão anh rể em là một thằng khốn kiếp. Lão định bắt em thế chỗ chị gái để làm lợi cho con đường tiến thân của lão. Lão dọa sẽ không nuôi em ăn học nếu không nghe lời... Nhưng thà em đi làm diêm còn hơn ! ". Cô gái cười như người lên cơn thần kinh. "Anh đã thấy ở đâu một cô sinh viên y khoa di làm diêm chưa ? ". Sơn hoảng hốt chạy thoát ra khỏi căn nhà đó như bị một cơn gió thổi tạt đi. Cô gái đứng tựa vào lung cửa nhìn theo. Hạt nốt ruồi dưới mi nom buồn hơn giọt nước mắt.

Thế là cái bến đậu mơ hồ cuối cùng của đời anh đã mất. Sơn lang thang trong thành phố ba ngày liền, tòng teng trên tay một cái bi đồng cũ lúc nào cũng đầy nước húng ở máy công cộng đọc đường. Cuối cùng anh thấy mình đứng trước cửa nhà người quả phụ của bạn anh. Nàng có nhà. Nàng mới gội đầu bằng nước thơm mùi trái táo khiến không gian quanh nàng ngọt ngào mùi trái chín. Tóc nàng dấp薪水. Mắt nàng nhìn xa xăm. Nàng hơi nhăn mặt khi thấy anh vào nhà không gõ cửa, áo quần xộc xệch. Họ im lặng nhìn vào mắt nhau trao đổi với nhau một câu chuyện không lời dài mấy tiếng đồng hồ. Anh đặt dưới chân nàng tất cả nỗi thống khổ anh gặt hái trong cuộc đời. Nàng nhìn thấy sùng sững trước mắt cái bức tường vô hình của vị trí xã hội, bằng cấp. Mắt nàng trở lại xa xăm. Nàng không nhìn thấy anh nữa. Anh hiểu hết !

Lại ba hôm nữa trôi qua. Người quả phụ nhận được một bức điện. Run run nàng cầm lên đọc : "Con trai chúng tôi đã chết vì một cơn đau lạ. Tang lễ cử hành lúc mười giờ sáng. Mong sự có mặt". Người quả phụ run lên như một cây non trên đồi gió. Nàng gục mặt vào hai bàn tay. Ở đâu đó nàng nhìn thấy một đôi mắt mở rất to, đang nhìn nàng khẩn cầu.

Đà Nẵng, tháng 9-1990

Đoàn Bích Hồng

(Thanh Niên, Xuân 1991).



**VIPHARCO**

quảng cáo

hợp pháp  
phát nhanh  
hối suất cao  
miễn thuế  
bảo đảm

## CHUYÊN TIỀN VỀ VIỆT NAM

( Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh  
và các tỉnh lân cận ).

Muốn chuyển nhanh, xin gửi *mandat*  
hoặc *chèque de banque*

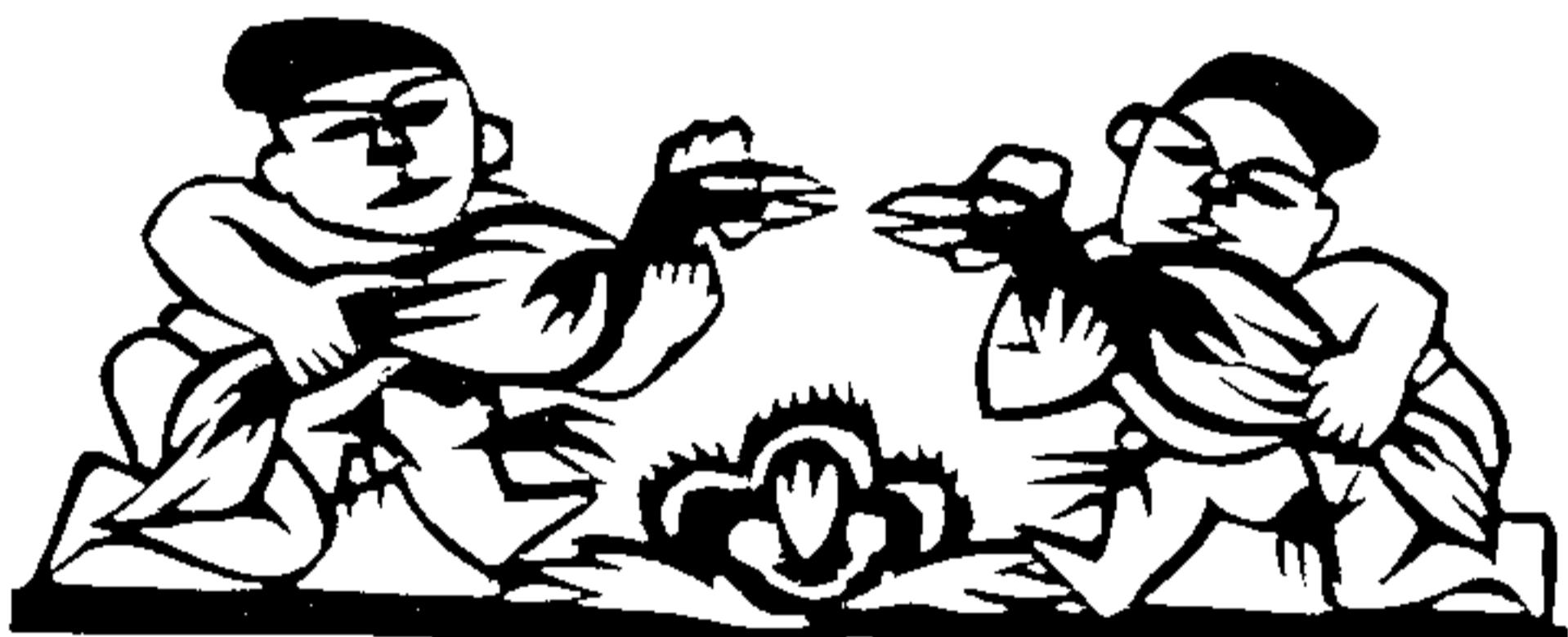
ĐỂ BIẾT THÊM CHI TIẾT

XIN LIÊN LẠC VỚI CÔNG TY VIPHARCO

12, avenue Charles De Gaulle, 91420 Morangis

☎ (1) 64.54.93.44 hay (1) 64.54.85.28

Fax : (1) 64.48.56.83



Tìm đọc

quảng cáo

## ĐẶNG HUY TRÚ, CON NGƯỜI VÀ TÁC PHẨM

Đặng Huy Trú (1825 - 1874), làm quan nhỏ dưới triều Tự Đức, nhưng "kháng khái, có chí lớn, dương trù tính nhiều việc, chưa làm xong đã mất, ai cung tiếc" (Đại Nam Nhất Thống Chí). Hai lần, do Phạm Phú Thú tiến cử, ông được phái đi sứ Trung Quốc (1865 và 1867) để tiếp xúc với kỹ thuật Tây phương. Ông là người tiến cử Hoàng Diệu. Bác ruột làm thượng thư trong triều mà ông dám đả phá lễ giáo; năm 18 tuổi, sau khi đậu cử nhân, dù không được gia đình ưng thuận ông vẫn lén kết duyên với cô lái đò hàng ngày đưa ông qua sông sang kinh thành học ở Quốc Tử Giám.

Ông để lại trên 1500 bài thơ văn nhưng mãi đầu năm 1990 gia đình họ Đặng mới cho dịch được một số và cho xuất bản để kỷ niệm 165 năm ngày sinh của ông.

Sách có bán tại NHÀ VIỆT NAM và SUDESTASIE dường Cardinal Lemoine, Paris 5e (Sách khổ lớn 19X26 dày 562 trang)

Đón Đọc

quảng cáo

## TIẾNG NÓI DÂN CHỦ CHO VIỆT NAM

Tập Sách Đặc Biệt 300 trang gồm những bài nẩy lửa của Việt Nam : Trần Xuân Bách - Hoàng Minh Chính - Lương Dân - Phan Đình Diệu - Lữ Phương - Nguyễn Hộ - Nguyễn Xuân Oánh - Phan Tự Chủ - Phạm Xuân Đài - Chân Tín - Trần Quốc Vượng - Dương Thu Hương , Nguyễn Khắc Viện. Đông Âu : Phạm Văn Viên (Bulgaria) - Lê Bình (Russia) - Điểm Tin Báo Chí , Diễn đàn, Thời Mới (Tiệp Khắc) và Bùi Tín (Pháp), Trương Tam (Bỉ), Trần Quốc Định (Hoa Kỳ), Richard Hedges (New York Times) Bernard K. Gordon (Foreign Affairs)....

Phát Không cho các đọc giả trong nước, Đông Âu và Liên Xô  
Các đọc giả ở Hoa Kỳ, Canada trả \$ 10 US . Đọc giả các nước  
khác trả \$14 US (cước phí Airmail). Gửi thư, hoặc Cash, (or  
check, money order payable to Saigon Press.) về :

PO BOX 4599 University Station IRVINE CA. 92716

Đón Đọc Tạp Chí

## VĂN ĐỀ VIỆT NAM

quảng cáo

**VĂN ĐỀ VIỆT NAM** là nơi để trình bày những ý kiến về những vấn đề của đất nước, do một nhóm trí thức Việt Nam chủ trương.

Chủ Đề Số Ra Mắt : **CỨU NƯỚC HAY CỨU ĐẢNG ?**

**VĂN ĐỀ VIỆT NAM** Xuất bản một năm 4 số phát hành khắp thế giới. Đọc giả ở Đông Âu, Liên Xô và Việt Nam được gửi miễn phí, chỉ cần gửi yêu cầu và địa chỉ về toà soạn. Đọc giả các nước khác xin trả 10 \$US mỗi quyển kể cả cước phí air mail (gửi US\$ cash, money order hay chi phiếu tiền Mỹ, Đức, Pháp, Ca...để tên Saigon Press). Các tác giả hiện sống ở Đông Âu, Liên Xô và Việt Nam có bài vở được đăng trên **Văn Đề VN**, được trả nhuận bút từ \$50 đến \$200US .

**Số Ra Mắt VOL I - 1991 - Phát hành tháng 11 - 1991**

PO BOX 4599 University Station IRVINE CA 92716 USA

DIỄN ĐÀN FORUM @ 193 rue de Bercy, 75582 PARIS CEDEX 12

Directeur de publication : Hà Dương Tường @ Dépôt légal : 178/91 @ Commision paritaire : en cours